

**CHƯƠNG TRÌNH VIẾT TIÊU SỬ CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO
CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC**

**LÊ DUẤN
TIÊU SỬ**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2007**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đồng chí Lê Duẩn là một trong những chiến sĩ cách mạng tiền bối của Đảng, một học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam. Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Lê Duẩn gắn liền với những bước ngoặt lịch sử hào hùng của dân tộc ta trong thế kỷ XX. Gần sáu mươi năm hoạt động cách mạng liên tục, đồng chí đã có nhiều đóng góp to lớn đối với cách mạng Việt Nam và phong trào công sản, công nhân quốc tế; cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Với tư duy mẫn tiệp, ý chí kiên cường, nhiệt tình cách mạng cháy bỏng và tấm lòng công sản trong sáng, đồng chí được nhân dân và cách mạng tin tưởng giao phó nhiều trọng trách quan trọng của Đảng và Nhà nước ta: Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ; Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ, Bí thư Trung ương Cục miền Nam; Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam; Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cùng với tổng kết thực tiễn cách mạng phong phú, đồng chí Lê Duẩn không ngừng nghiên cứu lý luận nhằm góp phần làm sáng tỏ con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và đóng góp tích cực vào kho tàng lý luận của phong trào công sản quốc tế. Đồng chí đã cùng với Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, xác định đường lối và phương sách cách mạng đúng đắn, sáng tạo đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành nhiều thắng lợi huy hoàng, giải phóng miền Nam, đưa cả nước thống nhất tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của đồng chí cố Tổng Bí thư Lê Duẩn (7-4-1907 - 7-4-2007), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách **Lê Duẩn Tiểu sử**, do Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ của Đảng biên soạn, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Chỉ đạo Chương trình viết tiểu sử các đồng chí Lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, do đồng chí Trương Tấn Sang - Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư - làm Trưởng ban.

Nội dung cuốn sách thể hiện một cách có hệ thống và sinh động về thân thế và sự nghiệp cách mạng, cũng như những đóng góp to lớn của cố Tổng Bí thư Lê Duẩn đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng và xây dựng đất nước ta trong hơn nửa thế kỷ hào hùng và oanh liệt. Nhà xuất bản hy vọng cuốn sách sẽ cung cấp cho cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân những tư liệu quý về một nhà lãnh đạo cách mạng kiệt xuất của dân tộc và qua đó rút ra những bài học bổ ích, tích cực học tập, noi theo tấm gương của các anh hùng, liệt sĩ và các bậc cách mạng tiền bối đã cống hiến trọn đời vì tương lai tươi sáng của dân tộc. Do nhiều yếu tố khách quan, chắc chắn cuốn sách khó tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với đồng bào, đồng chí trong cả nước.

Tháng 3 năm 2007

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Đồng chí Lê Duẩn là một trong những chiến sĩ cách mạng thuộc lớp đảng viên đầu tiên của Đảng, một học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Đồng chí đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, cho tự do, hạnh phúc của nhân dân.

79 tuổi đời, 56 tuổi Đảng, gần 60 năm hoạt động cách mạng liên tục ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam, đồng chí Lê Duẩn được Đảng, nhân dân tin cậy, giao phó nhiều trọng trách: Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ (1937), Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng (1939), Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, Bí thư Trung ương Cục miền Nam (1946- 1954), Ủy viên Bộ Chính trị (1951), Bí thư thứ nhất, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1960- 1986). Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Lê Duẩn gắn liền với quá trình cách mạng hào hùng của dân tộc ta, từ những năm 20 đến những năm 80 của thế kỷ XX.

Là nhà lãnh đạo kiệt xuất, nhà lý luận sắc bén, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam, người chiến sĩ quốc tế trong sáng được kính trọng trong phong trào cộng sản và quốc tế và là một tấm gương sáng ngời ý chí đấu tranh của một nhà yêu nước lớn, đồng chí Lê Duẩn đã có nhiều cống hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc và hạnh phúc của nhân dân.

Cuốn sách *Lê Duẩn Tiểu sử* là kết quả của sự tham khảo, kế thừa thành tựu của những người đi trước cùng với sự cộng tác, giúp đỡ của nhiều vị lão thành cách mạng và gia đình đồng chí Lê Duẩn.

Mặc dù đã rất cố gắng, song chắc chắn công trình còn nhiều khiếm khuyết. Rất mong nhận được những ý kiến góp ý, bổ sung để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn chỉnh hơn.

Nhân dịp cuốn sách ra mắt bạn đọc, nhóm tác giả trân trọng cảm ơn sự chỉ đạo sát sao và thiết thực của Ban Chỉ đạo và Ban Chủ nhiệm chương trình; cảm ơn Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; các đồng chí lão thành cách mạng và gia đình đồng chí Lê Duẩn đã nhiệt tình cộng tác, giúp đỡ chúng tôi hoàn thành công trình này.

NHÓM TÁC GIẢ

QUÊ HƯƠNG - GIA ĐÌNH - TUỔI TRẺ (1907 – 1927)

Đồng chí Lê Duẩn sinh ngày 7-4-1907 tại làng Bích La Đông, tổng Bích La, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (nay là làng Bích La Đông, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị).

Quảng Trị - quê hương đồng chí Lê Duẩn là một tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ, có diện tích đất tự nhiên 450 200 ha; phía Đông giáp biển, phía Tây giáp nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào; phía Nam giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế và phía Bắc giáp tỉnh Quảng Bình. Quảng Trị tựa lưng vào dãy Trường Sơn hùng vĩ và ngoảnh mặt ra biển Đông bao la, phóng khoáng. Địa hình Quảng Trị, thấp dần từ Tây sang Đông, có sự đan xen giữa vùng gò đồi, thung lũng, miền nội đồng và cồn cát ven biển.

Núi rừng Quảng Trị chiếm 80% diện tích đất tự nhiên. Trước đây, phần lớn địa hình Quảng Trị được bao phủ bởi rừng rậm. Đây là một phần của dải Trường Sơn chạy dọc phía Tây thuộc toàn bộ miền Trung. Trường Sơn là biên giới giữa hai quốc gia Lào - Việt với đặc điểm khí hậu "Đông nắng, Tây mưa", nhưng chưa bao giờ trở thành biên giới tộc người, biên giới văn hoá đối với người Bru - Vân Kiều, Tà Ôi (Vân Kiều, Pa Cô) cũng như người Việt; mà là gạch nối liên tục trong lịch sử thông qua cửa khẩu Lao Bảo. Phía trước các dãy núi cao là vô số đồi đất đỏ lan toả từ Vĩnh Linh, Do Linh đến Cam Lộ, từ Trường Sơn đến mép biển Cửa Tùng. Ở vùng Đông Vĩnh Linh, các đồi đất đỏ badan nhô ra phía trước, tạo thành những mũi đất lẫn đá trông giống như những con khủng long vươn mình ra biển. Xen kẽ với địa hình vùng đất đỏ badan là thung lũng, bồn địa và các dòng suối nhỏ ngang, dọc hợp thành các con sông lớn mà tiêu biểu là *Nguồn Hàn* - con sông bao đời nay đã trở thành biểu tượng ăn sâu vào tiềm thức người Quảng Trị. Từ lâu, trong dân gian đã lưu truyền câu ca:

Chẳng thơm cũng thể hương đàn,

Không trong cũng nước Nguồn Hàn chảy ra.

Những dải đồng bằng hẹp hay thung lũng lớn thuộc lưu vực các sông chảy từ phía Tây xuống biển Đông như: sông Hiền Lương, sông Hiếu, sông Thạch Hãn, sông Vĩnh Định, sông Ô Lâu, sông Lai Phước... là những dải ruộng nước và bãi đất hoa màu. Dọc ven các triền sông là những dải đất cao, nên đó là những làng xóm khá trù phú. Diện tích đồng bằng Quang Trị nhỏ, chỉ chiếm khoảng 20% đất tự nhiên, có độ cao trung bình 1,5 - 2,5m so với mực nước biển.

Do địa hình Quảng Trị có độ ngăn cách hẹp, sông ngắn nên mặc dù mật độ sông ngòi dày nhưng lòng sông có độ dốc cao, nhiều thác ghềnh nên lượng phù sa ít, độ phì nhiêu kém xa vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. Chính vì vậy ưu thế của Quảng Trị xưa nay không thuộc về cây lúa nước, nhưng lúa chiêm chịu hạn là một thành quả của cư dân cổ vùng này nói riêng, của miền Trung nói chung.

Dọc theo bờ biển Quảng Trị từ phía Nam kéo dài tới vùng ven biển Nam Trung Bộ là những dải cồn cát trắng xen kẽ giữa nội đồng và ven biển. Những cồn cát này không ổn định, thường di động vào mùa gió Tây Nam và có xu hướng lấn dần đồng ruộng.

Thềm lục địa Quảng Trị mang nặng những đặc điểm của bán đảo. Chạy dài theo bờ biển là các bãi cát mịn, độ thoát lớn, mực nước không quá sâu. Có hai con sông lớn chạy từ Tây sang Đông ra biển đã tạo thành hai cửa biển: Cửa Tùng và Cửa Việt vốn đã trở thành hai cảng sông, cảng biển từ khá sớm trong lịch sử. Ngoài khơi có đảo ven bờ là Cồn Cỏ, nằm cách Cửa Tùng hơn một dặm, đứng vững một mình trấn giữ cửa biển.

Cũng như các địa phương khác của Việt Nam, Quảng Trị nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nắng lắm, mưa nhiều, nền nhiệt cao. Nhưng Quảng Trị lại thuộc tiểu vùng khí hậu Trung Trung Bộ, có một mùa mưa lệch pha với hai đầu Nam-Bắc. Mưa đi liền với rét, nắng đi liền với khô nóng. So với các vùng khác thì Quảng Trị một năm có một mùa nắng khá gay gắt. Nắng đi liền khô nóng với đặc trưng là gió Tây Nam mà dân gian quen gọi là *gió Lào* làm cho tháng Ba, tháng Tư trở thành "tháng khốn, tháng nạn". Sự khắc nghiệt của thời tiết đã từng làm cho con người Quảng Trị phải chịu lắm nỗi gian truân, vất vả. Chính điều đó đã tạo nên những nét rất riêng được coi là bản sắc của một vùng văn hoá đậm tính khu biệt.

Địa danh Quảng Trị xuất hiện từ đầu thời Gia Long, nhưng đất này vốn có một quá trình lịch sử rất dài từ hàng vạn năm trước. Đến thời Hán thì thuộc quận Nhật Nam, sau là đất châu Ô và châu Ma Linh của vương quốc Champa cổ. Đời Lý lấy châu Ma Linh đặt lại là châu Minh Linh. Đời Trần lấy châu Ô đặt thành châu Thuận và đặt thêm 4 huyện là: Thạch Lan, Ba Lãng, Lợi Điều và An Nhân thuộc vào châu Thuận. Thời thuộc Minh, hợp cả 4 huyện vào châu Thuận thuộc phủ Thuận Hoá. Đầu đời Hậu Lê, chính quyền phong kiến đặt châu Minh Linh thuộc phủ Tân Bình còn châu Thuận chia đất thành hai huyện Võ Xương và Hải Lăng thuộc phủ Triệu Phong và nằm trong Thuận Hoá thừa tuyên. Đời Gia Long lấy châu Minh Linh thuộc phủ Quảng Bình và hai huyện Đàng Xương, Hải Lăng thuộc phủ Triệu Phong đặt thành dinh Quảng Trị. Năm Minh Mệnh thứ 8 đổi dinh Quảng Trị thành trấn Quảng trị. Năm Minh Mệnh thứ 13, đổi trấn Quảng Trị thành tỉnh Quảng Trị. Năm Tự Đức thứ 6 đặt là đạo Quảng Trị thuộc phủ Thừa

Thiên bao gồm huyện Hải Lăng, huyện Đăng Xương, huyện Minh Linh, huyện Địa Linh, huyện Thành Hoá. Đến năm Tự Đức thứ 29, đạo Quảng Trị không thuộc Kinh sư nữa mà trở thành một tỉnh độc lập như trước¹.

Trong lịch sử tồn tại và phát triển, Quảng Trị đã từng được coi là *trọng trấn*, là *trấn biên* phía Nam của Tổ quốc, là *tiêu điểm* ác liệt nhất của các cuộc kháng chiến chống xâm lăng; là thủ phủ chính trị và cũng từng là ranh giới của các cuộc chia cắt Bắc - Nam. Ít có một mảnh đất nào lại phải chịu nhiều xáo trộn, biến động, chia cắt, phân ly và là chiến trường khốc liệt của nhiều cuộc chiến tranh kéo dài, sinh tử, cũng như phải đương đầu với bao cơn đại hạn, đại hồng thủy như ở Quảng Trị. Điều kiện sống như vậy đã hình thành trong con người Quảng Trị truyền thống lao động cần cù, chịu thương, chịu khó, bản lĩnh không bao giờ chịu khuất phục và lùi bước trước khó khăn, gian khổ để vượt lên, chiến thắng thiên tai, địch họa. Quá trình tồn tại và phát triển của mảnh đất này là quá trình con người tự chinh phục, đấu tranh và sáng tạo để khẳng định mình. Ý thức tin tưởng về ngày mai “*còn da lông mọc, còn chồi nảy cây*”, đã trở thành nền tảng tinh thần cho người dân Quảng Trị phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức.

Quảng Trị - mảnh đất nghèo khó nhưng giàu truyền thống yêu nước. Với truyền thống cần cù, thông minh, chịu thương chịu khó và tinh thần lạc quan, tự tin vào chính mình, con người Quảng Trị đã luôn vững vàng trước mọi thử thách, vượt qua mọi hoàn cảnh để không ngừng vươn lên và lập nên những kỳ tích trong đấu tranh và xây dựng, đã sản sinh ra những con người người tài hoa, lỗi lạc làm rạng danh cho quê hương, đất nước, xứng đáng là vùng đất “*địa linh nhân kiệt*”.

Suốt nhiều thế kỷ (từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XIX), Quảng Trị luôn nằm trong sự giao tranh ác liệt của các thế lực phong kiến và các thế lực ngoại xâm. Đó là vùng đất luôn luôn đi đầu trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm. Sông Ái Tử gắn với tên tuổi Đặng Dung từng làm cho tướng nhà Minh là Trương Phụ phải kinh hoàng vào năm 1413. Thành Tân Sở gắn với vị vua yêu nước Hàm Nghi và nhóm chủ chiến triều đình Huế dựng cờ nghĩa Cần Vương chống Pháp. Dinh Hà Thượng nổi danh một thời bởi cuộc tự nghĩa của Đốc Đồng Trương Đình Hội... Năm 1885, Pháp đánh chiếm Huế, Tôn Thất Thuyết đưa Hàm Nghi ra Tân Sở, các sĩ phu yêu nước ra hiệu triệu Bình Tây, nhân dân Quảng Trị giúp đỡ xây dựng cơ sở cho nghĩa quân chống Pháp. Phong trào kéo dài từ năm 1885 đến năm 1886.

Năm 1908, ở Quảng Trị xuất hiện phong trào chống thuế, hàng ngàn dân nghèo biểu tình tại bãi cát An Tiêm đòi giảm sưu thuế, bị thực dân Pháp và Nam Triều đàn áp, bốn người bị chúng xử tử.

Năm 1916, nhân dân Quảng Trị chuẩn bị lực lượng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Vua Duy Tân do Lê Thế Vỹ (Tường Vân), Trần Hoàn (Phương Sơn), Khoá Bảo (Cam Lộ) cầm đầu.

Mặc dù không giành được thắng lợi, nhưng các phong trào nói trên đã khơi dậy tinh thần yêu nước của đồng bào nhân dân Quảng Trị, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Làng Bích La, quê hương đồng chí Lê Duẩn là một làng có lịch sử lâu đời. Tộc họ Lê Văn là một trong 15 tộc họ đồng khai khẩn đã góp phần không nhỏ vào truyền thống tốt đẹp trong lịch sử dựng nghiệp ở làng ngay từ buổi ban đầu. Gần 5 thế kỷ, kể từ ngày khai hoang lập làng, lập xã, vừa chống chọi với thiên tai địch họa, vừa tạo dựng cơ đồ, người dân Bích La nói chung, các thế hệ con cháu trong tộc họ Lê Văn nói riêng đã vun đắp nên nhiều truyền thống tốt đẹp được lưu giữ và phát triển từ đời này qua đời khác. Đặc biệt, nổi bật là truyền thống trọng nghĩa trọng tình, đoàn kết tương ái, tương thân, yêu nước, thương dân. Nền tảng của truyền thống đó là cái tâm, cái đức được các thế hệ luôn luôn gìn giữ và phát triển.

Cùng với truyền thống trọng đức trọng nghĩa, truyền thống hiếu học của các con cháu tộc họ Lê Văn cũng góp phần làm rạng danh cho quê hương, làng xóm, họ tộc. Mảnh đất Bích La từ xưa đã nổi tiếng là “*Lò sinh quan, nôi sinh sĩ tử*”.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, con cháu tộc họ Lê Văn đã tích cực hưởng ứng phong trào Cần Vương và các phong trào chống Pháp khác ở Quảng Trị. Năm 1882, nhiều con cháu của tộc họ Lê Văn cùng bà con trong làng theo Lê Hữu Thường - Thượng thư Bộ Công của triều đình, ra xây dựng Sơn Phòng (vùng Cửa - Quảng Trị) theo chủ trương của Tôn Thất Thuyết để chuẩn bị chống Pháp. Điển hình có cụ Chánh Vệ úy Lê Văn Thống, cụ Đề đốc Lê Văn Tạng. Các cụ đã từng cùng với cụ Suất đội Phan Cư (làng Nại Cửu) đem quân đánh chiếm thành Quảng Trị.

Ông nội đồng chí Lê Duẩn là cụ Lê Văn Thống có 9 người con. Thân phụ đồng chí - ông Lê Văn Hiệp - là con út. Ông Hiệp học chữ nho và đỗ khoá sinh. Thấy làng Hậu Kiên là nơi có vị trí làm ăn thuận lợi, ông chuyển cả gia đình sang chợ Sãi? làng Hậu Kiên làm nghề thợ mộc. Thân mẫu đồng chí Lê Duẩn, bà Võ Thị Đạo, quê ở xã Đầu Kênh, làng Bích La. Gia đình bà làm ruộng. Bà Khoá Hiệp được nhiều người yêu quý vì hiền lành, phúc hậu, hay giúp đỡ người nghèo.

Chợ Sãi nằm gần ngã ba sông Thạch Hãn và sông Vĩnh Định là nơi thuận tiện cho việc giao lưu hàng hoá giữa vùng rừng núi phía Tây với đồng bằng ven biển. Vì vậy dưới thời Pháp thuộc, chợ Sãi rất sầm uất, luôn tấp nập kẻ mua người bán, trên bến, dưới thuyền.

Ông Hiệp có một xưởng mộc nhỏ và cửa hàng bán đồ gỗ ở chợ Sãi. Ông Hiệp được giáo dục trong một gia đình có nề nếp, luôn chăm lo cuộc sống của gia đình. Tuy vậy, mặc dù ông đã cố gắng làm hết sức mình, nhưng gia đình cũng chỉ đủ ăn. Hậu Kiên là một làng nhỏ cách Bích La khoảng ba, bốn kilômét. Mặc dù là người tứ xứ tập hợp về đây làm ăn sinh sống, nhưng dân làng Hậu Kiên rất thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. Cũng như phần lớn người dân Hậu Kiên, các gia đình sinh sống ở chợ Sãi chủ yếu làm nghề thủ công và sống bằng gạo chợ, nước sông. Tuy ở phố chợ, nhưng cuộc sống của bà con rất cơ cực, quanh năm chạy ăn mà vẫn đói. Nét nổi bật của con người Hậu Kiên là sống thủy chung, tình nghĩa, nhà ai có việc gì, tất cả cùng lo chung. Thời kỳ đồng chí Lê Duẩn bị đày ở Côn Đảo lần thứ nhất (trong những năm 1933 – 1936), bọn giặc vây ráp, khủng bố chung quanh nhà, không cho gia đình làm ăn sinh sống. Thấy tình cảnh như vậy, dân làng kẻ ít người nhiều lén giấu giặc tiếp tế tiền và gạo qua máng nước, trên mái nhà giúp cho gia đình đồng chí qua lúc gian nan. Cả làng Hậu Kiên chở che cho đồng chí trong suốt thời kỳ đồng chí hoạt động ở Trung Kỳ, những năm 1936 - 1939.

Ông Hiệp và bà Đạo sinh được năm người con. Sau khi hai người con đầu bị bệnh chết sớm, bà Đạo sinh người con thứ tư là con trai cả nhà đều mừng. Năm 1907 là năm nhuận, cậu bé được đặt tên là Lê Văn Nhuận.

Ông Hiệp rất quý con trai, giữ không cho ra khỏi nhà. Trước nhà ông là dòng sông Thạch Hãn, sợ con chết đuối, ông cấm con bơi lội, nghịch nước. Trẻ con rủ cậu Nhuận tập đá bóng, ông cũng cấm, sợ ảnh hưởng đến sức khoẻ. Cùng với mấy trẻ hàng xóm, cậu Ba thường thích những trò chơi nhẹ nhàng như bắt chuồn chuồn, moi dế, các cậu chơi với nhau rất vui vẻ, không bao giờ cãi cọ hoặc đánh nhau. Tuổi thơ của cậu Ba cứ thế trôi đi cùng với cuộc sống nghèo khổ của gia đình, bạn bè và bà con Hậu Kiên.

Khi theo cha sang làng Hậu Kiên, cậu bé Lê Văn Nhuận mới khoảng 5 - 6 tuổi. Thấy con trai thông minh, hiếu học, ông Hiệp đặt rất nhiều hy vọng vào con mình. Cuộc sống gia đình có nhiều khó khăn, công việc thợ mộc vất vả, nhưng ông cố gắng cho con ăn học. Ông đưa con đến ông Bộ Hoà, người cùng làng học chữ Hán. Mặc dù muốn học chữ Quốc ngữ, nhưng Lê Văn Nhuận vâng lời cha, chăm chỉ học hành.

Ít lâu sau, gia đình họ Cao là hàng xóm nhà ông bà Hiệp thuê thầy về dạy riêng cho các con và rủ Lê Văn Nhuận sang cùng học cho vui. Ông Hiệp thấy thầy Tú Trạ là người mực thước, đồng ý cho con theo học. Thời gian này Lê Văn Nhuận vừa học chữ quốc ngữ, vừa học chữ Hán ở làng Hậu Kiên.

Năm 1914, Lê Văn Nhuận bảy tuổi. Khi đó ở phủ Triệu Phong đã có trường học. Nhuận cùng nhóm chuyển học ở trường phủ, cách chợ Sãi hơn một kilômét. Hằng ngày, học sinh đến lớp học buổi sáng và chiều. Ngay từ khi còn nhỏ, Nhuận không thích mặc đồ tây. Khi đi học, Nhuận thường mặc áo dài đen, quần trắng, đi đôi guốc gỗ. Những ngày nghỉ học, cậu thường theo mẹ đi chùa quanh khu vực làng Hậu Kiên như: Chùa Hậu Kiên, chùa Xuân An, chùa Tình Hội... Vào chùa cậu bắt chước mẹ lạy Phật kính cẩn và cậu thích ngắm những ông tượng đầy vẻ từ bi, bác ái. Nhuận có thể ngồi hàng buổi nghe tụng kinh, gõ mõ. Các sư ở chùa Hậu Kiên mến cậu bé gầy gò có đôi mắt nhân hậu, thường mời cậu ăn chè. Khi đến tuổi thành niên, Nhuận rất thích đọc các sách về kinh Phật.

Học cùng lớp, cùng làng, nhóm Lê Văn Nhuận, Cao Anh, Cao Phiệt, Cao Thị Tuyết rất thân nhau, chiều chiều các bạn trẻ thường rủ nhau đi moi dế, bắt chuồn chuồn đẹp lại cho Tuyết. Tuyết ít tuổi nhất lại là con gái nên được cả nhóm cưng chiều. Mỗi khi trong nhóm ai bắt được con chuồn chuồn đẹp lại cho Tuyết. Tuyết có kẹo ngon mẹ cho không ăn, giấu trong tay áo để phần các anh. Trong nhóm có Lê Văn Nhuận được mọi người quý và nể vì cậu học giỏi lại khiêm tốn. Được khen cậu xấu hổ, đỏ mặt bẽn lẽn như con gái. Bao nhiêu giấy khen thời gian học ở trường phủ Triệu Phong cậu đều giấu không cho gia đình biết.

Do ảnh hưởng của quê hương, làng xóm và nhất là tình thương vô hạn của người mẹ mẫu mực, ngay từ thuở thiếu niên, Lê Văn Nhuận đã tỏ ra là một người trung thực, giàu lòng nhân ái. Cảnh nhà ông Hiệp có bà cụ Mỹ sống cô đơn. Thỉnh thoảng cậu Ba vẫn bưng biếu bà tô canh, đĩa cơm và không quên bỏ bớt phần khoai độn. Đôi khi cậu còn lén xúc gạo của nhà mang sang cho bà cụ. Đối với cha mẹ, cậu Ba là một người con hiếu thảo, nhà thiếu gạo cơm thường thổi ít, cả nhà nhường cho cậu Ba nhưng không bao giờ cậu chịu ăn riêng. Cậu Ba rất thương chị, thương em. Đối với em gái, cậu là một người anh mẫu mực. Vì nhà nghèo chỉ có một mình cậu được cấp sách đến trường, thương em gái không được học, cậu dành nhiều thời giờ dạy em học ở nhà.

Làng Hậu Kiên nằm kề bên sông Thạch Hãn. Đây là con sông nổi tiếng nước trong xanh, nhưng cũng rất hung dữ trong những ngày mưa lũ. Nhiều người đã chết đuối ở dòng sông này. Năm 12 tuổi, một lần đi học về nóng nực, người anh họ cùng tuổi rủ Nhuận lén xuống sông tắm. Người anh họ không biết bơi bị dòng nước cuốn trôi. Không

chân chừ, Nhuận lao ra cứu anh và cả hai cùng bị chìm ngấm. May nhờ có anh Thí và anh Khương đi qua trông thấy xuống cứu được hai anh em. Sau này, khi đi làm anh Nhuận đã dành trọn cả tháng tiền công đầu tiên mua vài biểu anh Khuông may áo. Sau ngày giải phóng, mỗi lần về quê, đồng chí Lê Duẩn cũng tìm về thăm ông Thí ở An Mỹ và những bạn bè thời thơ ấu. Mọi người gặp gỡ, thường nhắc lại những kỷ niệm tuổi thơ.

Hồi ấy, học trò trường phủ hầu hết là con nhà khá giả. Lê Văn Nhuận là một trong số ít những học trò nghèo, nhưng cậu rất chăm học và quyết tâm học giỏi. Ngoài giờ học, Nhuận tận dụng thời gian rảnh rỗi dạy em gái học và phụ giúp công việc lặt vặt trong gia đình.

Nhuận thường được mẹ kể cho nghe cuộc sống khổ cực của ông bà ngoại, của bà con xóm làng; cảnh người di ruột của cậu đã lớn mà không có áo quần che kín thân, cảnh cả gia đình nhiều ngày không có bát cơm lót bụng... Mỗi lần nghe mẹ kể như thế, cậu thường gục mặt vào lòng mẹ chan hoà dòng lệ. Những câu chuyện của người mẹ đã dần dần bồi đắp nên tình yêu thương con người, yêu quê hương, làng xóm trong con người cậu bé Lê Văn Nhuận.

Lên 9-10 tuổi, cậu bé Nhuận thường được bố cho ngồi hầu nước trong các cuộc đàm đạo của các cụ cao tuổi trong làng. Nhuận được nghe kể chuyện về ông Đề Núc (làng Linh Yên, xã Triệu Trạch) với khẩu hiệu “Bình Tây” đã lôi kéo được đông đảo nhân dân nổi dậy đấu tranh chống Pháp, đánh dấu sự phát triển đến đỉnh cao của phong trào Văn thân ở Quảng Trị, chuyện Vua Duy Tân chống Pháp bị đi đày; vua Hàm Nghi ra Tân Sở (Quảng Trị) hạ chiếu Cần Vương kêu gọi kháng chiến; chuyện những “quốc sự phạm” ở nhà đày Lao Bảo nổi dậy... đã để lại nhiều ấn tượng trong lòng cậu thời niên thiếu. Cậu hy vọng một ngày nào đó đi đánh Tây cứu nước, cứu dân.

Sáng sáng Nhuận ăn qua loa rồi mang theo vài củ khoai đến trường học. Năm sau, gia đình cho anh trọ học ngay tại trường; trường học ở thành cổ Quảng Trị, cách nhà khoảng ba kilômét. Ở trường cũng có nhiều học trò trọ học. Học trò ăn cơm hết ba đồng một tháng. Riêng với anh Nhuận, bà Đội Nam cho trọ nhờ, chỉ lấy tiền ăn đồng rưỡi một tháng. Về sau thấy anh là một học trò chăm chỉ, ngoan ngoãn, bà Đội Nam không lấy tiền ăn nữa. Bà có cảm tình với anh, định gả con gái cho anh. Biết ý định của bà Đội Nam, anh Nhuận không trọ học ở đó nữa.

Năm năm trôi qua trong tuổi thơ đẹp đẽ. Năm 1920, cả huyện Triệu Phong có khoảng bốn, năm chục người thi sơ học yếu lược (lớp ba hiện nay). Kỳ thi này khó, chỉ có khoảng một nửa số thí sinh dự thi được đỗ. Cả nhóm học sinh Hậu Kiên đều đỗ, riêng Lê Văn Nhuận đỗ vào loại khá, được lên học trường tỉnh Quảng Trị.

Đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp cho mở Trường Tiểu học Pháp - Việt ở các tỉnh. Trường Tiểu học Pháp - Việt Quảng Trị ra đời. Lúc đó, cả tỉnh Quảng Trị mới có một trường tiểu học với khoảng 50 học sinh. Trường có năm lớp, mỗi lớp chỉ khoảng chục trò. Học sinh bắt đầu vào học lớp ba. Sau một năm thì lên lớp nhì. Học lớp nhì cũng một năm, trò nào thi đỗ được lên lớp nhất. Thời gian đó sách học rất thiếu, khi học thầy viết lên bảng, trò phải chép tay vào vở.

Trường Tiểu học Pháp - Việt Quảng Trị lúc đầu chỉ có người Việt dạy, sau có cả người Pháp. Thầy hiệu trưởng người Việt tên là Cung Quang Mậu. Ở trường, học sinh phải học các môn: toán, vạn vật, lịch sử, địa lý... những năm đầu bằng tiếng Việt, sau bằng tiếng Pháp. Trong năm đầu Nhuận học không giỏi, những năm sau khá dần. Anh chăm chỉ học tập tất cả các môn học, nhưng say mê hơn là môn lịch sử và văn học. Anh rất thích và thuộc nhiều thơ văn của Phan Bội Châu. Những vần thơ đầy hào khí và dạt dào tình yêu quê hương đất nước của cụ Phan đã để lại trong tâm trí anh những ấn tượng sâu sắc.

Ở trường Tiểu học, Lê Văn Nhuận được bạn bè yêu mến vì anh sống tình cảm, hay giúp đỡ người khác. Thầy dạy lớp nhất của anh là Thanh Trọng Thực cũng có cảm tình với người học trò nghèo mà chăm chỉ ở làng Hậu Kiên.

Năm 1923, Lê Văn Nhuận thi tiểu học. Hồi đó ở Hậu Kiên chỉ có bốn người học ở trường tỉnh⁴. Lê Văn Nhuận là người học trò đầu tiên ở Hậu Kiên tốt nghiệp Trường Tiểu học Pháp - Việt Quảng Trị. Hôm đó các bạn Cao Anh, Cao Phiệt, Hoàng Hữu Thước thông tin về làng, bà con hàng xóm kéo đến đây nhà chúc mừng. Ông Hiệp hết lời khoe về người con "đỗ đạt". Nhuận bực mình nói với bố: Con được học vài chữ để biết, để khỏi phải bưng nước hầu hạ người ta, chứ có gì mà chỉ phải khoe. Nói rồi, anh lánh mặt trong suốt ngày hôm đó.

Sau khi thi đậu bằng tiểu học, nhóm học sinh Hậu Kiên mỗi người đi học một nghề: Cao Anh thi vào trường công nghệ thực hành, Cao Phiệt học trường bưu điện. Lê Văn Nhuận vào Huế chuẩn bị thi vào Trường Quốc học.

Trường Quốc học Huế được xây dựng vào năm 1896⁵. Lúc đầu trường có các lớp: Tôn âm, Tuần tú, Khoa mục, Hành nhân. Về sau có Ban Quan viên tứ đệ gồm 1 lớp nhất, 2 lớp nhì, 2 sơ đẳng và 4 lớp dự bị... Trước cổng trường có trồng bia đá chạm hình tượng con ngựa hoá rồng. Hình tượng này có ý nghĩa: ngựa là con vật thông minh, có tình nghĩa được hoá rồng là hình tượng linh thiêng của đất nước. Trường có hai dãy lớp học, mỗi dãy có hai tầng, tầng

trên có 8 phòng học, tầng dưới cũng có 8 phòng học, mỗi phòng là một giảng đường lớn, có thể chứa được nhiều người. Phía cuối trường có một phòng lớn để học sinh chơi thể thao. Nhà trường có bốn nhà ăn và hai kho cạnh bếp. Khóa học năm 1924 - 1925, Trường Quốc học Huế cho tuyển 20 học sinh. Những ai đỗ từ thứ 21 đến thứ 24 sẽ được học dự thính khoảng 6 tháng. Sau 6 tháng, nếu trong số 20 học sinh thi đỗ chính thức không ai đau ốm hoặc vì lý do chính trị buộc phải thôi học thì những học sinh dự thính cũng sẽ buộc phải nghỉ học. Sau kỳ thi tuyển, phần lớn những con nhà giàu, có thể lực đã trúng tuyển. Trong thời gian chuẩn bị thi, Lê Văn Nhuận mắc bệnh thương hàn, mọi người khuyên anh không nên đi thi nữa. Không nản chí, tuy mới ốm dậy, sức khoẻ còn kém, thời gian ôn thi không được nhiều, nhưng anh vẫn dự thi nên không đỗ chính thức và chỉ được học dự thính. Hết thời gian học dự thính, không được chuyển lên chính thức, anh tiếp tục ở lại Huế để ôn luyện chuẩn bị cho kỳ thi sau.

Tháng 11-1925, thực dân Pháp mở phiên toà xử cụ Phan Bội Châu. Cụ Phan bị toà tuyên án tử hình. Cả nước dậy lên phong trào đòi giảm án cho cụ Phan Bội Châu. Học sinh Huế tích cực hưởng ứng. Lê Văn Nhuận hoà mình vào phong trào chung của tuổi trẻ. Sau phong trào đấu tranh đòi giảm án cho cụ Phan Bội Châu, anh trở về quê để chuẩn bị cho những chuyến đi xa.

Giã từ cuộc đời học sinh, trở về quê hương, anh suy ngẫm mãi về những ngày sôi động ở Huế với những cuộc hội thảo, những ngày xuống đường, những gương mặt bạn bè trẻ trung, rạng rỡ và tràn đầy nhựa sống. Một lần nữa những vần thơ đầy tâm huyết và dạt dào tình yêu quê hương đất nước của cụ Phan Bội Châu lại xôn xang trong lòng. Anh đã thấy những học sinh thành Huế, những trí thức tương lai với con đường công danh rộng mở, vẫn sẵn sàng chỗi bỏ để lao vào cuộc đấu tranh. Đây cũng là khuynh hướng chung của tuổi trẻ học đường khắp mọi miền đất nước: "Năm 1924 - 1925 đến năm 1930, giới học sinh tiểu tư sản phát triển theo hai khuynh hướng: tư sản và vô sản. Họ có một đặc điểm chung là ý thức dân tộc rất mạnh. Họ không bị ràng buộc bởi quyền lợi giai cấp. Họ là lớp người có khả năng tiếp thu nhanh những trào lưu tư tưởng tiến bộ và dễ cuốn hút vào phong trào yêu nước"⁶.

Trở về quê hương, hằng ngày tiếp xúc với cuộc sống vất vả của bà con lối xóm, nỗi thương dân lại càng thêm nhức nhối. Phải làm gì để thay đổi cuộc đời, cho mọi người đỡ khổ? Nỗi day dứt cứ lớn dần trong anh, đeo đuổi giày vò và thúc giục không nguôi.

Thấy con trở về, ông Hiệp thoáng buồn. Từ cõi lòng, ông vẫn chưa hoàn toàn dứt bỏ được những tư vương với chốn quan trường. Ông thực lòng mong con mình thành đạt. Cũng như chồng, bà Đạo thương con với cả tấm lòng của người mẹ, nhưng bà là người biết chế ngự được tình cảm của mình. Người con trai là cả cuộc đời bà, nhưng bà cũng là người hiểu con hơn ai hết. Bà đã dồn nén tình thương của người mẹ, khuyến khích con mình thực hiện những lý tưởng đã chọn.

Với tấm bằng tiểu học còn khá hiếm hoi lúc bấy giờ, Lê Văn Nhuận có thể dễ dàng xin làm một nhân viên thư ký ở Quảng Trị và yên phận với cuộc sống gia đình. Nhưng rồi quê hương, gia đình và khát vọng tuổi xuân đã thúc giục anh ra đi, tìm đến những chân trời rộng mở. Nhưng đi đâu và làm gì? Cũng như nhiều thanh niên có tri thức và giàu lòng yêu nước lúc bấy giờ, anh chưa thể lý giải và định hướng được rõ ràng, nhưng không thể ở lại Quảng Trị, một vùng quê heo lánh, không có bến tàu, xưởng máy, hầm mỏ hay những hãng buôn lớn. Mỗi ngày chỉ có một chuyến tàu chợ từ Đông Hà vào Huế rồi lại quay ra. Sự giao lưu với bên ngoài rất hạn chế.

Anh đã chọn Đà Nẵng làm nơi tạm dừng chân vì trong những năm này ngành thương mại Đà Nẵng đang phát triển, cần tuyển nhiều công nhân kỹ thuật. Những người có bằng tiểu học có thể dễ dàng xin việc làm ở các công sở của Pháp.

Lê Văn Nhuận xin vào làm "gia sư" cho gia đình ông thông Tuân, người Quảng Trị, làm y tá tại Nhà thương Đà Nẵng. Hằng ngày, anh trông nom, dạy dỗ hai đứa con ông thông Tuân rồi đưa chúng đi dạo chơi các bãi biển, bến tàu, phố chợ. Quan sát cuộc sống, sinh hoạt của người dân Đà Nẵng anh nhận ra rằng, người lao động ở đâu cũng khổ, quyền sống bị chà đạp, nhân phẩm bị xúc phạm. Anh thường lui tới các hiệu sách, quầy báo hay đi gặp gỡ bạn bè. Gia đình ông thông Tuân rất mến người thanh niên hiền lành ít nói. Biết anh đã đậu bằng tiểu học, ông thông Tuân xin cho anh vào làm nhân viên ở ga Đà Nẵng.

Được sự giới thiệu của ông thông Tuân và qua kỳ thi tuyển, tháng 5-1926, Lê Văn Nhuận được tuyển vào làm ở Hoà xa Đà Nẵng.

Ở Đà Nẵng, anh Nhuận gặp nhiều thanh niên cũng như anh đang có chí hướng và hoài bão được góp sức mình làm thay đổi cuộc sống của những người dân lao động.

Phong trào yêu nước ở Quảng Nam - Đà Nẵng trong những năm 1925 - 1926 phát triển khá mạnh mẽ. Trung tâm tuyên truyền cách mạng là nhóm ở Bru điện Đà Nẵng. Nhóm này gồm các anh: Lê Văn Hiến, Nguyễn Sơn Trà, anh Trị, anh Mỹ. Ở đây thường nhận được sách báo bí mật và công khai từ trong Nam, ngoài Bắc và cả từ Pháp gửi tới. Mỗi lần có báo *Việt Nam hôn*, *Tân thế kỷ*... hoặc sách của Đidơrô, Rômanh Rôlăng, Víchto Huygô là anh em cùng nhau đọc đi, đọc lại.

Đồng chí Phan Văn Định kể: "Lúc đầu nhóm chúng tôi toàn là anh em lái xe, gồm các anh Nguyễn Hữu Tri (Thanh Hoá), Nguyễn Bình (Nghệ An), Phan Hữu Mỹ (Thừa Thiên), Ba Hồng (Đà Nẵng) và tôi (Phan Văn Định). Chúng tôi quen nhau hay họp nhóm chuyện trò, trao đổi, chưa thành lập tổ chức gì và thường xuyên liên hệ với nhóm anh Hiến để mượn sách báo.

Một thời gian sau đó có một thanh niên với đôi mắt sắc, nét mặt cương nghị, da bánh mật, trạc 19 tuổi tới. Anh tự giới thiệu là Lê Nhuận và bảo thầy Tuân cho biết ở đây có phong trào thanh niên ái quốc, anh tìm đến để làm quen. Mấy tuần sau anh Nhuận tìm được việc ở nhà ga Đà Nẵng. Từ đó nhóm lái xe chúng tôi sinh hoạt sôi nổi hơn"⁷.

Thời gian này, trước sự phản đối mạnh mẽ của cả nước, thực dân Pháp buộc phải ân xá cụ Phan Bội Châu và đưa về giam lỏng ở Huế. Trong một lần vào Đà Nẵng, cụ nghỉ lại nhà bác sĩ Phạm Doãn Điềm. Nhóm thanh niên ái quốc đến thăm cụ Phan. Trong khi tiếp chuyện, cụ hơi buồn, nói giọng phẫn kích: Anh em làm nghề gì bây giờ cũng là làm nô lệ. Ngay bác sĩ Điềm ở đây cũng là nô lệ của chúng, anh em trẻ sức dài vai rộng nên tìm cách thoát cho được ách nô lệ này. Những lời nói đầy tâm huyết của cụ Phan càng hun đúc thêm quyết tâm của anh em trong nhóm ái quốc: Pháp là kẻ thù không đội trời chung với nhân dân ta. Phải thoát khỏi ách nô lệ, phải đánh Pháp.

Ở nhà ga Đà Nẵng, công việc tuy mới mẻ nhưng vốn ham hiểu biết lại cần cù, chịu khó nên Lê Văn Nhuận nhanh chóng được mọi người quý mến. Công việc khá ổn định nhưng anh vẫn âm thầm âm ập những hoài bão lớn. Người đầu tiên được anh Nhuận giác ngộ tinh thần yêu nước là Võ Nghiêm, tổ trưởng tổ kế toán của nhà ga Đà Nẵng. Hàng ngày, sau giờ làm việc, hai anh em thường đi dạo trên bến Bạch Đằng. Qua tâm sự, anh biết anh Nghiêm hơn anh hai tuổi, hồi nhỏ cũng phải đi ở. Sau này anh Nghiêm kể lại: "Một lần đang đi trên bờ sông Hàn, anh Nhuận xúc động nắm tay tôi, nói:

- Dân mình cực khổ quá. Bọn Tây cai trị làm trời làm đất.

Biết anh nói đúng, nhưng tôi vẫn hỏi:

- Dân mình yếu đuối làm gì nổi?

Anh nhìn thẳng vào mắt tôi giọng đanh thép:

- Chỉ có cách đánh đuổi nó đi.

Rồi anh kể về ông Nguyễn Ái Quốc đi tìm đường cứu nước, giọng anh sôi nổi, tha thiết và có sức cuốn hút lạ thường. Anh kể về mẹ anh, về quê hương chợ Sãi nghèo khổ. Cứ dần dà anh đã giác ngộ cách mạng cho tôi từ lúc nào. Tôi hỏi:

- Bây giờ phải làm gì?

Anh nói:

- Phải tuyên truyền, vận động anh chị em. Một mình làm không được, đông người làm mới nổi. Những người lao động phải hiệp lực lại đấu tranh để có tự do, không đói khổ nữa.

Từ đây chúng tôi cùng anh Nhuận đi vận động công nhân, móc nối kíp gác ghi, tuyên truyền cách mạng cho anh em"⁸.

Đời sống anh em thợ ở ga Đà Nẵng rất khó khăn. Tàu bộ chạy suốt ngày mà chỉ có một trường ga, một phó ga, một thư ký, một bác vác và người kiểm soát quan tàu. Tất cả anh em công nhân chỉ có 55 người, trong khi ở các nước với số lượng công việc trên phải có 150 đến 200 người mới làm nổi. Vì công việc nhiều, người ít, anh công nhân phải làm quần quật suốt ngày không được nghỉ ngơi, ai ngơi tay một chút là bị roi vọt tới tấp. Lương thấp, lại bị bọn chủ hà hiếp nên anh em công nhân rất phấn uất, chỉ cần có tổ chức, có người lãnh đạo là phong trào cách mạng bùng lên mạnh mẽ.

Các nhóm ái quốc ở Đà Nẵng hoạt động mạnh. Ngoài những buổi trao đổi tình hình thời sự trong và ngoài nước qua sách báo, anh em kể cho nhau nghe những chuyện xảy ra hàng ngày trong công nhân lái xe, các loại hành khách tin tức các vùng mình đến, tin tức trong ngành xe lửa. Anh em nói về bọn chủ người Pháp và đồng bào ta. Vì thế anh em trong các nhóm ái quốc biết khá rõ về những diễn biến hàng ngày của đất nước.

Nhóm ái quốc lúc này đã có chín người, trong đó có bốn là lái xe: Nguyễn Hiền làm ở hãng dầu Shell, Ba Hồng làm ở nhà băng, Nguyễn Nghị ở Phi-a (hãng xuất nhập khẩu), Phan Văn Định ở Nhà thương Đà Nẵng và mấy anh em làm ở các hãng Staca (vận tải Nam Trung Bộ), Đêcua (hãng sắt), Đòni (hãng vải). Lúc này Nhóm đang phát động anh em công nhân hưởng ứng phong trào tẩy chay hàng ngoại và nhiều phong trào chống ngoại lai khác.

Để tập hợp anh em cùng nghề trong phạm vi rộng rãi, năm 1926, Nhóm ái quốc bàn bạc với nhau vận động lập *Hội ái hữu lái xe Trung Kỳ*; nhờ thầy kiện thảo chương trình, điều lệ, xin phép lập hội. Hội có gần 200 lái xe tại Đà Nẵng và Nha Trang. Mục đích của Hội là giúp nhau khi có tai nạn bất thường. Để nắm các hoạt động của Hội theo điều lệ, dần dần hướng Hội vào những hoạt động có ích, thực tế hơn, anh em cử anh Tri làm Hội phó, anh Mỹ làm Thư ký. Ngoài hoạt động thông thường của Hội, anh em thường hội họp tại nhà chùa (trước nhà thương) và ở ngay trong xưởng Staca để đọc sách, báo bí mật. Thực chất Hội ái hữu lái xe là một hình thức tổ chức của công nhân lái xe nhằm thắt chặt tình đoàn kết và thương yêu nhau trong cùng nghề nghiệp. Trong Hội có nhiều người có xu hướng chính trị tốt, Lê Văn Nhuận cùng những anh em lãnh đạo Hội tìm mọi hình thức để tuyên truyền, giác ngộ và dần dần lập ra Hội ái hữu của công sở mình. Chẳng bao lâu, Hội ái hữu phát triển nhanh chóng trong các ngành nghề. Số hội viên có đến mấy nghìn người. Một số nơi không lập được Hội nhưng đều ủng hộ và hưởng ứng phong trào này. Đến năm 1925, cụ Phan Châu Trinh về nước. Năm 1926, cụ tạ thế đột ngột tại Sài Gòn. Lễ truy điệu cụ được tổ chức rất trọng thể trong cả nước. Mười bốn vạn đồng bào Sài Gòn xuống đường đưa cụ Phan đến nơi an nghỉ cuối cùng. Lễ truy điệu được tổ chức khắp nơi trong nước. Hàng chục vạn người bỏ cả công sở, chợ búa, trường học và công việc làm ăn để hưởng ứng. Bà con Việt kiều ở Lào, Campuchia, Thái Lan, Pháp cũng tổ chức lễ truy điệu. Cùng với việc đòi trả lại tự do cho cụ Phan Bội Châu, phong trào đề tang cụ Phan Chu Trinh đã đạt đến đỉnh cao của phong trào dân chủ và yêu nước giữa những năm hai mươi. Nhưng tự nó cũng biểu hiện sự bất lực của giới sĩ phu yêu nước đối với và trò lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc. Quần chúng cách mạng đòi hỏi phải có đội tiên phong chiến đấu có trình độ lý luận và bản lĩnh chính trị để dẫn dắt phong trào. Ở Đà Nẵng, hàng mấy ngàn người kéo nhau về trụ sở hội đồng thành phố để dự lễ truy điệu cụ Phan. Trong lễ truy điệu, ai ai cũng thương tiếc nhắc tới nhà ái quốc khảng khái chống lại bọn vua quan phong kiến tay sai và bọn Pháp. Lợi dụng tình hình đó Lê Văn Nhuận cùng Nhóm ái quốc công khai tổ chức những hoạt động chống bọn chủ hãng người Pháp, chống bọn thực dân Pháp, đòi cải thiện đời sống. Thời kỳ này ở nước ta đã xuất hiện một số tổ chức cách mạng và yêu nước: ở miền Trung có hội *Phục Việt*, sau đổi thành *Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đàng*, miền Nam có *Việt Nam Cao vọng Đàng*, *Đảng Thanh niên*... Mặc dù chưa có chính cương, đường lối và phương hướng hoạt động rõ ràng, cơ sở lại tản mạn, phân tán khắp nơi, nhưng những tổ chức trên đã góp phần thức tỉnh tinh thần yêu nước cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên trí thức. Tổ chức *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập với chương trình hành động cụ thể và nguyên tắc tổ chức khoa học đã khơi dậy niềm khát vọng hành động của lớp trẻ đang say mê tìm lý tưởng. Nhiều tài liệu, sách báo mới về những trào lưu tư tưởng tiến bộ trên thế giới được phổ biến rộng rãi tại các vùng đô thị. Báo *Tiếng Dân* của cụ Huỳnh Thúc Kháng xuất bản ở Huế vẫn phát hành đều đặn vào Đà Nẵng. Qua cơ quan ngôn luận của mình, cụ Huỳnh đã góp phần mang lại cho các tỉnh miền Trung một luồng sinh khí mới trong đời sống văn hoá. Báo *Tiếng chuông rền* của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh xuất bản ở Sài Gòn còn đăng cả "*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*" của C.Mác và Ph.Ăngghen. Những cái tên C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I. Lênin, Nguyễn Ái Quốc với Lê Nhuận có sức cuốn hút lạ thường. Từ thành phố cửa biển này, anh đã tự trang bị cho mình vốn kiến thức về chính trị, xã hội và sự rung cảm sâu sắc về cuộc sống con người.

Năm 1927, đoạn đường sắt Vinh - Đông Hà được khánh thành nối liền Đà Nẵng với Hà Nội. Là nhân viên nhà ga, thời gian này Lê Nhuận có dịp đến nhiều địa phương thuộc các tỉnh miền Bắc. Một lần, chủ nhà ga Đà Nẵng là Virolét gọi anh và một nhân viên nhà ga lên nói: "Chúng tôi cần có người ra Hà Nội. Các anh phải đi vì các anh là thanh niên, còn số người ở đây cao tuổi rồi, thu xếp để chuẩn bị đi".

Lê Văn Nhuận coi đây là một dịp tốt để mở rộng tầm nhìn và hoà vào phong trào cách mạng sôi động của công nhân và các phong trào yêu nước ở Hà Nội. Để làm vui lòng cha mẹ anh đồng ý xây dựng gia đình riêng với chị Lê Thị Sương, con gái một gia đình khá giả ở thôn Bích La Đông. Chị Sương có người chị gái là Lê Thị Sung đã làm dâu tại làng Hậu Kiên; gia đình muốn chị em được gần nhau và nhất là vẫn mến tiếng gia đình ông Hiệp cho nên đã đánh tiếng muốn kết thân. Tâm trạng ngổn ngang, nổi lòng trần trờ, mãi đến ngày cưới chú rể mới kịp về. Lúc đó anh Nhuận mới biết mặt vợ mình. Ở nhà được ba ngày, anh xin phép gia đình trở lại Đà Nẵng để làm các thủ tục, giấy tờ chuyển ra Hà Nội.

Trước khi ra Hà Nội, anh dặn lại anh em trong Hội ái hữu: Các cậu ở Đà Nẵng có phong trào tốt, điều đó quan trọng lắm. Mình tin thế nào các cậu cũng mần ăn được. Điều sống còn là phải đoàn kết, thương yêu nhau.

Nhóm ái quốc ở Đà Nẵng lưu luyến chia tay Lê Văn Nhuận. Cũng vào thời điểm đó, anh lấy tên là Lê Duẩn.

-
1. Theo sách *Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh tỉnh Quảng Trị*, Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Quảng Trị xuất bản năm 2004, tr.14.
 2. Theo tục truyền, thời Trịnh – Nguyễn phân tranh, làng Ái Tử có phong cảnh đẹp trên bến dưới thuyền, chúa Sài cho là nơi buôn bán được, đã lập chợ ở đó, về sau gọi là chợ Sài.
 3. Sau khi hai người con đầu chết, đồng chí Lê Duẩn là con thứ hai trong gia đình, ở quê gọi là Ba.
 4. Bốn người học ở trường tỉnh là: Lê Văn Nhuận, Cao Phiệt, Cao Anh và Hoàng Hữu Thước (Hoàng Hữu Thước là em ruột đồng chí Hoàng Thị Ái).
 5. Trường Quốc học Huế được thành lập theo Sắc dụ ngày 17-9 năm Thành Thái thứ 8 và Nghị định ngày 18-11-1896 của Phủ Toàn quyền Đông Dương.
 6. *Đồng chí Lê Duẩn nói về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Tài liệu lưu trữ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu 102B.
 7. *Buổi đầu gieo hạt* (tập hồi ký), tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.
 8. *Hồi ký* của đồng chí Võ Nghiêm, lúc đó là Tổ trưởng Tổ Kế toán ở Hỏa xa Đà Nẵng. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.
 9. *Hồi ký* của đồng chí Võ Nghiêm, tài liệu đã dẫn.

TRƯỞNG THÀNH TRONG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG (1928 -1945)

1. Đi theo con đường cách mạng vô sản

Tại Hà Nội, đồng chí Lê Duẩn làm nhân viên thư ký đêpô thuộc Sở Hoả xa Đông Dương. Hà Nội trong những năm cuối của thập kỷ 20 là một trong những trung tâm sôi động của phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Thông qua tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, chủ nghĩa Mác-Lênin đã thâm nhập vào Việt Nam. Giai cấp công nhân đã nhận thức được sứ mệnh vinh quang của mình trong sự nghiệp đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp và dân tộc. Từ năm 1928, phong trào công nhân bắt đầu chịu ảnh hưởng và dần dần phong trào đã do chính tổ chức tiền thân của Đảng lãnh đạo. Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã xây dựng cơ sở ở khắp ba miền đất nước. Số hội viên lên đến hàng nghìn người và hàng chục nghìn quần chúng cảm tình. Chịu ảnh hưởng trực tiếp của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tháng 7-1928, những hội viên của tổ chức Phục Việt cũ đã thành lập Tân Việt Cách mạng Đảng. Tân Việt Cách mạng Đảng đã xây dựng được nhiều cơ sở ở các tỉnh Trung Kỳ, Nam Trung Kỳ và một phần Bắc Kỳ. Cùng với sự phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước, cuộc đấu tranh về hệ tư tưởng giữa giai cấp công nhân và các giai cấp khác cũng diễn ra quyết liệt. Những biểu hiện của hệ tư tưởng tư sản như chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, dần dần biến chất và trở nên lỗi thời. Lập trường cách mạng giải phóng dân tộc của công nhân đã thắng lập trường giải phóng dân tộc của tư sản. "Điều ta có thể khẳng định là sau cuộc bạo động Yên Bái, giai cấp vô sản trở thành lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam, là ngọn cờ lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc đã nằm trọn vẹn trong tay giai cấp vô sản". Đồng chí Lê Duẩn cùng hai người bạn quê ở Quảng Nam - Đà Nẵng thuê nhà tại ngõ Gạch đường Yên Phụ và ngày ngày đi bộ đến nhiệm sở, nay là khu vực ga Hà Nội. Một nhân viên thư ký lúc bấy giờ đã được coi như trí thức. Khác với những đồng nghiệp thường ăn mặc theo kiểu âu phục, Lê Duẩn vẫn mặc áo dài đen, đi guốc mộc. Nhưng bên trong sự giản dị về trang phục đang chứa đựng những khát khao cháy bỏng về tìm tòi và hành động. Công việc hàng ngày của một nhân viên thư ký đêpô là làm sổ sách và ghi chép phiếu xuất nhập các loại trang thiết bị, vật tư sửa chữa. Đồng chí Lê Duẩn đã nhanh chóng làm quen với công việc và môi trường sống mới. Phố phường Hà Nội vừa mang dáng dấp cổ kính kiêu cố đô Huế, vừa đầy vẻ náo nhiệt của một đô thị tập trung nhiều công xưởng, hiệu buôn...

Một sáng chủ nhật, đồng chí Lê Duẩn tình cờ bước vào hiệu sách Văn Khê thư quán ở phố Hàng Gai và bắt gặp lại những cuốn sách của Nhà xuất bản Quan Hải từng thư của Đào Duy Anh ở Huế như: *Dân tộc là gì? Tôn giáo là gì? Lịch sử các học thuyết kinh tế...* và nhiều cuốn mới lạ. Đồng chí đọc say mê, thích thú. Người chủ quán là đồng chí Nguyễn Tạo cũng là một thanh niên miền Trung. Lúc này, tổ chức Tân Việt Cách mạng Đảng đang phát triển các cơ sở ra miền Bắc, đồng chí Nguyễn Tạo được giao nhiệm vụ mở hiệu sách để làm nơi liên lạc, tuyên truyền, gây dựng cơ sở cho tổ chức. Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, những thanh niên cùng chí hướng thường dễ đến với nhau. Đồng chí Lê Duẩn nhanh chóng trở thành người khách gần gũi và thân thiết của hiệu sách Văn Khê. Đồng chí được đọc Đảng chương và Điều lệ của tổ chức Tân Việt Cách mạng Đảng. Cuối năm 1928, đồng chí Lê Duẩn chính thức gia nhập Tân Việt Cách mạng Đảng và sinh hoạt cùng tiểu tổ với các đồng chí Nguyễn Tuân Thức, Nguyễn Hữu Phước ở khu vực ga. Như nhiều thanh niên giàu hoài bão và ước mơ, cứ nghe nói đến cách mạng đánh đuổi thực dân, xóa bỏ áp bức bóc lột, giải phóng người lao động là đồng chí hăng hái tin theo. Sau này đồng chí kể lại: "Đối với thanh niên không có gì làm họ say mê bằng cách mạng. Khi còn trẻ, một lần được ngồi ba, bốn người nói chuyện về cách mạng, chúng tôi thấy lòng phấn khởi như muốn bay, muốn nhảy, tưởng muốn đem sức mình lay chuyển cả đất trời mới hả dạ"².

Đồng chí được phân công tuyên truyền, vận động thanh niên khu vực các ga Hà Nội, Gia Lâm. Vừa hoạt động, đồng chí vừa say mê tìm đọc thêm tài liệu, sách báo để mở rộng tầm nhìn. Đồng chí được tiếp xúc với những tài liệu của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, được đọc *Đường cách mệnh*, báo *Thanh niên*, được gặp gỡ với nhiều khuôn mặt mới. Dần dần đồng chí tự lý giải được nhiều điều trăn trở và tích lũy thêm những trí thức, kinh nghiệm về phương pháp vận động quần chúng. Đầu năm 1929, những người phụ trách Tổng bộ của tổ chức Tân Việt Cách mạng Đảng bị bắt. Phần lớn những người phụ trách các Kỳ bộ và liên tỉnh không tán thành chủ trương của Tổng bộ Tân Việt Cách mạng Đảng đề nghị thành lập *Khối quốc gia*. Trong khi đó ảnh hưởng của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ngày càng lan rộng. Nhiều hội viên của Tân Việt Cách mạng Đảng chuyển sang hoạt động cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Trong hoàn cảnh đó, các đồng chí Trần Học Hải và Mai Lập Đôn đang hoạt động trong phong trào công nhân Hà Nội đã giới thiệu đồng chí Lê Duẩn gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tổ chức vẫn phân công đồng chí Lê Duẩn phụ trách công tác vận động, tuyên truyền anh em công nhân ngành đường sắt. Do tính chất công việc, đồng chí có dịp đi lại nhiều nơi dọc tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Lào Cai, tiếp xúc với mọi tầng lớp quần chúng lao động. Đồng chí tích cực tham gia gây dựng thêm nhiều cơ sở trong giới thợ thuyền, thanh niên, bà con lao động và phát động đấu tranh. "Một số đoàn viên ở ga Hàng Cỏ được đồng chí Lê Văn Nhuận trực tiếp giác ngộ. Những đoàn viên ở những cơ sở nói trên đã hoạt động rất hăng hái, táo bạo. Tổ chức kỷ niệm lần thứ 12 Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại, đoàn viên ga Hàng Cỏ rải truyền đơn kêu gọi đồng bào ủng hộ Liên bang Xôviết"³.

Hoà mình trong phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Hà Nội, đồng chí Lê Duẩn càng tin ở sức mạnh đoàn kết của quần chúng lao động và khả năng đánh đổ cường quyền và bạo ngược, giải phóng con người khỏi áp bức bóc lột.

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, phong trào đấu tranh cách mạng ở Hà Nội có thêm những nhân tố mới - chuẩn bị tiến tới cao trào cách mạng sôi động trong cả nước trong những năm 1930 – 1931, mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh. Đồng chí Nguyễn Ngọc Vũ, Bí thư Thành uỷ Hà Nội, đã tiếp nhận đồng chí Lê Duẩn về sinh hoạt tại Đảng bộ thành phố. Từ một thanh niên giàu lòng yêu quê hương đất nước và mang nặng nỗi đau đồng loại, đồng chí Lê Duẩn đã sớm trở thành một chiến sĩ cộng sản.

Thời gian này đồng chí Lê Duẩn đã đưa vợ ra Hà Nội. Chị Sương vừa sinh con đầu lòng. Đồng chí đã chuyển về ở Ngõ Chợ Khâm Thiên. Bé trai mang tên Lê Hãn, để gọi nhớ con sông quê hương. Tuy mới chỉ hiểu biết qua về công việc của chồng, chị Sương cũng ráng sức làm tròn bổn phận người vợ để anh yên tâm hoạt động. Thấy anh đi về khi sớm, lúc muộn, có khi vắng nhà đến vài ngày, chị mong chờ, phấp phỏng, lo âu nhưng không bao giờ gan hỏi. Hiểu và tin vợ, đôi khi đồng chí nhờ vợ cất hộ bọc truyền đơn, tập tài liệu, chuyển giúp lá thư. Ngõ Chợ Khâm Thiên chật hẹp nằm sâu hun hút trong dãy phố đầy rẫy tiệm hút, nhà hàng, cũng xác xơ, nghèo khó như xóm nghèo chợ Sài, nơi đồng chí Lê Duẩn sinh ra, lớn lên rồi từ đó quyết chí ra đi. Bà con ở đây cũng quý đồng chí như mọi viên chức nghèo tốt bụng. Cơ sở quần chúng cách mạng trong xóm Chợ Khâm Thiên dần dần được gây dựng và lan rộng. Khi chị Sương mang thai lần thứ hai thì hai vợ chồng lại chuyển đến chỗ ở mới tại phố Huế.

Sau Hội nghị Trung ương Đảng tháng 10-1930, một số cơ quan chuyên môn của Trung ương và Xứ uỷ được củng cố lại. Đồng chí Lê Duẩn được phân công làm Uỷ viên Ban Tuyên huấn Xứ uỷ Bắc Kỳ, do đồng chí Trịnh Đình Cửu phụ trách. Từ đó đồng chí Lê Duẩn rời Sở Hoà xa Đông Dương và bắt đầu cuộc đời hoạt động cách mạng chuyên nghiệp. Đồng chí đưa gia đình về quê để có điều kiện công hiến hết sức mình cho cách mạng.

Cơ quan tuyên huấn Xứ uỷ Bắc Kỳ đặt trụ sở hoạt động ở Hải Phòng. Phong trào cách mạng đang lên mạnh, công việc càng bề bộn. Đồng chí Lê Duẩn được phân công phổ biến *Luận cương chính trị* cho các địa phương, biên soạn tài liệu, phát hành báo chí, truyền đơn và vận động phong trào quần chúng đấu tranh cách mạng. Đồng chí có nhiều dịp làm việc với các lãnh đạo của Đảng như: Trần Văn Lan, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Phong Sắc. Được tôi luyện trong thực tiễn cách mạng, đồng chí Lê Duẩn đã trở thành một cán bộ cách mạng trẻ tuổi, gan góc dạn dày kinh nghiệm.

Tháng 4-1931, Trung ương Đảng và Xứ uỷ Bắc Kỳ chủ trương phát động phong trào quần chúng đấu tranh mạnh mẽ ở Hà Nội, Hải Phòng trong dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5-1931. Cán bộ các Ban công tác của Trung ương như Tài chính, Công vận, Tuyên huấn khẩn trương chuẩn bị nội dung, phối hợp lực lượng phát động quần chúng đấu tranh. Đồng chí Lê Duẩn chịu trách nhiệm lãnh đạo và tổ chức cuộc đấu tranh tại các xí nghiệp sản xuất công nghiệp và các khu lao động ở Hải Phòng.

Công việc đang tiến hành thuận lợi thì Nghiêm Thượng Biền, Quyền Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ bị bắt. Không chịu được đòn, Biền đã khai báo tất cả những đầu mối liên lạc do hắn phụ trách và biết rõ. Chiều ngày 20-4-1931, Sở Mật thám Pháp ở Hà Nội cho hai tên cầm đầu là Dugiôn và Rinê chỉ huy hai xe chở đầy cảnh sát và mật thám về Hải Phòng phối hợp với lực lượng tại chỗ lùng sục. Cuộc vây ráp kéo dài đến nửa đêm. Bảy cơ quan của Trung ương và Xứ uỷ tan vỡ, 36 đồng chí bị sa vào tay giặc. Đồng chí Lê Duẩn cùng với các đồng chí trong Ban Tuyên huấn Xứ uỷ Bắc Kỳ như: Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Thị Lệ, Triệu Thị Đình, bị bắt tại ngôi nhà số 8 ngõ Quảng Lạc. Cùng thời gian này, địch mở các cuộc lùng sục, bắt bớ nhiều chiến sĩ cộng sản ở Thái Bình, Nam Định, Hòn Gai - Cẩm Phá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Sài Gòn - Chợ Lớn..., trong đó có nhiều đồng chí lãnh đạo của Đảng như: Trần Phú, Trần Văn Lan, Nguyễn Đức Cảnh... Thực dân Pháp quyết định phong trào cách mạng Đông Dương trong biển máu.

2. Trưởng thành trong nhà tù đế quốc

Sau khi bị bắt, đồng chí Lê Duẩn bị tạm giam ở Sở Mật thám Đông Dương rồi Nhà tù Hoà Lò Hà Nội. Bọn mật thám Pháp triệt để khai thác những người mới bị bắt với hy vọng lần thêm được những đầu mối của tổ chức cách mạng. Địch dùng mọi thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ và tra tấn dã man để lung lạc tinh thần và ý chí chiến đấu của các đồng chí ta. Đồng chí Nguyễn Hoàng Tôn, một đoàn viên thanh niên mới 17 tuổi liên lạc của Trung ương và Xứ uỷ bị đòn thù tàn ác nhất. Địch đã dùng đủ mọi cực hình tra tấn để tìm ra các cơ quan đầu não và lùng bắt những người lãnh đạo của Đảng. Chúng tra tấn anh chết đi sống lại nhiều lần, nhưng Nguyễn Hoàng Tôn vẫn tỏ rõ khí phách hiên ngang trước quân thù, can đảm chịu đựng để giữ vững khí tiết người chiến sĩ cộng sản. Noi gương bạn trẻ, Lê Duẩn cũng bất chấp xiềng xích và roi vọt của quân thù. Mácty, trùm mật thám Pháp ở Đông Dương, rồi Ácnu, Chánh Mật thám Pháp ở Bắc Kỳ thay nhau hỏi cung Lê Duẩn. Bị bắt giữa lúc đang họp nên địch biết khá rõ về công việc đồng chí đang làm. Trước sau như một, đồng chí chỉ trả lời chúng bằng sự im lặng.

Địch đưa nhiều người bị bắt đến để đồng chí nhận diện, nhưng đồng chí chỉ một mực lắc đầu. Dụ đồ tra hỏi không kết quả, chúng dùng roi da lòi đồng, roi cá đuối đánh tới tấp lên người. Sau một buổi hỏi cung, mình mẩy sưng vù, các khớp xương đau nhức. Về đến phòng giam, trong vòng tay, ánh mắt của đồng chí, bạn bè, nỗi đau thể xác như với dần, sức mạnh tinh thần như lại được nhân lên. Không khai thác được gì thêm, địch lập hồ sơ khép Nguyễn Hoàng Tôn tội tử hình và xếp Lê Duẩn vào loại tù nguy hiểm.

Nhà tù Hoà Lò cũng như Khám Lớn ở Sài Gòn và Nhà lao Thừa Phủ ở Huế là nơi tạm giam những tù nhân chưa thành án và cũng là nơi luân chuyển người tù. Nhà tù Hoà Lò ra đời cùng với sự thiết lập ách thống trị của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nhà tù có các dãy phòng giam tù chính trị, tù thường phạm, phụ nữ và trẻ em. Sức giam giữ của Nhà tù Hoà Lò trên thiết kế là 400 người tù, trong đó có tới 40 xà lim án chém, nhưng mới tính đến ngày 4-10-1931, địch đã dồn vào địa ngục này tới 1.451 người. Chiếc máy chém đứng sừng sững bên cổng chính Nhà tù Hoà Lò tượng trưng cho "sức mạnh" và nền "văn minh" của nước Pháp. Tại đây, Lê Duẩn gặp lại nhiều đồng chí, bạn bè đã từng gắn bó trong buổi đầu đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng con người như các đồng chí: Nguyễn Tạo, Nguyễn Tuân Thức, Ngô Đình Mẫn, Trần Học Hải và các đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, Trần Văn Lan, Trịnh Đình Cửu, Khuất Duy Tiến, Đặng Xuân Khu, Trần Văn Cung, Bùi Vũ Trụ, Vũ Trọng Đàm, Phạm Quang Lịch, Vũ Thiện Chân... Mấy tháng sau có thêm đồng chí Nguyễn Lương Bằng bị mật thám Pháp bắt từ Trung Quốc đưa về. "Bọn thực dân muốn giết hại tù chính trị, giết hại những người cộng sản để tiêu diệt phong trào cách mạng Việt Nam"⁴. Cùng với toà án và bộ máy cảnh sát đồ sộ, chúng muốn dùng nhà tù để làm công cụ nô dịch nhân dân ta. Người tù phải nằm chen chúc lên sàn ximăng. Mùa đông lạnh thấu xương, mùa hè thì oi nồng, ngột ngạt. Thức ăn chủ yếu là gạo mục và cá mắm thối. Tuy nằm giữa phố phường đô hội mà trong lao tù cách biệt hẳn với bên ngoài. Thân nhân đến thăm phải đứng bên hàng rào sắt cách người tù một khoảng sân hẹp, nên cứ phải gào to lên mới nghe được nhau. Hằng tuần, người tù phải thay phiên nhau lội xuống thùng vệ sinh mức phân chuyên lên xe. Nhiều người yếu quá có khi ngã gục hoặc chết dưới thùng phân. Bọn cai ngục mặc sức đánh đập, ức hiếp người tù.

Không tìm được chứng cứ luận tội, ngày 15-11-1931, Hội đồng đề hình thực dân Pháp kết án 102 tù nhân, trong số đó có 86 chiến sĩ cộng sản. Phiên toà kéo dài suốt ba ngày. Khu vực xét xử nằm kề bên Nhà tù Hoà Lò, gần ngay Sở Mật thám. Tù nhân bị đánh thức dậy từ sáng sớm, bị xích tay và do lính Pháp áp giải sang toà án. Bọn sen dầm súng cấm lưỡi lê đứng gác thành hai hàng ngay giữa sân. Tên thực dân Busê, Giám đốc chính trị Đông Dương làm chánh án. Đốc lý là Ghilomanh, chương lý là Môrô, bồi thẩm là đại úy Buốcgiaio. Phiên toà chỉ có kẻ xét xử và những người bị xử. Vài nhà báo được đến đưa tin theo ý của nhà cầm quyền. Lính Pháp canh giữ nghiêm ngặt cả vòng trong, vòng ngoài. Trong số người bị đưa ra xét xử có các đồng chí: Nguyễn Đức Cảnh, Trần Văn Lan, Trịnh Đình Cửu, Khuất Duy Tiến, Vũ Trọng Đàm, Lê Duẩn, Vũ Thiện Chân, Phạm Quang Lịch... Bọn quan toà cho gọi từng người lên để luận tội. Trước đó, chi bộ Đảng trong Nhà tù Hoà Lò đã đề ra chủ trương biến toà án để quốc thành diễn đàn đấu tranh. Một đồng chí có trách nhiệm phải lên án chế độ thực dân, bênh vực quyền lợi cho giai cấp, cho đồng bào mình. Đồng chí nào xuất thân từ học sinh thì tố cáo chính sách giáo dục ngu dân, đồng chí nào là nông dân thì phản đối chế độ sưu cao thuế nặng. Đến lượt mình, đồng chí Lê Duẩn vạch trần những thủ đoạn áp bức, bóc lột của bọn chủ Pháp đối với thợ thuyền ngành đường sắt và nói lên cuộc sống cực nhọc của anh chị em công nhân các bến tàu, xưởng thợ. Bọn quan toà kết tội chung đối với các chiến sĩ cộng sản là đã âm mưu "xúi giục dân nổi loạn" và tuyên án hàng loạt mức phạt tù. Đồng chí Lê Duẩn bị kết án 20 năm cầm cố. Các đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, Hồ Ngọc Lâm bị tử hình. Bọn quan toà chưa dứt lời, Vũ Thiện Chân, bí thư chi bộ nhà tù, giương sao cờ đỏ búa liềm. Tất cả những người tù nhất loạt đứng dậy hô vang các khẩu hiệu:

- Đả đảo thực dân Pháp!

- Đả đảo Hội đồng đề hình !

- Đả đảo án tử hình !

Đồng chí Lê Duẩn cũng ngẩng cao đầu hoà theo tiếng hô đánh thếp và căm hờn của các đồng chí thân yêu.

Một buổi sáng giữa tháng 12-1931, thực dân Pháp chở 75 tù nhân, phần lớn là những chiến sĩ cộng sản, xuống Hải Phòng để đày ra Côn Đảo. Đồng chí Lê Duẩn cùng đi với các đồng chí Khuất Duy Tiến, Lê Thanh Nghị, Trần Quý Kiên, Nguyễn Tuân Thức. Khi anh em đến Hải Phòng, trên các nóc nhà thờ đang được chăng đèn kết hoa để chuẩn bị kỷ niệm ngày Chúa giáng sinh. Địch đưa cả đoàn tù vào giam trong Nhà lao Hải Phòng. Nhà lao Hải Phòng nằm giữa khu phố đông người. Trong đoàn tù có đồng chí Nguyễn Thành Long, nguyên là một học sinh quê ở Thái Bình. Nguyễn Thành Long có biệt hiệu Long tàu bay vì đồng chí rất giỏi nghề cơ khí và có tài mở được các loại khoá. Được anh em ủng hộ, Long quyết định sẽ vượt ngục. Long xé chân lấy sợi bện dây thừng và chuẩn bị móc sắt. Đêm 20-12-1931, các đồng chí ta đứng chông lên vai nhau làm thang cho Long trèo lên mái đỡ ngói và dùng dây thừng, móc sắt leo qua sân thoát ra ngoài. Sáng hôm sau, phát hiện có người trốn, bọn cai ngục liền cùm chân tất cả tù

nhân. Anh em bàn nhau phải tổ chức đấu tranh phản đối. Lê Duẩn đề nghị tuyệt thực để chống lệnh cùm chân. Khuất Duy Tiến, Nguyễn Tuân Thức, Vũ Thiện Chân... cũng chủ trương không nên manh động, nhưng số tù Quốc dân Đảng muốn tỏ ra hăng hái, đề nghị phải dùng vũ lực để đánh cả bọn cai ngục. Gạch đá, thanh sắt, gậy gộc được chuẩn bị. Sau giờ ăn cơm chiều ngày 21- 12-1931, những tiếng hò la vang dội trong nhà giam mở đầu cho cuộc đấu tranh. Bọn cai ngục và lính gác xông vào các phòng giam đe dọa khủng bố. Những người khỏe mạnh như Trần Quý Kiên, Trần Bảo, Lê Thanh Nghi... cầm gậy đứng trấn giữ cửa ra vào; Lê Duẩn, Khuất Duy Tiến, Nguyễn Tuân Thức, Vũ Thiện Chân đứng hỗ trợ phía sau. Bọn cai ngục và lính gác không sao vào được. Tiếng hò la phản đối khủng bố, phản đối cùm chân càng dữ dội. Địch hoảng sợ cho xe phun nước tới đàn áp. Các đồng chí ta vẫn giữ chặt cửa ra vào. Đến lúc đó số tù Quốc dân Đảng hoảng sợ đã lùi cả lại phía sau, chỉ còn một mình anh Dương vẫn sát cánh cùng những người tù cộng sản chiến đấu đến cùng. Một đơn vị lính khố xanh được tăng cường tới đàn áp nhưng binh lính không chịu nổ súng vào những người tù. Địch phải dùng một trung đội lính Pháp đến xả trung liên bắn vô hồi về phía trại giam. Bảy chiến sĩ cộng sản hy sinh. Anh Dương, một tù nhân Quốc dân Đảng rất có cảm tình với các đồng chí ta, cũng trúng đạn tử thương. Chưa có tàu đi Côn Đảo, cả đoàn tù bị cùm chân suốt một tháng, rồi lại bị đưa về Hoà Lò.

Sau cuộc đấu tranh lưu huyết tại Hải Phòng, chi bộ nhà tù tổ chức rút kinh nghiệm về phương pháp đấu tranh. Lê Duẩn phân tích tác hại của tư tưởng manh động của những người tù Quốc dân Đảng.

Từ năm 1932, sau khi tổ chức chi bộ được củng cố, phong trào học tập, đấu tranh trong Nhà tù Hoà Lò dần dần đi vào nền nếp và ngày càng phát triển mạnh. Chi bộ bắt tay xây dựng một số tổ chức quần chúng như Lao tù hội, Đoàn thanh niên, Đội hồng thập tự, Ban trật tự... để thông qua đó tập hợp quần chúng, tổ chức đấu tranh. Nhiều cuộc đấu tranh liên tiếp nổ ra, bắt đầu từ những cuộc đấu tranh đòi cải thiện chế độ lao tù tàn bạo. Hình thức đấu tranh chủ yếu là hò la và tuyệt thực. Nhờ đoàn kết và có tổ chức, địch dần dần phải nhượng bộ. Chúng phải cho máy đến hút phân, phải cho người tù ra sân chơi, tưới nắng, tù nhân bớt phải ăn gạo mục, cá mắm thối, khi ăn được cháo xiềng xích, ăn uống được dọn bằng mâm. Hàng tuần có thợ cạo vào cắt tóc. Ngày 5 hàng tháng, thân nhân được vào thăm người tù.

Cùng với các đồng chí trong chi bộ Đảng, đồng chí Lê Duẩn hăng hái tham gia ý kiến tổ chức lãnh đạo đấu tranh và tuyên truyền, vận động quần chúng trong nhà tù. Từ những yêu sách để cải thiện chế độ lao tù, anh em tổ chức những cuộc đấu tranh mang ý nghĩa chính trị và tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng sản. Mở đầu cho những phong trào như thế là cuộc kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5-1932. Các đồng chí ta đã có kế hoạch tổ chức ngày lễ này từ rất sớm. Hình thức kỷ niệm chính là diễn thuyết, ca hát và diễn kịch về ngày truyền thống của những người lao động trên toàn thế giới.

Đồng chí Lê Duẩn đóng vai diễn trong vở kịch có nội dung ca ngợi giá trị cao quý của tầng lớp thợ thuyền, lên án bất công và bạo ngược, kêu gọi những người lao động đoàn kết đấu tranh cho quyền lợi giai cấp. “Sau buổi diễn kịch trong nhà lao, đồng chí Lê Duẩn và một số anh em khác diễn kịch bị bọn cai ngục cho là cầm đầu, kiếm có bắt đem vào xà lim cùm một tháng”⁵.

Do đã phán đoán được tình hình và được chuẩn bị từ trước, chi bộ kịp thời chuyển hướng lãnh đạo cuộc đấu tranh vận động bằng một cuộc hò la hô khẩu hiệu vang dội khắp các dãy phòng giam. Rút kinh nghiệm những cuộc đấu tranh trước, lực lượng đấu tranh được tổ chức khá chặt chẽ để đối phó với sự khủng bố của địch. Những người trẻ, khoẻ được bố trí đứng ngoài để đỡ đòn, bảo vệ cho các đồng chí già yếu. Cả trại giam thay nhau hò la, hô khẩu hiệu. Nếu giặc khủng bố trại này, trại kia lên tiếng hỗ trợ để phân tán lực lượng đàn áp. Cuộc đấu tranh ngày 1-5-1932 kéo dài từ chập tối tới nửa đêm với các khẩu hiệu:

- Tinh thần ngày Quốc tế Lao động 1-5 muôn năm!

- Ủng hộ Liên bang Xôviết !

- Ủng hộ cách mạng Trung Quốc !

- Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm !

Ngồi trong xà lim cách biệt, đồng chí Lê Duẩn vẫn thấy âm áp tình đồng chí, bạn bè. Trong gian khổ hy sinh, tình yêu đồng loại càng thêm sâu nặng. Tình đoàn kết gắn bó giữa những con người cùng chung chí hướng đã nhân lên thành sức mạnh chiến thắng kẻ thù.

Cuộc đấu tranh đêm 1-5-1932 đã tạo ra một luồng sinh khí mới trong đời sống lao tù, củng cố thêm niềm tin tất thắng đối với sự nghiệp cách mạng. Cuộc đấu tranh thể hiện vai trò và năng lực tổ chức, lãnh đạo và sự đoàn kết nhất trí của các chiến sĩ cộng sản. Cuộc đấu tranh tuy bị địch đàn áp, nhưng buộc chúng phải cải thiện một phần chế độ lao tù và bữa ăn hàng ngày cho tù nhân. Địch vẫn cho Lê Duẩn là phần tử nguy hiểm và đày đoạ một tháng rông trong xà lim. Trở lại phòng giam chung với các đồng chí khác, Lê Duẩn lại hăng hái lao vào những đợt sinh hoạt, những cuộc đấu tranh mới.

Trong thời gian địch khủng bố trắng, biết bao nhiêu người con ưu tú của dân tộc, của giai cấp đã sa vào tay giặc và đã anh dũng hy sinh. Nhiều đồng chí bị lưu đày biệt xứ. Ngày 25-5-1931, đồng chí Nguyễn Phong Sắc, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng bị xử bắn tại Cửa Hội, Nghệ An. Ngày 6-9-1931, đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, bị đòn thù tra tấn và bệnh tật hành hạ đã hy sinh tại Bệnh viện Chợ Rẫy, Sài Gòn. Đồng chí Nguyễn Ngọc Vũ, Bí thư Thành ủy Hà Nội, đã hy sinh tại Nhà tù Hỏa Lò từ đầu năm 1932.

Người thanh niên ưu tú Lý Tự Trọng cũng hy sinh trong thời gian này. Các đồng chí Phạm Hùng, Lê Văn Lương bị giam ở xà lim án chém. Và còn bao nhiêu đồng chí khác đang bị giết dần giết mòn. Cán bộ là vốn quý của Đảng. Trong Nhà tù Hỏa Lò, đồng chí Lê Duẩn đã bàn với các đồng chí trong chi bộ tổ chức đấu tranh ngăn chặn những tội ác dã man của địch, bảo vệ bạn bè đồng chí. Đầu năm 1932, thực dân Pháp tuyên án tử hình 13 chiến sỹ yêu nước đã tham gia cuộc bạo động Yên Bái. Chi bộ đảng đã lãnh đạo cuộc đấu tranh tuyệt thực với khẩu hiệu: "Đả đảo án tử hình 13 chiến sỹ Yên Bái", "Đả đảo đế quốc Pháp dã man". Cuộc đấu tranh thu hút đông đảo thường phạm và tù Quốc dân Đảng tham gia. Những cuộc đấu tranh như thế diễn ra sôi nổi liên tục với nội dung cụ thể như đấu tranh phản đối án đày tù chính trị đi Guyan, đấu tranh phản đối án tử hình các đồng chí: Nguyễn Đức Cảnh, Hồ Ngọc Lân và Nguyễn Hoàng Tôn. Đồng chí Lê Duẩn đã xúc động mạnh mẽ trước tấm gương chiến đấu hy sinh của đồng chí Nguyễn Đức Cảnh. Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh là một trong những người tham gia sáng lập Đảng và tổ chức Công hội đỏ Bắc Kỳ, là một trí thức cách mạng, người con ưu tú của giai cấp công nhân. Biết chẳng còn sống được bao lâu, đồng chí đã tranh thủ thời gian hiếm hoi còn lại của đời mình để làm việc cho Đảng: tuyên truyền, giác ngộ về chủ nghĩa cộng sản cho quần chúng trong tù; phổ biến, trao đổi với các đồng chí trong chi bộ kinh nghiệm đấu tranh. Đọc lại những tài liệu do đồng chí Nguyễn Đức Cảnh biên soạn như cuốn *Công nhân vận động*, đồng chí Lê Duẩn đau nỗi đau xé ruột và như được tiếp thêm dũng khí trong cuộc chiến đấu sống còn với kẻ thù của dân tộc, của giai cấp.

Ngày 31-7-1932, thực dân Pháp đưa Nguyễn Đức Cảnh và Hồ Ngọc Lân ra xử chém ở Hải Phòng. Suốt cả ngày hôm ấy, đồng chí Lê Duẩn bỏ cơm. Biết trước rồi đồng chí Nguyễn Đức Cảnh sẽ phải hy sinh, nhưng sự ra đi của người đồng chí lớp đàn anh ấy đã để lại cho đồng chí những khoảng trống vắng không thể bù đắp được.

Những cuộc đấu tranh của tù nhân trong Nhà tù Hỏa Lò đã gây tiếng vang lớn trong nhân dân Hà Nội. Đó cũng là nguồn động viên, khích lệ mạnh mẽ những đồng chí đang lặn lội gây dựng lại các cơ sở bị tan vỡ.

Trong Nhà tù Hỏa Lò, noi gương đồng chí Nguyễn Đức Cảnh và nhiều đồng chí đã hy sinh, các chiến sĩ cộng sản vẫn sống lạc quan, tiếp tục cuộc đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và sự toàn thắng của chủ nghĩa cộng sản. Nhà tù Hỏa Lò là nơi tạm giam những người chưa thành án hoặc án nhẹ. Ngoài những chiến sĩ cộng sản còn hàng trăm tù thường phạm gồm đủ các hạng người. Sau cuộc bạo động Yên Bái, hàng loạt những người trong tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng bị bắt và giam giữ trong Hỏa Lò. Số tù thường phạm hay bị quan, chán nản, còn tù chính trị thì tỏ ra yếm thế, bẽ tắc, nhưng cũng có người mưu nổi loạn. Chi bộ nhà tù đã tổ chức tuyên truyền, giác ngộ cách mạng cho các tù nhân. Bằng thái độ chân thành, cởi mở, tình hữu ái giai cấp, niềm lạc quan yêu cuộc sống và nhất là bằng tấm gương chiến đấu hy sinh của những người cộng sản chân chính, các đồng chí ta đã cảm hoá được nhiều tù thường phạm và tù Quốc dân Đảng. Các đồng chí Đặng Xuân Khu, Vũ Trọng Đàm, Nguyễn Lương Bằng... là những diễn giả thu hút được sự chăm chú lắng nghe của mọi người. Đồng chí Lê Duẩn nói tiếng Quảng Trị nặng, khó nghe, ít khi tham gia diễn thuyết. Đồng chí thích trò chuyện, tâm tình. Với tác phong giản dị, mộc mạc cùng tấm lòng nhân hậu và tình yêu đối với con người, đồng chí được nhiều người quý mến.

Ra báo trong tù là nét đặc sắc trong cuộc đấu tranh của các chiến sĩ cộng sản và cũng là nét đặc sắc trong lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam. Trong Nhà tù Hỏa Lò, những tờ *Lao tù tạp chí*, *Đuốc đưa đường*, *Con đường chính*... lần lượt ra đời. Các đồng chí Đặng Xuân Khu, Vũ Trọng Đàm là những cây bút xuất hiện thường xuyên trên các báo. Đồng chí Lê Duẩn cũng tham gia viết bài, cất giấu tài liệu và tổ chức tuyên truyền. Đồng chí đã cùng một số anh em khác cạy gạch ở góc tường phòng giam, khoét sâu thành "thư viện" để giấu tài liệu, báo chí. Một tờ báo đăng bài viết về tính chất, đặc điểm và nguyên nhân thất bại của cuộc bạo động Yên Bái đã làm xôn xao dư luận trong số người tù Quốc dân Đảng. Bất chước những chiến sĩ cộng sản, họ cũng ra tờ *Con đường cách mạng*. Sau bài báo của đồng chí ta, một cuộc bút chiến sôi nổi và quyết liệt xảy ra giữa những người cộng sản và Quốc dân Đảng. Ta có hai

tờ báo tham gia cuộc bút chiến này là tờ *Duốc đưa đường* do đồng chí Lê Duẩn làm chủ bút và tờ *Con đường chính* do đồng chí Trường Chinh làm chủ bút. Bằng những bài viết của mình và trong những cuộc tranh luận sôi nổi, đồng chí Lê Duẩn đã phá chủ nghĩa tam dân nửa vôi của những người cầm đầu Quốc dân Đảng, lên án tư tưởng dân tộc hẹp hòi và trình bày mục tiêu, lý tưởng của những người cộng sản là thực hiện cách mạng tư sản dân quyền kiểu mới do giai cấp công nhân lãnh đạo, giải phóng người lao động, giành lại độc lập cho đất nước. Đồng chí bác bỏ sự vu cáo của Quốc dân Đảng, cho rằng cộng sản là những người theo chủ nghĩa *tam vô*: không tôn giáo, không gia đình và không tổ quốc. Những cuộc bút chiến và tranh luận đó đã tạo nên sự phân hoá hàng ngũ tù nhân Quốc dân Đảng, nhiều người bắt đầu có cảm tình với những người cộng sản một số đã gia nhập Đảng Cộng sản.

Bằng nhiệt tình cách mạng và khả năng phân tích, nhận định tình hình, đồng chí Lê Duẩn tích cực góp phần làm thất bại hệ tư tưởng tư sản đã lỗi thời của nhóm tù Quốc dân Đảng, khẳng định tính chất đúng đắn của chủ nghĩa cộng sản, bảo vệ đường lối cách mạng triệt để của Đảng ta đã được trình bày trong các văn kiện của Đảng.

Càng hiểu biết sâu sắc về mục đích cuộc sống mình đang theo đuổi, đồng chí Lê Duẩn càng khao khát được cống hiến nhiều hơn cho Đảng và cách mạng. Thời kỳ này, phong trào cách mạng đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Chi bộ đảng trong tù luôn luôn động viên, giáo dục đảng viên giữ vững niềm tin ở sự nghiệp cách mạng, phải tận dụng thời gian, tích cực học tập lý luận về chủ nghĩa cộng sản, về phương pháp cách mạng và tìm cách vượt ngục trở về đội ngũ chiến đấu. Chi bộ mở nhiều đợt sinh hoạt, học tập và các lớp huấn luyện ngay trong các trại giam. Trong những ngày bị tù đầy, đồng chí Lê Duẩn có điều kiện nghiên ngẫm kỹ hơn các văn kiện của Đảng. Đồng chí cũng bắt đầu nghiên cứu về triết học và các học thuyết kinh tế. Cũng thời gian này, đồng chí được nghe nói kỹ hơn về Nguyễn Ái Quốc. Qua những mẫu chuyện giản dị và xúc động của đồng chí Nguyễn Lương Bằng, người học trò gần gũi của Nguyễn Ái Quốc. Lê Duẩn càng cảm phục người chiến sĩ lỗi lạc của cách mạng Việt Nam, và đau xót khi biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc cũng đang bị cầm tù ở Hồng Kông.

Được chi bộ đảng phân công chuẩn bị kế hoạch vượt ngục, nhưng đồng chí tình nguyện ở lại. Nhiệm vụ tổ chức phân công, đồng chí đã gắng sức làm tròn. Đồng chí đã cùng với các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Tạo, Bùi Xuân Mẫn, Vũ Trọng Đàm họp bàn, thảo luận và vạch kế hoạch tổ chức cuộc vượt ngục một cách chu đáo, tỉ mỉ. Đêm Noel 1932, bảy chiến sĩ cộng sản đã thoát khỏi Nhà tù Hoả Lò. Đó là các đồng chí: Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Tạo, Vũ Như Cương, Phạm Quang Lịch, Bùi Xuân Mẫn, Vũ Trọng Đàm, Lê Đình Tuyên.

Cuộc vượt ngục đêm Noel 1932 là một đòn choáng váng đánh vào chế độ nhà tù tàn bạo của thực dân Pháp và bọn cai ngục trong Nhà tù Hoả Lò. Tiếp đó là các cuộc tuyệt thực đòi nới rộng chế độ ăn uống và tiếp tục đòi cải thiện đời sống trong nhà tù. Địch càng thấy phải sớm di chuyển số tù nhân mà chúng cho là “bướng bỉnh” đi nơi khác.

Tết năm 1933 là cái tết thứ hai của đồng chí Lê Duẩn ở trong tù. Đã năm mùa xuân qua đi, đồng chí xa nhà. Sau khi chồng bị bắt, chị Lê Thị Sương đưa con trở về Quảng Trị. Chị sinh cháu gái trong lúc cách biệt tin chồng. Sở Mật thám Đông Dương cho người về thôn Hậu Kiên tra hỏi, dọa nạt về mối quan hệ của đồng chí Lê Duẩn với gia đình, với bạn bè đồng chí. Cảnh nhà thêm sa sút. Bọn hào lý trong xã được lệnh phải giám sát những người trong gia đình. Hàng gỗ ế ẩm, rỏ thuốc cao dán không đủ nuôi sống gia đình. Con vừa đầy tháng, chị Sương phải gửi lại cho ông bà rồi lặn lội khắp các chợ quê buôn bán. Về làm dâu tại thôn Hậu Kiên, lúc này chị Sương mới có dịp hiểu hết cái nghĩa tình làng xóm quê chồng. Vốn kính trọng ông bà Hiệp, lại cũng hiểu được phần nào việc làm của người con trai, bà con hàng xóm vẫn tìm đến gia đình với tấm lòng đầy tình thương cảm của những người cùng chung cảnh ngộ. Dưới sự yêu thương đùm bọc của cha mẹ chồng và bà con hàng xóm, chị Sương đã đứng vững và tận tảo thay chồng nuôi con.

Cùng thời gian đó, giữa Thống sứ Bắc Kỳ Tôlăng và Công sứ kiêm chúa ngục Sơn La Xanh Pulóp đang có cuộc trao đổi, bàn giao một số tù chính trị tại Nhà tù Hoả Lò. Pulóp báo cáo trả lời Tôlăng: "Xin ngài cứ tiếp tục giải chính trị phạm lên Sơn La. Bọn này, nếu ở Hoả Lò Hà Nội là những loại hung hăng khó trị, tới đất Sơn La chỉ trong vòng sáu tháng, vì trùng sốt rét sẽ làm cho chúng suy nhược và trở nên hiền hoà"⁶.

Đoán trước được ý đồ bọn thực dân, chi bộ Nhà tù Hoả Lò kịp thời thông báo cho quần chúng và chuẩn bị tinh thần cho chuyến đầy ải lên Sơn La. Một số đồng chí liên lạc với gia đình xin thuốc men, giấy viết. Các đồng chí Đặng Xuân Khu, Lê Duẩn được phân công chuẩn bị tài liệu mở lớp huấn luyện. Tài liệu được ghi chép lên những mảnh giấy nhỏ, phân tán cho từng người giữ. Các đồng chí khâu giấu trong vạt áo, gấu quần. Đồng chí Vũ Thiện Chân còn nhờ một đồng chí khéo tay khoét rỗng đôi đũa tre để đựng tài liệu.

Nửa đêm về sáng một ngày tháng 2-1933, 210 tù nhân ở Nhà tù Hoả Lò bị dựng dậy. Những chiếc xe tải bịt kín chở họ ra bến phà Đen để lên tàu thủy đi Sơn La. Đoàn tù bị chia làm hai nhóm. Nhóm những chiến sĩ cộng sản bị xích tay, nhóm tù thường phạm và tù Quốc dân Đảng bị buộc bằng dây thừng. Phần lớn những đồng chí cán bộ của

Trung ương, Xứ uỷ, Tỉnh uỷ đã sa vào tay địch đều có mặt trong đoàn tù phát văng lên Sơn La như các đồng chí: Trịnh Đình Cửu, Trần Văn Lan, Bùi Vũ Trụ, Đặng Xuân Khu, Lê Duẩn, Khuất Duy Tiến... Những người tù phải ngồi dưới hầm tàu buôn. Trời đang giá lạnh nhưng ai cũng thấy nóng bức, ngột ngạt. Khoảng ba giờ chiều, tàu đến Chợ Bờ. Đoàn tù đi bộ ngay lên thị trấn Suối Rút. Một cảnh tượng xúc động đã diễn ra tại thị trấn Suối Rút. Thân nhân người tù được thông báo trước đã lên đây cùng bà con thị trấn đổ ra đường chào đón. Buổi tối hôm đó đồng chí Lê Duẩn ngủ trong ngôi chùa ở thị trấn. Lâu lắm rồi đồng chí mới lại nghe tiếng tụng kinh niệm Phật. Nhà chùa đang cầu trời phù hộ độ trì cho những kẻ bị đọa đày. Đồng chí chưa có dịp tìm hiểu sâu về tôn giáo này nhưng triết lý từ bi bác ái của đạo Phật qua người mẹ đã ảnh hưởng sâu sắc đến việc hình thành trong tâm hồn đồng chí tình thương bao la đối với con người và nỗi đau đồng loại. Sáng hôm sau, bà con thị trấn Suối Rút và thân nhân, phần lớn là những bà mẹ và vợ của người tù lại đứng dọc hai bên đường tiễn đưa. Người đưa quả trứng, người biếu nắm xôi. Bà con nói: cầu mong cho các ông đi đường được mạnh khoẻ, bình an; bao nhiêu ốm đau, bệnh tật để lại hết cho chúng tôi. Nhiều người khóc. Những người tù cộng sản đã dày dạn trong ngọn lửa đấu tranh cũng không cầm được nước mắt. Xa gia đình và xứ sở quê hương, lao vào con đường đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng con người, lúc này đồng chí Lê Duẩn càng thấy thấm thía trước những tấm lòng thương yêu của quần chúng đối với cách mạng. Dân mình ở đâu cũng khổ, hy sinh, cố gắng không làm phiền đến gia đình. Trong nhà tù đồng chí là một trong số ít người hầu như không có thân nhân đến thăm. Xa người mẹ sinh thành nhưng vẫn có những người mẹ của các đồng chí, bạn bè truyền cho hơi ấm tình thương. Đồng chí kể lại: “Trong tù tôi nhận thấy rằng tất cả các đồng chí cùng bị giam với tôi đều có những bà mẹ rất tốt. Mẹ tốt sinh ra những đứa con tốt. Những bà mẹ Việt Nam anh hùng đã cống hiến cho Tổ quốc Việt Nam những đứa con anh hùng”. Bước chân đi đày mà đồng chí vẫn vững tin ở ngày mai chiến thắng.

Con đường từ Suối Rút lên Sơn La mới được khai thông nhưng vẫn còn lởm chởm đá tai mèo. Những đợt mưa dầm, gió bắc càng làm đường lầy lội. Đa số tù nhân không giày, không dép, mặc cho sỏi đá cứa nát bàn chân. Người đi sau thấy máu của đồng chí mình loang trong vũng nước. Anh em phải xé chăn lấy giẻ bọc chân. Con đường bộ dài chưa đầy 200 kilômét, đoàn tù phải đi vất vả, cực nhọc trong 13 ngày.

Nhà tù Sơn La nằm bên một quả đồi cao; nó thực sự là một nhà mồ trong hang núi. Cũng như Lao Bảo, Côn Đảo, đây là nơi địa ngục trần gian đã huỷ hoại cuộc đời của bao nhiêu chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước khác. Nói đến Sơn La, không ít người đã thấy rừng rợn, "nước Sơn La, ma Vạn Bú". Nhà tù Sơn La được xây theo hình thước thợ. Những người tù cộng sản bị giam trong dãy nhà dài. Từ nhà lao phải qua cả dãy đồi mới tới suối nước. Tù nhân được xuống suối tắm giặt mỗi tuần một lần. Người tù nằm trên sàn gỗ ghép. Đây là thế giới của loài rắn, rệp và chuột bọ. Rệp hút máu làm kiệt sức người. Hàng đàn chuột mập ú chuyên rình rập để gặm mắt, mũi người chết. Nhà tù Sơn La đứng chơ vơ, cô độc, tách biệt với cuộc sống con người. Không sợ tù trốn, bọn cai ngục không cùm xích phạm nhân. Ở đây, tù nhân nếu không bị roi vọt, gông xiềng hành hạ thì bị âm khí của rừng sâu huỷ hoại thân xác họ. Lúc mới đến Sơn La, các đồng chí đã tổ chức ngay những lớp huấn luyện chính trị và học tập văn hoá. Đồng chí Đặng Xuân Khu chủ trì một lớp học bồi dưỡng về chủ nghĩa duy vật biện chứng. Đến tháng thứ hai đã bắt đầu có người bị sốt rét. Sang tháng thứ năm thì một trong những đồng chí khoẻ nhất là Nguyễn Tuân Thức biệt hiệu Thức Voi cũng bị sốt rét quật ngã. Hầu như chẳng còn ai đủ sức lê bước xuống suối tắm được nữa. Cùng với chứng sốt rét là kiệt lực, thương hàn, ỉa chảy tràn lan khắp các phòng giam. Các lớp học phải đình lại. Dã man và vô nhân đạo hơn là bọn cai ngục ở đây còn lấy thân xác người tù để thí nghiệm một loại thuốc mới dùng để chữa bệnh lậu cho lính Pháp. Nhiều đồng chí đã chết oan vì thứ thuốc này. Sống trong tù ngục ghê rợn như vậy, đồng chí Lê Duẩn càng thấy sự vô giá của tình thương giữa những người cùng chung chí hướng. Là người sống rất điều độ, đồng chí đã bàn với các đồng chí khác, nhắc nhở, động viên mọi người gắng giữ gìn sức khoẻ, ăn nhiều ớt, không ngủ ngày để chống sốt rét ác tính, chịu khó vận động thân thể để chống mỏi mệt. Sau này đồng chí kể lại: "Hồi ở Nhà tù Sơn La, tôi bị giam cùng anh Trường Chinh và nhiều đồng chí khác. Chúng tôi đã chứng kiến cảnh gần hai trăm anh em tù ở đây, do bị giam cầm, hành hạ mà chín tháng đã chết mất năm mươi người, còn bao nhiêu thì ốm đau, vỡ vàng cả. Trong cảnh tù đày, chết chóc như vậy, không có tình cảm nào thiêng liêng, cao cả bằng tình đồng chí"⁸.

Những cuộc bắt bớ, giam cầm và chế độ nhà tù tàn bạo của thực dân Pháp ở Đông Dương đã gây xúc động lớn trong nhân dân lao động Pháp. Trong năm 1933, cùng với những hoạt động của tổ chức Cứu tế đỏ, Đảng Cộng sản Pháp đã lãnh đạo nhân dân Pháp tổ chức 98 cuộc biểu tình trong cả nước đòi ân xá cho 10.000 tù chính trị ở Đông Dương và nhất là đòi phải huỷ bỏ những bản án tử hình và vận động quyền góp giúp những người bị giam giữ trong các nhà tù. Tờ báo của giới địa chủ Pháp ở Đông Dương *Volonté Indochinoise* "Ý chí Đông Dương" cũng phải lên tiếng than phiền về những điều ghê rợn ở Nhà tù Sơn La. Tháng 11-1933, bọn Pháp buộc phải đưa đoàn tù từ Sơn La về Hoà Lò, Hà Nội.

Đoàn tù đi từ Sơn La về Hoà Lò chia làm hai nhóm. Ba mươi người quá ốm yếu đi bộ ra Tà Bú rồi lên thuyền xuôi sông Đà về Chợ Bờ. Số còn lại vẫn đi bộ theo con đường cũ rồi gặp nhau tại đó. Các đồng chí Đặng Xuân Khu, Lê

Duẩn, Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Tuân Thức...trong đoàn tù đi bộ. Những người đi bộ cũng chẳng hơn gì những người phải đi thuyền. Đoàn tù đi bộ ra Tà Bú mỗi người phải chống hai tay hai gậy, rờn rã hai ngày mới vượt được đoạn đường 30 kilômét. Anh em đi đường bộ cũng phải diu nhau suốt dọc đường. Đồng chí Nguyễn Văn Sơ và mấy người yếu quá phải nằm trên cáng tre do phu người Thái khiêng như khiêng đồ vật. Đồng chí Lê Duẩn gầy ốm, nhưng vẫn rắn rỏi đi trong đội ngũ. Đôi mắt đã kém tinh nhanh, nhưng vẫn ánh lên những tia vui và nét nhìn cương nghị.

Bọn địch đưa đoàn tù về Hà Nội cũng chỉ là để đối phó với dư luận. Mười ngày sau chúng chuyển anh em xuống Hải Phòng để đày ra Côn Đảo. Các đồng chí Đặng Xuân Khu, Bùi Vũ Trụ, Trần Văn Lan... yếu quá phải ở lại. Đoàn tù đi Côn Đảo có thêm một số anh em khác. Tất cả đúng 200 người.

Khi biết chắc chắn chỉ ít ngày nữa là sẽ phải ra Côn Đảo, chi bộ nhà tù nhắc nhở anh em tích cực chuẩn bị những thứ cần thiết. Rủi kinh nghiệm những chuyến đi trước, mọi việc chuẩn bị phải khẩn trương và giữ bí mật. Ngoài những thứ cần thiết cho sinh hoạt cá nhân, nhiều đồng chí được phân công chuẩn bị truyền đơn, cờ đỏ để tổ chức tuyên truyền, đấu tranh trên dọc đường. Đồng chí Lê Duẩn chủ động đề xuất nhiều ý kiến cho công việc chung. Đồng chí Vũ Thiện Chân kể lại: "Đêm đã khuya, đồng chí Bùi Vũ Trụ còn lần đến chỗ tôi rỉ tai: "Búa" oi, anh Duẩn có ý kiến nếu kiếm được một cờ đỏ búa liềm, như cái cậu đã tung ra trước Hội đồng đề hình hồi ấy thì hay quá ! Để làm gì? Để chúng mình phát lên trên đường "hành quân" ra Côn Lôn"¹⁰.

Mới 3 giờ sáng một ngày cuối năm 1933, trời lạnh thấu xương, những người tù đã bị gọi dậy. Chúng bắt anh em xếp hàng hai giữa sân, khám xét kỹ từng người rồi xích tay hai người một, dồn tất cả lên xe hơi bọc kín. Xe vừa lăn bánh ra đường phố, những người tù, những chiến sĩ cộng sản bị đày đã đồng thanh hát vang:

Bớ công nông ! Phất cờ lên !

Đồng tâm lướt tới diệt loài sói lang

Theo ngọn cờ Mác - Lênin ...

Tiếng hát chào tạm biệt đồng chí, bạn bè ở lại và bà con Hà Nội. Những người tù bị đưa lên các toa tàu. Xích tay được tháo nhưng lại bị cùm chân vào một thanh sắt dài suốt dọc toa tàu; trong toa có lính khổ xanh ôm súng ngồi canh, im lìm bất động. Thân phận họ cũng chẳng hơn gì những người tù. Họ không được rời khỏi vị trí của mình. Hai đầu toa có lính Pháp đứng gác. Tàu qua cầu sông Cái¹¹ vào lúc trời mờ sáng. Mỗi lần tàu dừng lại các ga, bài ca *Bớ công nông* lại vang lên hào hùng, lời cuốn. Gần trưa tàu đến Hải Phòng. Trở lại thành phố cửa biển, đồng chí Lê Duẩn thấy bồi hồi, xúc động. Chính nơi đây đồng chí đã sống những tháng ngày sôi nổi của tuổi thanh xuân trong khí thế rầm rộ của cao trào cách mạng 1930 - 1931. Và cũng tại đây đồng chí sa vào tay giặc. Mới đó mà đã trở thành kỷ niệm.

Bọn Pháp cũng rút ra được bài học năm xưa, chúng đưa thẳng đoàn tù lên tàu biển. Chiếc tàu khách Colôt Sáp chuyên chạy đường Hải Phòng - Sài Gòn được thuê chở tù nhân vào Ô Cấp. Những người tù lại chen chúc dưới hầm tàu. Cùm chân được tháo nhưng tay lại bị xích. Ốm đau, bệnh tật, lại qua một ngày tranh đấu nên ai cũng thấm mệt. Tàu còng ra khơi càng lắc mạnh, nhiều đồng chí nôn cả ra mật xanh, mật vàng. Sau bốn ngày đêm lênh đênh lên biển, tàu cập bến Ô Cấp. Đoàn tù chuyển sang tàu nhỏ ra Côn Đảo. Khoảng 9 giờ tối ngày 25-12-1933, cano chở tù nhân từ tàu vào bến. Đói và mệt, anh em bước đi trong bóng đêm chập choạng. Bọn giám thị dùng dùi cui quát tới tấp lên người thúc giục đoàn tù đi nhanh. Vào phòng giam lại bị đánh. Chúng đánh để đếm người. Mỗi người tù được phát một bộ quần áo màu xanh và một chiếc chiếu. Đồ dùng cá nhân mang theo chúng bắt để cả ngoài sân. Tấm áo tù của đồng chí Lê Duẩn in đậm hàng số 3114. Vừa ra khỏi âm ty trong lòng đất, những người tù lại rơi vào địa ngục trần gian.

Côn Đảo là một nhà tù lớn nhất Đông Dương. Thực dân Pháp xây dựng nhà tù từ năm 1862. Côn Đảo là một quần đảo nhỏ, trong đó lớn nhất là đảo Côn Lôn rộng 51,52 km², chiếm hai phần ba diện tích quần đảo. Côn Đảo cách Vũng Tàu 179 km. Chỉ mới năm năm sau, năm 1867, Nhà tù Côn Đảo đã có 500 tù nhân. Nhiều người ra Côn Đảo từ lúc tóc còn xanh đến khi đầu bạc vẫn chưa được trở về. Cho đến những năm 30 của thế kỷ XX, Nhà tù Côn Đảo có 3 đề lao chính. Đề lao I chuyên giam giữ tù khổ sai, kể cả số lưu manh và can án giết người. Đề lao II chuyên giam giữ tù chính trị. Đề lao III, cách đó chừng cây số dùng để giam giữ những người bị bệnh phong, mù lòa hoặc tàn phế... Nhưng thực tế nhiều tù chính trị cũng bị giam chung với tù khổ sai. Từ năm 1930, số người bị đày ra Côn Đảo tăng lên nhanh chóng:

Năm 1930: 1.992 người

Năm 1931: 2.146 người

Năm 1932: 2.276 người

Năm 1933: 2.483 người

Năm 1934: 2.818 người.

Nhà tù Côn Đảo nằm giữa trùng khơi, nước sâu, sóng dữ. Ở đây chỉ có bọn cai ngục, chúa đảo và tù nhân. Dân trên đảo đã bị đưa hết về đất liền. Những cuộc đấu tranh, những cuộc phản kháng của người tù chỉ là những tiếng vang giữa biển cả. Họ bị đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo nhưng chẳng mấy ai biết đến. Thức ăn chủ yếu là gạo hẩm và cá khô mục. Bệnh tật, roi vọt, xiềng xích, xà lim, sự bi quan... ngày ngày huỷ diệt cuộc sống của người tù. Từ lâu ở Côn Đảo đã lưu truyền những câu ca ai oán:

*Cánh nào bằng cánh Côn Lôn,
Sống nhờ gạo lứt thóc chôn bao hàng.*

Cũng như những người tù bị đày ra Côn Đảo, số người chết ở đây cũng ngày càng tăng lên. Năm 1931, trong số 2.146 tù nhân đã có 209 người chết. Từ năm 1930 đến năm 1933, ở Côn Đảo có 708 người tù bỏ mạng. Thân phận người tù khi sống đã khổ, lúc chết càng khổ hơn. Người tù phải chết trong thân xác trần trụi, không quan tài, bia mộ.

Tại Nhà tù Côn Đảo, đồng chí Lê Duẩn bị giam tại phòng giam số 3 bên đề lao II. Phần đông tù chính trị đều bị giam ở đề lao II. Tại đây, đồng chí Lê Duẩn được tiếp xúc với những đồng chí ưu tú, những cán bộ xuất sắc của phong trào cách mạng đã bị đày ra tù trước như các đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Linh, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng... Bên đề lao I, nhiều đồng chí ta cũng bị đày đọa chung với những người tù khổ sai đủ các loại trọng án. Đó là các đồng chí: Nguyễn Hới, Tống Văn Trân, Ngô Gia Tự, Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Lê Đức Thọ, Nguyễn Duy Trinh, v.v... Chi bộ Nhà tù Côn Đảo đã được thành lập từ trước do các đồng chí Nguyễn Hới, Ngô Gia Tự, Tôn Đức Thắng lần lượt phụ trách. Chỉ một ngày sau đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí cùng ra trên chuyến tàu đi đày đã liên lạc ngay với chi bộ Đảng nhà tù bên đề lao I. Đồng chí Lê Thanh Nghị là liên lạc của đề lao II, đồng chí Tôn Đức Thắng, người có điều kiện đi lại nhiều hơn phụ trách công tác liên lạc của đề lao I. Các đồng chí như được tiếp thêm sức mạnh trong cuộc chiến đấu mới mà ai cũng biết rằng sẽ lâu dài, gian khổ và ác liệt hơn nhiều. Đề lao II gồm hai dãy phòng giam cách nhau một khoảng sân rộng có hàng rào kẽm gai. Mỗi dãy gồm 6 phòng. Mấy năm trước tù cộng sản và tù Quốc dân Đảng bị giam giữ chung trong khu vực đề lao II. Do bất đồng chính kiến cho nên giữa các đồng chí ta và những người tù Quốc dân Đảng thường xuyên xung khắc. Trong lao tù đế quốc, những người cộng sản vẫn lạc quan, yêu đời và giữ vững niềm tin vào sự toàn thắng của sự nghiệp cách mạng. Một số người tù Quốc dân Đảng dần dần có cảm tình với các đồng chí ta và đã đến với cách mạng từ chủ nghĩa yêu nước. Nhưng nhiều người vẫn bảo vệ chủ thuyết của mình. Nhưng rồi chế độ lao tù khắc nghiệt của đế quốc làm cho họ nhụt chí. Tư tưởng bi quan yếm thế lan tràn ngày càng bào mòn tâm trí và sức lực của họ. Họ lẩn tránh đấu tranh, không chịu nổi cuộc sống chung với các đồng chí ta. Về sau, bọn chúa ngục phải dồn những người tù Quốc dân Đảng giam riêng trong dãy phòng giam thứ hai.

Sau đó, các đồng chí ở đề lao II tổ chức trao đổi ý kiến có nên thành lập chi bộ Đảng hay không? Đồng chí Lê Duẩn nêu ý kiến: tất cả các đồng chí chúng ta đều là những cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện và thử thách trong đấu tranh cách mạng, vẫn giữ vững khí tiết của người cộng sản. Vì vậy, chỉ nên thành lập Ban phụ trách để tổ chức đấu tranh và duy trì nền nếp sinh hoạt, học tập trong đề lao. Các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Văn Cừ, Phạm Văn Đồng... là những người trong nhiều năm đã tham gia Ban phụ trách tại đề lao II. Đồng chí Phạm Văn Đồng là một nhà giáo lịch duyệt, kiến thức rộng được phân công làm công tác đối ngoại, giao dịch với bọn cai ngục và nhất là xây dựng đường dây liên lạc với các đồng chí Pháp qua những người thủy thủ tiến bộ. Nhờ vậy, đường dây liên lạc với các đồng chí Pháp được duy trì thường xuyên. Ban phụ trách đề lao II thường xuyên liên lạc với chi bộ nhà tù ở đề lao I để phối hợp đấu tranh đòi cải thiện đời sống trong tù, được làm những công việc vặt như: trồng rau, vá quần áo, chăn nuôi gà... Cuộc đấu tranh tiêu biểu là đợt tuyệt thực tháng 8-1934 với những nội dung cụ thể như sau:

- Không ăn cá khô mục;
- Tù nhân được tự nấu ăn;
- Được ra sân chơi hai giờ một ngày;
- Được gửi và nhận thư từ, quà cáp.

Cuộc tuyệt thực kéo dài chín ngày. Tù nhân ở đề lao I nhiệt liệt hưởng ứng bằng những cuộc hò la vang động cả khu trại giam. Thống đốc Nam Kỳ Pagét phải ra tận nơi giải quyết. Địch đã phải nhượng bộ trước tinh thần phản kháng kiên quyết của tập thể người tù và sự lên án của dư luận. Thời kỳ đó, Hội Cứu tế đỏ và Đảng Cộng sản Pháp vẫn tiếp tục phát động phong trào đấu tranh phản đối chế độ lao tù tàn bạo ở các thuộc địa. Theo sáng kiến của Đảng Cộng sản Pháp, Ủy ban vận động đại xá tù chính trị Đông Dương được thành lập tại Pari. Tháng 1-1934, phái đoàn công nhân điều tra do đồng chí Gaborien Pêri, nghị sĩ cộng sản trong Quốc hội Pháp, đã sang Đông Dương. Nhiệm vụ của phái đoàn này là xác minh những đơn kêu cứu của thân nhân những người yêu nước bị bắt bớ, giam cầm và điều tra phạm vi, quy mô của sự khủng hoảng kinh tế và tình cảnh giai cấp công nhân và nhân dân Đông Dương. Nhưng tại Đông Dương, chính quyền thực dân tìm mọi cách đe dọa gây khó khăn đối với phái đoàn điều tra. Chúng ngăn cấm quần chúng không được tiếp xúc với phái đoàn. Các đồng chí và những người bạn Pháp vẫn kiên trì làm nhiệm vụ của mình. Trở về Pari, phái đoàn tổ chức họp báo phơi bày thực trạng chế độ lao tù tàn bạo ở Đông Dương, nhất là

tình cảnh những người tù tại Côn Đảo. Phái đoàn đề nghị phải đại xá 10.000 tù chính trị đang bị giam giữ tại các nhà lao ở Đông Dương. Báo chí tiến bộ và nhân dân Pháp tiếp tục lên án chế độ lao tù tàn bạo ở Đông Dương, đòi đại xá chính trị phạm ở các thuộc địa của Pháp. Hoảng sợ trước sự lên án của công luận, bọn thực dân Pháp ở Đông Dương buộc phải nhượng bộ thêm một số yêu sách của người tù. Tại Nhà tù Côn Đảo, anh em tù ở đề lao II đã khéo tổ chức lại đời sống, đào giếng, trồng rau, nuôi gà. Tỷ lệ tù nhân chết hàng năm giảm dần: Năm 1934, số tù nhân bị chết là 3%; năm 1935 giảm còn 1%. Đồng chí Hoàng Quốc Việt kể lại: "Côn Đảo chính là trường học rèn luyện tinh thần đấu tranh bất khuất. Nhờ đoàn kết và có tổ chức, chúng tôi đã đi dần từng bước, đấu tranh thay đổi cả chế độ nhà tù hà khắc. Mới đầu, đấu tranh đòi mở cửa khám để giành lấy thêm một ít không khí. Đấu tranh đòi lấy được ngọn đèn dầu tù mù ban đêm. Rồi từ cuối năm 1933, đầu năm 1934, Tây phải để cho chúng tôi ra ngoài làm. Từ đấy anh em phát huy năng lực tổ chức đời sống, chuẩn bị sức lực cho những đợt đấu tranh mới"¹².

Hoạt động tiêu biểu nhất của các đồng chí ta tại đề lao II là tổ chức học tập, *biến nhà tù để quốc thành trường học cách mạng*. Anh em tổ chức học văn hoá, học ngoại ngữ, diễn kịch, thi thơ, thi đấu bóng, học tập lý luận. Đồng chí Lê Duẩn là một tấm gương về tinh thần chịu đựng gian khổ và ý chí vươn lên trong học tập, tự trang bị cho mình vốn tri thức cần thiết. Đồng chí tham gia đóng kịch trong trại giam. Những vở kịch: *Đề Thám, Trưng nữ vương, Trương giã học làm sang, Napôlêông Bônápácơ* đã thu hút đông đảo người xem, kể cả lính canh. Vai hoàng đế Napônêông qua diễn xuất của đồng chí Nguyễn Kim Cương và vai nữ quận chúa qua diễn xuất của đồng chí Nguyễn Văn Linh được người xem nhiệt liệt hoan nghênh. Lính canh trên đảo có nhiều người quê ở đảo Coócso, tính thô bạo, sau khi xem kịch tiếp xúc với những người cộng sản, họ tỏ ra hiểu biết hơn. Đồng chí Lê Duẩn thường nói chuyện với họ về nền văn hoá lâu đời của dân tộc Pháp, về lịch sử nước Pháp, về nước Nga Xô viết... nhiều người tỏ ra tự lự. Đồng chí dành phần lớn thời gian trong tù để học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và bồi dưỡng cho anh em khác. Những người bạn Pháp thường xuyên gửi các loại sách báo cho những người cộng sản Đông Dương đang bị giam giữ ngoài Côn Đảo. Báo *Lire* (Độc), báo *Vue* (Nhìn) cung cấp kịp thời cho các đồng chí ta những thông tin cần thiết về tình hình thế giới những dự báo về một cuộc chiến tranh mới, dũng khí của đồng chí Dimitoróp trước toà án phát xít... Cũng qua báo chí, các đồng chí ta thấy rõ phong trào đấu tranh đòi ân xá tù chính trị ở Đông Dương đang lan rộng ở Pháp. Tên chúa ngục khét tiếng gian ác Buvie bị gọi về nước. Phấn khởi trước thắng lợi ban đầu, các đồng chí ta càng lao vào đấu tranh và học tập, hy vọng có ngày được trở về đội ngũ chiến đấu. Đồng chí Hoàng Quốc Việt kể lại: "Từ năm 1934, trừ anh em nào ốm quá thì thôi, còn ai cũng tham gia học hết. Anh Nguyễn Văn Cừ, anh Lê Duẩn, anh Bùi Công Trừng giúp anh em học lý luận. Anh Phạm Văn Đồng, anh Hà Huy Giáp, anh Nguyễn Kim Cương dạy anh em văn hoá"¹³. Các đồng chí: Bùi Lâm, Bùi Công Trừng, Trần Văn Giàu là những học sinh Trường Đại học phương Đông của Quốc tế Cộng sản được phân công chuẩn bị chương trình học tập lý luận. Chương trình chung gồm những bài chính như: *Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng vô sản, Chuyên chính vô sản, Vấn đề nông dân trong cách mạng vô sản, Vấn đề dân tộc và thuộc địa, Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Chiến tranh và cách mạng*...

Lúc đầu, đồng chí Lê Duẩn thường nhờ các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Kim Cương hướng dẫn đọc sách tiếng Pháp. Bằng nghị lực của mình và đức tính kiên trì trong học tập, chỉ qua một thời gian ngắn, đồng chí đã có thể tự mình nghiên cứu những tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin như: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Tư bản, Chống Duyrinh, Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, Làm gì? Nhà nước và cách mạng, Bệnh áu trĩ "tả khuynh" trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế*. Nét đặc sắc trong phong cách học tập và nghiên cứu của đồng chí Lê Duẩn là sự suy nghĩ sâu về những nguyên lý được trình bày trong sách, và liên hệ với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Giữa đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Phạm Văn Đồng, Bùi Công Trừng thường diễn ra những cuộc tranh luận sôi nổi. Ngoài sách kinh điển, đồng chí Lê Duẩn cũng chịu khó tìm đọc một số tác phẩm của các nhà văn Xôviết và các nhà văn tiến bộ trên thế giới. Những tập ký sự và tiểu thuyết như *Mười ngày rung chuyển thế giới* của Giôn Rít và *Suối thép* của Xêraphimovich để lại cho đồng chí những ấn tượng sâu sắc. Nghiêm túc và miệt mài trong học tập và rèn luyện, ngoài vốn tri thức phong phú về lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng chí đã biết chất lọc trong kho tàng kiến thức đồ sộ của nhân loại những điều bổ ích: những trào lưu tư tưởng tiến bộ ở phương Tây dạy con người phải hành động, triết lý đạo Phật trọng tình thương và lẽ phải... Sau này đồng chí kể lại những năm tháng đáng ghi nhớ ấy: "Vào tù anh em đồng chí khắp Bắc, Trung, Nam được dịp gặp nhau là chỉ lo suy nghĩ tính toán, bàn bạc cách đấu tranh để thắng bọn đế quốc thực dân. Lúc đầu, chúng tôi quyết biến nhà tù thành trường học. Khi còn ở ngoài đi làm cách mạng là do tình cảm thôi thúc, do yêu nước và căm ghét địch. Vào tù, nhờ biết tổ chức, chúng tôi được học, được đọc, do đó, mới hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin và càng tin chắc cách mạng Việt Nam nhất định thắng"¹⁴. Đồng chí Lê Duẩn vừa học tập, nghiên cứu, vừa hướng dẫn các đồng chí khác học tập. Đồng chí thích nghe những ý kiến trái ngược nhau. Giữa giảng viên và học viên thường có những cuộc tranh luận sôi nổi, bổ ích về những vấn đề lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam, về tình hình thế giới, về chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh cách mạng... Đồng chí có lối lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc sảo, phân tích sâu, giàu kinh nghiệm thực tiễn.

Phong trào học tập ngày càng lan rộng khắp các khu trại giam. Ngoài những lớp học chính trị, còn có những lớp học văn hoá ngoại ngữ, lịch sử, văn học nghệ thuật, các cuộc thi thơ, bình văn. Nhiều anh em tù Quốc dân Đảng, tù thường cũng hăng hái tham gia học tập. Có lớp học thu hút hàng trăm người tham gia. Có lớp học lý luận, nhà trí thức Nghiêm Toàn, một trong những thủ lĩnh Quốc dân Đảng cũng ngồi nghe.

Nhà tù Côn Đảo là địa ngục trần gian, nhưng các chiến sĩ cộng sản đã biến nó thành trường học cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá cao những trường học như thế: “Biến cái rui thành cái may, các đồng chí ta đã lợi dụng những ngày tháng ở tù để hội họp và học tập lý luận. Một lần nữa, việc đó lại chứng tỏ rằng chính sách khủng bố cực kỳ dã man của kẻ thù chẳng những không ngăn trở được bước tiến của cách mạng, mà trái lại nó đã trở nên một thứ lửa thử vàng, nó rèn luyện cho người cách mạng thêm cứng rắn. Mà kết quả là cách mạng đã thắng, để quốc đã thua”¹⁵.

Các đồng chí ta phát hành báo chí để làm phương tiện học tập và tranh đấu. Nhiều tạp chí và báo có uy tín lần lượt ra đời như *Ý kiến chung*, *Người tù đố*, *Tiếng sống bể*, *Hòn Cau*, *Trên đường tranh đấu... Ý kiến chung* là tạp chí lý luận phục vụ học tập và nghiên cứu, do đồng chí Bùi Công Trưng phụ trách. *Tờ Người tù đố* có nội dung dễ hiểu, phù hợp với trình độ chung, do đồng chí Nguyễn Văn Cừ phụ trách. Qua những cuộc tranh luận trong các lớp học, trong các phòng giam và những bài viết trên báo chí, hệ tư tưởng của giai cấp vô sản ngày càng thâm nhập vào đời sống người tù. Nó giúp các đồng chí ta lý giải được những vấn đề lý luận cách mạng. Nhiều nội dung quan trọng trong các văn kiện: *Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt*, trong *Luận cương chính trị* của Đảng được giải quyết thấu đáo hơn. Nhiều tù nhân Quốc dân Đảng, tù thường dần dần cũng nhận thấy chỉ có những người cộng sản mới làm trọn được sứ mệnh lịch sử là dẫn dắt quần chúng lao động làm cách mạng giải phóng dân tộc. Với những kinh nghiệm và sự hiểu biết của mình, đồng chí Lê Duẩn đã tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh trên báo chí để tuyên truyền lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản. Đồng chí Hoàng Quốc Việt kể lại: "Ban II của chúng tôi có tờ *Ý kiến chung*, có những cây bút cừ như anh Nguyễn Văn Cừ, anh Lê Duẩn, anh Bùi Công Trưng viết nhiều”¹⁶.

Phong trào đấu tranh của tù nhân ngoài Côn Đảo bắt đầu có tiếng vang. Một số đồng chí thoát khỏi cảnh lao tù trở về đất liền lên tiếng tố cáo chế độ nhà tù tàn bạo. Các đồng chí Trần Huy Liệu, Nguyễn Văn Nguyễn viết loạt bài ký sự Côn Lôn đăng trên các báo ở Hà Nội và Sài Gòn gây xôn xao dư luận ở Đông Dương và Pháp. Để xoa dịu dư luận, tháng 1-1936, Toàn quyền Đông Dương phải tuyên bố tha 6 tù chính trị ở Côn Đảo và giảm nhiều án chung thân xuống 15-20 năm. Một mặt, chúng lại tìm cách tiếp tục đàn áp cuộc đấu tranh của người tù. Tên thực dân gian ác Buvie lại được cử sang làm chúa ngục Nhà tù Côn Đảo. Hắn thẳng tay tước bỏ những quyền lợi mà những người tù đã đấu tranh giành được. Đồng chí Lê Duẩn bàn với các đồng chí trong Ban phụ trách và chi bộ nhà tù phát động những đợt đấu tranh mới. Từ Nhà tù Côn Đảo, đường dây liên lạc với các đồng chí Pháp vẫn được duy trì. Các đồng chí ta vẫn nhận được đều đặn thư từ, sách báo, tài liệu qua con đường biển, kể cả những văn kiện của Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII. Nhiều tài liệu quan trọng đến Côn Đảo rồi mới về đất liền. Nhảy bèn trước sự chuyển biến của tình hình, các đồng chí ta đề ra những yêu sách đấu tranh cao hơn. Bên cạnh những yêu sách đòi cải thiện chế độ lao tù, còn đòi phải thả hết tù chính trị. Cuộc đấu tranh được tổ chức chặt chẽ và trên quy mô toàn đảo. Toàn đảo thành lập Ủy ban tranh đấu có các đội thông tin, tuyên truyền, trật tự, tự vệ... để chỉ đạo thống nhất cuộc đấu tranh. Các đề lao có Ban tranh đấu. Đồng chí Lê Duẩn thường xuyên đóng góp những ý kiến thiết thực và hăng hái đi hàng đầu trong cuộc đấu tranh. Ngày 27-5-1936, cuộc đấu tranh bắt đầu. Đồng chí Phạm Hùng thay mặt những người tù đưa yêu sách. Bọn chúa ngục từ chối và bắt đồng chí Phạm Hùng giam xà lim. Theo kế hoạch đã định, toàn đảo nhất loạt hò la, hô vang các khẩu hiệu: “Đả đảo khủng bố!”, “Đả đảo Buvie”. Chúa đảo ra lệnh cho cai ngục thẳng tay đàn áp. Chúng dùng roi mây loại lớn đánh tới tấp người tù. Ủy ban tranh đấu quyết định tuyệt thực để phản đối và tiếp tục đấu tranh. Tù nhân nhất loạt bỏ cơm. Những người đang lao động tại các sở tù cũng bỏ việc để hưởng ứng. Cuộc tuyệt thực đến ngày thứ tư thì mọi người là dân, không còn thấy cái đói hành hạ như hai hôm đầu nữa. Bọn cai ngục khiêng vào các phòng giam những thùng sữa nóng hổi. Mùi sữa nóng thơm lừng hấp dẫn. Nằm trên sàn xi măng, các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng đưa mắt động viên anh em kiên trì chịu đựng, đấu tranh đến cùng. Ánh mắt ấm áp của những người bạn tù vốn được anh em quý mến tin tưởng đã tiếp thêm sức mạnh cho một người. Mấy hôm sau báo chí Sài Gòn bắt đầu đưa tin về cuộc đấu tranh. Sau 13 ngày tuyệt thực cuộc đấu tranh thắng lợi, địch phải đáp ứng phần lớn những yêu sách của người tù. Về yêu sách đòi thả hết tù chính trị, chúng hứa sẽ chuyển lên Thống đốc Nam Kỳ và Toàn quyền Đông Dương.

Giữa những năm ba mươi, tình hình thế giới đang có những biến động lớn. Nhân loại đang đứng trước nguy cơ chiến tranh phát xít. Phong trào đấu tranh bảo vệ hoà bình cũng đang phát triển mạnh ở châu Âu. Tháng 10-1936, Mặt trận Nhân dân Pháp vừa thành lập đã công bố cương lĩnh tranh cử của mình. Trong cương lĩnh tranh cử của Mặt trận, nội dung đả phá chính trị phạm chiếm vị trí quan trọng. Tháng 5-1936, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp được thành lập do ông Lêông Bôlum, người của Đảng Xã hội làm Thủ tướng và ông Mutê, cũng là người của Đảng Xã hội làm Bộ trưởng Thuộc địa. Bọn phản động thuộc địa buộc phải thực hiện chỉ thị của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp. Trong bốn tháng cuối năm 1936 có 500 tù chính trị ở Côn Đảo được trả lại tự do, trong số đó một nửa là các chiến sĩ cộng sản. “Nhà tù là nơi thử thách ý chí của những chiến sĩ cách mạng Việt Nam, là nơi diễn ra cuộc

chiến đấu một mất một còn giữa cách mạng là bọn cướp nước. Bè lũ thực dân muốn giết hại những người cộng sản để tiêu diệt phong trào cách mạng Việt Nam, nhưng chúng không làm được. Những người cộng sản Việt Nam đã thắng"¹⁷. Ngọn lửa đấu tranh đã rèn luyện các đồng chí trở thành những con người gang thép. Đây là vốn quý để gây dựng lại phong trào đấu tranh trong giai đoạn mới của cách mạng. Bọn thực dân Pháp biết vậy, nhưng không còn cách gì ngăn cản được. Đồng chí Hoàng Quốc Việt đã kể lại: "Mãi gần cuối năm, vào một buổi sáng chúa ngục gọi chúng tôi ra bắt xếp hàng rồi nhìn chúng tôi từ đầu đến chân, nhìn anh Lê Duẩn, nhìn anh Phạm Văn Đồng, tiu nghỉu nói:

- Các anh mà cũng được về à ?

- Chúng tôi đáp:

- Anh tiếc à ? Anh phải nhớ rằng các anh bắt chúng tôi không có chứng cứ gì hết"¹⁸.

Một ngày cuối tháng 10-1936, chiếc tàu biển mang tên viên Toàn quyền Đông Dương Pátxkiê nhô neo đưa 200 tù chính trị từ Côn Đảo trở về đất liền. Buổi chia tay với các đồng chí Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Duy Trinh và những người còn phải ở lại thật là cảm động. Người đồng chí già tóc bạc, người lính thủy nổi tiếng trên biển Đen năm xưa, nét mặt phong sương, quắc thước, nắm chặt tay từng người, dặn dò, trao gửi nhiệm vụ. Tiếng còi rúc vang. Tàu rời bến. Đồng chí Lê Duẩn vẫy tay chào tạm biệt các đồng chí thân yêu và đưa mắt nhìn toàn cảnh Nhà tù Côn Đảo: những dãy nhà xám xịt, mốc xanh, những bót gác đứng thoi loai, nghĩa địa Hàng Keo¹⁹ quanh vắng, Núi Chục xanh mờ và xa xa là Hòn Cau bồng bênh trong khói sóng. Tất cả còn in đậm dấu ấn của một thời đau thương mà oanh liệt.

Tàu Pátxkiê cập bến Ô Cấp để các đồng chí quê ở Nam Kỳ lên bờ rồi chạy thẳng ra Đà Nẵng. Cuộc chia tay với vàng diễn ra trên cầu tàu và sân ga. Các đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Lương Khánh Thiện, Hoàng Quốc Việt đi tiếp ra Hải Phòng. Đồng chí Phạm Văn Đồng về Quảng Ngãi, đồng chí Hà Huy Giáp về Vinh. Các đồng chí Nguyễn Chí Diểu, Lê Duẩn về Huế và Quảng Trị.

Đúng mười năm cách xa biển biệt, đồng chí Lê Duẩn mới lại trở về xóm nghèo Chợ Sãi năm xưa, người xạm đen, gầy guộc, trên lưng áo còn in đậm số tù. Ngày sum họp với gia đình cũng là ngày buồn thương, đau đớn trong đời người chiến sĩ cách mạng. Bà Võ Thị Đạo, một người mẹ mẫu mực, điếm tựa tinh thần của các con, qua đời. Bà đã dồn nén tình thương mãnh liệt của người mẹ, động viên con ra đi thực hiện lý tưởng của mình để rồi ngày ngày chờ ngóng tin con. Nỗi đau bất tận cũng ngày ngày thiêu đốt tâm can người mẹ. Sức lực kiệt dần. Bà mất ngày 13-3-1936 để lại tình thương cho bà con làng xóm. Cả làng xã đưa bà đến nơi an nghỉ cuối cùng. Bé gái Lê Minh Cừ lên 5 tuổi nay mới được gọi tiếng "Ba".

3. Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ

Năm 1936, chủ nghĩa phát xít đã trở thành mối đe dọa đối với nhân dân thế giới. Các nước đế quốc quân phiệt Đức, Italia, Nhật Bản liên kết thành một khối quân sự. Chúng tuyên bố mục tiêu hàng đầu của chúng là tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản. Nhân loại đứng bên bờ vực của thảm họa chiến tranh. Trước tình hình đó, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII đã họp tại Mátxcova (7-1935). Đại hội đã phân tích tình hình và vạch rõ những mâu thuẫn, xác định kẻ thù trước mắt của giai cấp công nhân, của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít. Nhiệm vụ đấu tranh nước mất trong giai đoạn này của phong trào cộng sản và công nhân thế giới, của các dân tộc là chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, đòi dân chủ, gìn giữ hòa bình.

Xuất phát từ nhận định đó, Quốc tế Cộng sản chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân trên thế giới rộng rãi nhằm ngăn chặn và chống chủ nghĩa phát xít. Đó là nhiệm vụ chủ yếu cấp bách của tất cả các đảng cộng sản và các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới.

Tại Pháp, tháng 1-1936, Mặt trận Nhân dân chống phát xít được thành lập. Mặt trận đề ra cương lĩnh đòi thả hết tù chính trị, giải tán và tước vũ khí của bọn phát xít, thực hiện tuần lễ làm việc 40 giờ và tăng thêm trợ cấp cho người thất nghiệp. Mặt trận Nhân dân đã giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử mùa hè năm 1936.

Nhận thấy một số điểm nêu trong Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất của Đảng không còn phù hợp với tình hình trong nước và thế giới, tháng 7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp nhằm thảo luận và điều chỉnh đường lối của Đảng. Hội nghị xác định, kẻ thù của cách mạng Đông Dương chủ yếu và nguy hiểm nhất cần tập trung đánh đổ là bọn phản động thuộc địa và tay sai. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương, sau đổi thành *Mặt trận Dân chủ Đông Dương*. Mặt trận thu hút tất cả các đảng phái các đoàn thể chính trị tán thành cải cách dân chủ.

Trước cuộc đấu tranh của nhân dân ta và nhân dân Pháp, chính quyền thực dân phải trả tự do (chúng gọi là ân xá) cho một số tù chính trị. Để dễ quản lý, chúng chỉ định nơi cư trú và thực hiện chế độ kiểm soát nghiêm ngặt.

Tháng 8-1936, từ các nhà tù Buôn Ma Thuột, Côn Đảo, các đồng chí Phan Đăng Lưu, Nguyễn Chí Diều trở về Huế bắt đầu khôi phục phong trào cách mạng. Tháng 10-1936, đồng chí Lê Duẩn từ Côn Đảo về Quảng Trị. Vừa về đến quê hương, nén nỗi đau vô hạn trước cái chết của mẹ, đồng chí nhanh chóng liên lạc với các đảng viên và quần chúng cách mạng như: Hoàng Hữu Cháp, Trần Mạnh Quý, Phú (thợ may chợ Sãi) và Hồ Xuân Lưu²⁰ để tiếp tục hoạt động.

Đồng chí Hoàng Thị Ái làm liên lạc của Trung ương và Xứ uỷ trong những năm 1929, 1930, là người cùng quê với đồng chí Lê Duẩn, cũng vừa từ Nhà tù Vinh trở về. Đồng chí Lê Duẩn bàn với chị Ái và vợ anh Phú cùng buôn bán, cá khô, vừa hoạt động cách mạng.

Đồng chí Lê Thế Tiết²¹ ở Tường Vân, xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, có điều kiện kinh tế khá giả được đồng chí Lê Duẩn giao nhiệm vụ vận động tài chính cho Đảng. Lê Thế Tiết bán tài sản của gia đình mình lấy tiền bỏ vào quỹ Đảng.

Cầm ít tiền ủng hộ của đồng chí Lê Thế Tiết làm vốn, đồng chí Lê Duẩn cùng Hoàng Thị Ái lên vùng núi Ba Lòng, một huyện miền núi buôn bán sản khô và tìm cách gây dựng cơ sở. Từ Ba Lòng, các đồng chí mở rộng địa bàn hoạt động đến Gio Linh. Ở Gio Linh, đồng chí Lê Duẩn được gia đình ông Vũ, một gia đình có truyền thống cách mạng giúp đỡ cho ở nhờ. Ông Vũ có con đi hoạt động cách mạng đã hy sinh ở Nhà tù Buôn Ma Thuột. Sau khi gây dựng được cơ sở ở Gio Linh, đồng chí vào Cam Lộ gặp Hồ Xuân Lưu cùng gây dựng lại cơ sở đảng ở Cam Lộ. Đồng chí Lê Duẩn đi tới đâu thì phần lớn các cơ sở đảng ở đó được khôi phục. Những chiến sĩ cộng sản ở Vĩnh Linh vừa từ các nhà tù trở về được đồng chí Lê Duẩn tập hợp lại cùng nhau xây dựng phong trào. Phần lớn các vùng Gio Linh, Cam Lộ, Vĩnh Linh trong những năm 1936 - 1937, các cơ sở đảng đều được xây dựng lại.

Bước vào năm 1936, nhiều cán bộ, đảng viên do bị giam cầm lâu ngày, mới ra khỏi nhà tù đế quốc, chưa liên lạc được với cấp trên, nên chưa nắm vững chủ trương, chính sách, phương thức hoạt động của Đảng trong tình hình mới. Một số vẫn giữ quan điểm hoạt động theo phương thức cũ, không theo đường lối công khai hợp pháp; một số tuy nhạy bén với tình hình nhưng chưa tiếp thu được chủ trương mới nên lúng túng trong hoạt động. Vì vậy trong nội bộ cán bộ, đảng viên ở địa phương chưa thống nhất được phương thức đấu tranh cho phù hợp với thực tế lúc bấy giờ. Trước tình hình đó, đồng chí Lê Duẩn chỉ đạo cho cán bộ, đảng viên nhanh chóng bắt liên lạc với các cơ sở cũ, đồng thời đi khắp các địa bàn nắm tình hình và tổ chức truyền đạt cho các đảng viên cộng sản về tinh thần của Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ nhất; Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng ngày 26-7-1936; giải thích ý nghĩa của Mặt trận Nhân dân đối với cách mạng nước ta, chỉ rõ sự chuyển hướng chỉ đạo và hình thức, phương pháp đấu tranh trong tình hình mới. Đồng chí tập hợp lực lượng thanh niên ở các huyện Triệu Phong, Hải Lăng và Cam Lộ để tuyên truyền, giác ngộ đưa họ vào tổ chức, tham gia hoạt động cách mạng. Đặc biệt, trước thực tiễn cách mạng trong nước và Quảng Trị, đồng chí nhấn mạnh: Phải triệt để lợi dụng những khả năng hoạt động công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp để lãnh đạo quần chúng, song không được quên việc duy trì và phát triển các tổ chức bí mật của Đảng, phòng khi bất trắc.

Với tư duy năng động, nhạy bén, cùng với lòng nhiệt tình và trình độ lý luận sắc bén, đồng chí Lê Duẩn đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối, chính sách của Đảng vào tình hình cụ thể ở Quảng Trị, đề ra những chủ trương mới, sát đúng, tạo được uy tín lớn trong đông đảo đảng viên và quần chúng. Đồng chí nhanh chóng tập hợp được cán bộ cốt cán làm hạt nhân lãnh đạo phong trào, chấp nối được các cơ sở đảng, đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân trong Mặt trận Dân chủ để đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ... Nhờ vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, các tổ chức cơ sở đảng đã được khôi phục và đến cuối năm 1936, Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Trị được thành lập gồm các đồng chí: Lê Duẩn, Hồ Xuân Lưu, Nguyễn Hữu Khiếu, Trần Mạnh Quý.

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn, phong trào hưởng ứng Đông Dương đại hội phát triển rầm rộ ở Vĩnh Linh, các cự chính trị phạm chia nhau về các địa phương vận động quần chúng sưu tập dân nguyện, lập Uỷ ban vận động Đông Dương đại hội từ xã lên. Phong trào Mặt trận Dân chủ phát triển lan rộng khắp các phủ huyện và được tổ chức công khai, rộng rãi trong toàn tỉnh. Các Uỷ ban vận động hướng dẫn quần chúng lập bản dân nguyện, tổ chức các cuộc đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ, thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Bên cạnh Uỷ ban hành động, một số xã còn thành lập được Uỷ ban cải cách hương thôn thu hút đông đảo quần chúng nhân dân, trong đó có cả một số lãnh đạo lý hướng ứng. Cuộc vận động trừ bị Đông Dương đại hội đã mở đầu cho phong trào Mặt trận Dân chủ ở Quảng Trị.

Do ảnh hưởng của phong trào Đông Dương đại hội, bất chấp lệnh quản thúc và sự canh gác nghiêm ngặt của địch, đồng chí Lê Duẩn và các cự tù chính trị đã tranh thủ thể hợp pháp đẩy mạnh hoạt động, không quản ngày đêm gian khổ về các làng xã vận động, giác ngộ, tổ chức quần chúng vào các hội tương tế, ái hữu. Phong trào cách mạng trong tỉnh, nhất là ở Cam Lộ, Triệu Phong, Vĩnh Linh phục hồi nhanh chóng. Thầy phong trào quần chúng lên mạnh, bọn cầm quyền phản động ở tỉnh và các phủ tìm cách làm giam uy tín và hạn chế hoạt động của các cự chính trị phạm. Điển hình là ngày 16-12-1936, khi xét xử vụ kiện ở làng Vệ Nghĩa, tên tri phủ Triệu Phong đã dùng roi mây

đánh cụ Hồ Ngọc Thâm, một cụ chính trị phạm ngay giữa công đường, khiến cụ tự cắn lưỡi để phản kháng. Nhân cơ hội đó đồng chí Lê Duẩn chủ trương cho con trai cụ Hồ Ngọc Thâm kiện tên tri phủ lên Công sứ Quảng Trị, Khâm sứ Trung Kỳ và Bộ Thuộc địa Pháp, đồng thời trực tiếp lãnh đạo Đảng bộ Triệu Phong phát động quần chúng đứng lên đấu tranh chống bọn quan lại đàn áp các cụ chính trị phạm. Kết quả, tên tri phủ Triệu Phong buộc phải xin lỗi cụ Hồ Ngọc Thâm. Cuộc đấu tranh giành thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của quần chúng, mở ra phong trào đấu tranh công khai hợp pháp, tạo cơ hội để ta đưa ra những yêu sách đấu tranh về chính trị sau này.

Đầu năm 1937, trước cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Dương và áp lực của dư luận tiến bộ Pháp, Chính phủ Bình dân Pháp phải cử một phái bộ sang Đông Dương điều tra, nắm tình hình, và qua đó, điều chỉnh một số chủ trương mở rộng phần nào các quy chế về dân chủ ở Việt Nam và Đông Dương.

Trung ương Đảng chủ trương phát động một phong trào đấu tranh mới, đẩy mạnh các hình thức tổ chức hoạt động công khai, hợp pháp để tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân vào mặt trận thống nhất, tập trung mũi nhọn đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa và tay sai cô lập, phân hoá nội bộ kẻ thù.

Tháng 2-1937, được tin phái viên của Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp là Gôđa được cử sang Đông Dương điều tra tình hình sẽ đến Quảng Trị, các cụ chính trị phạm trong tỉnh, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Lê Duẩn, chủ trương nhân cơ hội này phát động phong trào quần chúng rộng rãi biểu dương lực lượng trong toàn tỉnh, lấy có thu thập nguyện vọng nhân dân để chuyển tới Gôđa. Thực hiện chủ trương đó, Đảng bộ Quảng Trị đã phát động một phong trào quần chúng rầm rộ đưa thỉnh nguyện cho Gôđa.

Tháng 2-1937, các tù chính trị cũ ở Quảng Trị gửi điện cho Toàn quyền Đông Dương Brêviê đòi thả hết tù chính trị và đòi ban hành tự do dân chủ. Nội dung bức điện như sau:

“Gửi quan Toàn quyền Đông Dương, Sài Gòn.

Hân hạnh kính chào quan Toàn quyền mới do Chính phủ Mặt trận Nhân dân cử sang. Chúng tôi bày tỏ nguyện vọng sau đây của chúng tôi: toàn xá chính trị phạm, tự do báo chí, tự do nghiệp đoàn. Ban hành các luật xã hội, bãi bỏ thuế thân, thành lập chính phủ duy nhất chịu trách nhiệm trước Viện do phổ thông đầu phiếu bầu ra...

Ký tên: Các chính trị phạm Quảng Trị vừa được thả”²².

Nhằm ngăn chặn hoạt động của các cụ chính trị phạm lợi dụng cuộc đón tiếp Gôđa để thúc đẩy phong trào cách mạng quần chúng trong tỉnh, chính quyền phản động Pháp và Nam Triều ở Quảng Trị giao nhiệm vụ cho tên Nguyễn Định, tri phủ Triệu Phong mời các cụ chính trị phạm nổi tiếng trong tỉnh vào phủ đường Triệu Phong bày tỏ thảo luận dân nguyện, nhằm giam chân họ trong thời gian Gôđa đến Quảng Trị.

Tri phủ Triệu Phong gửi giấy mời các chính trị phạm Lê Duẩn, Trần Công Khanh và nhiều người khác đến phủ đường. Nhận rõ âm mưu của địch, đồng chí Lê Duẩn gửi thư cho Trần Công Khanh (Vĩnh Linh) bàn việc phải gấp rút tổ chức một cuộc biểu tình quần chúng vào Triệu Phong, lấy có là theo thư mời của tri phủ Triệu Phong để thảo luận nguyện vọng chuyển tới ông Guyxtanh Gôđa. Nhận được thư của đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Trần Công Khanh đã triệu tập một cuộc họp có đông đủ đại biểu các làng đến dự. Sau khi thảo luận, cuộc họp nhất trí với kế hoạch của đồng chí Lê Duẩn và bầu ban chỉ huy gồm 4 đồng chí, do đồng chí Trần Công Khanh đứng đầu.

Theo kế hoạch, rạng sáng ngày 20-2-1937, khoảng 4.000 người đủ các tầng lớp nhân dân trong phủ chia làm ba đoàn đã kéo đến địa điểm tập trung tại Quảng Xá: một đoàn đi bằng thuyền, một đoàn đi bộ và một đoàn đi bằng tàu hoả. Sáng ngày 21-2-1937, đoàn biểu tình đã tập trung tại chợ Sãi. Nhân dân Triệu Phong tập trung chờ sẵn rầm rập kéo đến cùng với đồng bào Vĩnh Linh hợp thành một đoàn biểu tình đông chưa từng có tiến lên thị xã tỉnh lỵ. Đoàn biểu tình bị tên Công sứ cùng tùy tùng và một đại đội lính khố xanh chặn lại. Tên tri phủ Triệu Phong đe dọa bắt những người cầm đầu. Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, chúng không dám bắt đồng chí Lê Duẩn. Thừa thắng, đoàn biểu tình đòi kéo lên chỗ có bóng cây để tránh nắng, mục đích là để tiến gần toà sứ. Lúc đó đoàn biểu tình của nhân dân Hải Lăng đã cùng hoà nhập. Nhân dân tham gia cuộc mít tinh cử đồng chí Trần Công Khanh làm chủ tọa, điều khiển cuộc thảo luận và cử đồng chí Hoàng Hậu Chấp làm thư ký...

Sau cuộc đấu tranh thảo luận thắng lợi, tại chợ Sãi, ban vận động đón tiếp Gôđa được thành lập do đồng chí Lê Duẩn làm trưởng ban. Hưởng ứng phong trào, hàng vạn quần chúng nhân dân khắp nơi trong tỉnh đã biểu dương lực lượng, biểu tình đòi thả tù chính trị, bỏ thuế thân, giảm thuế điền thổ, đòi ban hành các quyền tự do dân chủ.

Sau khi Ủy ban vận động đón tiếp Gôđa của tỉnh được thành lập, các phủ, huyện, thị và cơ sở (tổng, xã) trong tỉnh cũng thành lập Ủy ban vận động. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn, ngoài Ủy ban vận động (gồm một số đại biểu công khai hoạt động) còn có một bộ phận dự bị, hoạt động bí mật, không tham gia các cuộc biểu tình, chuẩn bị kế hoạch tuyên truyền và tổ chức sau khi cuộc vận động đón tiếp Gôđa kết thúc để nuôi dưỡng phong trào.

Ủy ban vận động tỉnh đã đề ra kế hoạch hành động sau cuộc đón tiếp Gôđa với các nội dung chủ yếu:

- Giải thích cho quần chúng hiểu rằng: không chỉ đưa yêu sách và đề đạt nguyện vọng là xong, mà phải tiếp tục đấu tranh buộc bọn thống trị phải thực hiện các yêu sách và nguyện vọng đã đề đạt.

- Khi cuộc đón tiếp Gòđa ở tỉnh, huyện kết thúc thì quần chúng biểu tình dưới sự lãnh đạo của Ủy ban vận động kéo về làng, xã, tổng hợp mít tinh, giải thích các khẩu hiệu đấu tranh.

- Đoàn kết nông dân lao động, tranh thủ sự đồng tình của tầng lớp trên, đấu tranh buộc địch thực hiện các quyền lợi thiết thực hàng ngày, bãi bỏ đòi phong bại tục, hoãn nộp thuế, lập hương ước...

- Đưa quần chúng vào sinh hoạt trong các tổ chức công khai hợp pháp và nửa hợp pháp như tổ đọc sách báo và các hội biến tướng khác...

Nhờ có kế hoạch cụ thể, định rõ các công việc phải làm trước, trong và sau khi đón Gòđa, nên phong trào đón Gòđa ở Quảng Trị thu được kết quả lớn. Ngày 25-2-1937, hơn 15.000 đồng bào Vĩnh Linh và Gio Linh đại diện cho các tầng lớp nhân dân với hàng ngũ chỉnh tề sắp hàng từ bến đò Hiền Lương đến ngã ba rẽ về Cửa Tùng chờ đón Gòđa.

Khoảng 8 giờ ngày 26-2-1937, khi đoàn xe của Gòđa vừa tiến lên khỏi ngã ba thì đoàn biểu tình chào đón ông ta bằng các khẩu hiệu:

"Hoan hô Gòđa!"

"Mặt trận Nhân dân Pháp muôn năm!"

"Tự do dân chủ!"

"Bỏ thuế thân, giảm thuế điền thổ!"

"Đại xá chính trị phạm!"

Gòđa xuống xe, bắt tay đồng chí Trần Công Khanh, nhận bản dân nguyện, hứa hẹn rồi lên xe đi tiếp. Ở địa điểm thị xã tỉnh Quảng Trị, thực hiện chủ trương của Ủy ban vận động đón Gòđa của tỉnh, Ủy ban vận động đón Gòđa của phủ Triệu Phong đã chọn địa điểm thuận lợi để tập trung quần chúng...

Khi Gòđa sắp đến, đoàn biểu tình ở chợ Sãi (phủ Triệu Phong) đến tập trung ở nhà ga để đón Gòđa thì bị bọn thống trị cho lính ra chặn lại, nhằm cản trở sự tiếp xúc của quần chúng với phái viên của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp. Trước lý lẽ đấu tranh có lý, có tình của đoàn biểu tình, chúng phải đồng ý để những người biểu tình cử một đoàn khoảng 600 người kéo lên ga, sáp nhập với lực lượng quần chúng của Hải Lăng và tổng An Đông tổ chức đón Gòđa do đồng chí Lê Duẩn làm trưởng đoàn.

Đoàn biểu tình của hai phủ Triệu Phong Hải Lăng và thị xã Quảng Trị khoảng gần một vạn người, xếp hàng đứng trên đường trước nhà ga Quảng Trị đợi sẵn. Khi thấy Gòđa và đoàn tùy tùng xuất hiện từ phía cầu Ga, quần chúng biểu tình đã giương cao băng, biểu ngữ và hô vang các khẩu hiệu: *Ủng hộ Mặt trận Nhân dân Pháp; Ban hành luật tự do dân chủ; Bỏ thuế thân, Thả hết tù chính trị...* Đến trước nhà ga, xe của Gòđa dừng lại, đồng chí Lê Duẩn thay mặt đoàn biểu tình, tỏ lời chào mừng Gòđa và những người cùng đi. Đồng chí phát biểu ý kiến, nói lên tình cảnh khổ cực của nhân dân Quảng Trị sống dưới chế độ bảo hộ của thực dân Pháp, đồng thời nêu lên những yêu sách, nguyện vọng bức thiết của mọi tầng lớp nhân dân lao động. Trước khi kết thúc, đồng chí và một số đại biểu khác đã đưa cho Gòđa các bản thỉnh nguyện nêu rõ các yêu cầu của quần chúng. Đó là các yêu cầu về tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do đi lại, lập hội, tự do ứng cử và bầu cử, thực hiện các luật lao động và bảo hiểm xã hội, giảm thuế và ân xá tù chính trị. Phái đoàn điều tra của Chính phủ Pháp buộc phải tiếp nhận các bản thỉnh nguyện và hứa hẹn sẽ đề đạt những nguyện vọng của nhân dân Việt Nam lên Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp. Sau khi Gòđa đi, các đoàn biểu tình kéo về tập trung ở bãi cát giữa thị xã Quảng Trị và chợ Sãi họp mít tinh. Thay mặt Ủy ban vận động đón Gòđa của tỉnh, đồng chí Lê Duẩn nói chuyện với quần chúng dự mít tinh, giải thích ý nghĩa việc tổ chức đón Gòđa. Sau đó, đồng chí nói về tình hình thế giới, trong nước và nhiệm vụ của nhân dân Quảng Trị trong giai đoạn mới.

Phong trào đón Gòđa ở Quảng Trị đã có tiếng vang lớn trong cả xứ, ảnh hưởng chính trị sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân, khiến bọn thống trị phải lo sợ. Bản báo cáo của Bộ Lại gửi lên vua Bảo Đại ngày 27-3-1937 đã thú nhận: "Chúng tôi kính cẩn báo cáo đề Hoàng thượng biết rằng theo báo cáo chính trị tháng 2-1937 của các tỉnh Trung Kỳ, tình hình chính trị trong xứ nói chung yên tĩnh, trừ hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên là các nơi xảy ra những sự kiện chính trị quan trọng mà chúng tôi xin kể ra dưới đây:

Quảng Trị, các cựu chính trị phạm và những kẻ tình nghi, hưởng ứng lời kêu gọi của Lê Duẩn, Trần Công Khanh đã xúi giục dân chúng đi đón ông Gòđa và đưa nguyện vọng cho ông ấy.

Đến giờ đây bọn họ đang tuyên truyền lập các hội buôn, các nhóm đọc sách, báo và chuẩn bị cuộc biểu tình để đón phái đoàn điều tra sắp sang Đông Dương. Họ xúi giục những người buôn bán ở chợ Quảng Trị đòi giảm thuế patăng..."

Sau cuộc biểu tình đón Gòđa, mặc dù bọn thống trị tìm mọi cách hạn chế hoạt động của các cựu chính trị phạm, song dưới sự chỉ đạo sâu sát và khôn khéo của đồng chí Lê Duẩn, phong trào cách mạng ở Quảng Trị vẫn phát triển sâu rộng. Các tổ chức hợp, pháp nửa hợp pháp như tổ làm vườn, hội hiếu, tổ đọc sách, báo phát triển nhiều nơi. Đặc biệt là các tổ đọc sách, báo đã có tác dụng lớn trong việc tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng.

Tháng 3-1937, đồng chí Lê Duẩn đã đi về các huyện: Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh kiểm tra tình hình, kịp thời góp ý với các cán bộ lãnh đạo các địa phương những ý kiến quan trọng về chủ trương công tác, về giữ gìn bí mật, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng. Nhờ đó, các biểu hiện lệch lạc như: công khai hợp pháp bộc lộ hết lực lượng hoặc rút rè, cố thủ ở một số cán bộ đã được khắc phục.

Nhờ hoạt động tích cực của đồng chí Lê Duẩn, phong trào đấu tranh của nhân dân Quảng Trị ngày càng phát triển mạnh mẽ, nhiều tổ chức đảng được khôi phục. Trong ba ngày từ 28 đến 30-6-1937, Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị được tổ chức tại làng Phú Long (Hải Lăng) dưới sự chủ toạ của đồng chí Lê Duẩn. Hội nghị khẳng định qua phong trào cách mạng Quảng Trị từ năm 1936 đến thời gian này, cơ sở đảng được phục hồi nhiều nơi các tổ chức quần chúng phát triển. Hội nghị quyết định xây dựng lại Đảng bộ từ chi bộ đến huyện uỷ theo hướng bí mật, bất hợp pháp; đẩy mạnh xây dựng các tổ chức quần chúng, đưa quần chúng ra hoạt động công khai hợp pháp và nửa hợp pháp, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng. Hội nghị bầu Ban chấp hành Đảng bộ gồm 7 uỷ viên: Hoàng Thị Ái, Hoàng Hữu Chấp, Hồ Xuân Lưu, Trần Mạnh Quỳnh Nguyễn, Mực, Nguyễn Vức, Dương Đâu. Đồng chí Hoàng Hữu Chấp được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ. Khi đồng chí Hoàng Hữu Chấp bị bắt (9-1937), đồng chí Trần Mạnh Quỳnh được cử làm Bí thư.

Từ sau Hội nghị Đảng bộ, phong trào cách mạng của nhân dân Quảng Trị lên cao, tổ chức đảng và tổ chức quần chúng phát triển mạnh.

Tháng 9-1937, dân chúng các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ biểu tình đưa nguyện vọng lên dân biểu Trần Đăng Hiến.

Tháng 10-1937, dân chúng Triệu Phong biểu tình đưa nguyện vọng của dân đến dân biểu Phan Triệu Khanh.

Tháng 12-1937, nhân dân Quảng Trị đấu tranh đòi cải cách nông thôn và phát triển phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ. Nhiều nơi thành lập được *huong ước*, quy định quyền của dân làng được tham gia giải quyết công việc của làng xã. Nông dân đòi thêm được quyền lợi về ruộng đất ở Ngô Xá (Triệu Phong), một suất đình được chia thêm một sào năm thước ruộng. Ở Huỳnh Công (Vĩnh Linh), phụ nữ cũng được chia ruộng công. Bà con còn mở nhiều lớp học chữ Quốc ngữ, nhất là lớp học cho phụ nữ. Hoạt động của đồng chí Lê Duẩn không chỉ trong phạm vi tỉnh Quảng Trị, mà đồng chí còn cùng các đồng chí Phan Đăng Lưu, Nguyễn Chí Diểu tích cực hoạt động xây dựng lại Đảng bộ Trung Kỳ. Tháng 3-1937, đồng chí Lê Duẩn từ Quảng Trị vào Huế làm việc với các đồng chí Nguyễn Chí Diểu, Phan Đăng Lưu, đi khảo sát tình hình ở Huế, Thừa Thiên, Đà Nẵng, Quảng Nam. Sau khi đi xem xét tình hình phong trào địa phương, đồng chí trở lại Huế cùng với các đồng chí Nguyễn Chí Diểu, Phan Đăng Lưu triệu tập Hội nghị cán bộ một số tỉnh Trung Kỳ vào ngày 20-3-1937. Hội nghị yêu cầu các tổ chức đảng phát động phong trào đấu tranh trong quần chúng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VII quốc tế Cộng sản: chống chiến tranh đế quốc, lập mặt trận rộng rãi, đòi các quyền dân sinh, dân chủ. Hội nghị quyết định thành lập Xứ uỷ lâm thời gồm các đồng chí: Nguyễn Chí Diểu, Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, do đồng chí Nguyễn Chí Diểu làm Bí thư. Khoảng cuối tháng 8 đầu tháng 9-1937, do bị bệnh nặng, đồng chí Nguyễn Chí Diểu đã uỷ quyền cho đồng chí Lê Duẩn thay mình làm Bí thư Xứ uỷ lâm thời.

Tháng 3-1938, Xứ uỷ Trung Kỳ chính thức được lập lại. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư. Cũng trong khoảng thời gian này, Xứ uỷ cử Lê Thế Tiết và Lê Thị Quế vào Huế, thuê nhà và mở hiệu buôn nước mắm An Long ở 83 đường Gia Long làm cơ quan tài chính của Xứ uỷ Trung Kỳ. Bán hàng có Lê Thị Quế là chủ hiệu, Lê Công Bé, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Thị Quả, Lê Thị Nuội²³.

Trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, Huế là nơi tập trung nhiều thanh niên, học sinh. Trong các phong trào cách mạng, tuổi trẻ thành phố đã có những đóng góp xứng đáng. Nhận thức đầy đủ vai trò và vị trí của thanh niên, các đồng chí Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Bùi San đã trực tiếp tổ chức giác ngộ thanh niên, học sinh trong các trường học. Ngày 26-3-1938, Đoàn Thanh niên Dân chủ ở Huế được thành lập.

Cuối tháng 3-1938, Xứ uỷ cử đồng chí Lê Thị Quế đến gặp ông Châu Tùng Cẩm và bà Tôn Nữ Thị Huệ, chủ căn nhà 95C đường Gia Long (Huế) để thuê nhà và giao cho đồng chí Lê Kim Thuyên mở "Thư quán Thuận Hoá". Chỉ trong thời gian ngắn, "Thư quán Thuận Hoá" đã thành nơi hội tụ của thanh niên, học sinh. Các phong trào truyền bá chữ quốc ngữ, phong trào đọc sách báo tiến bộ, phong trào bài trừ hủ tục trong đời sống văn hoá... thu hút đông đảo thanh niên. Đây chính là nơi liên lạc và tổ chức các lớp huấn luyện. Tại căn nhà này, các đồng chí Lê Duẩn và Phan Đăng Lưu thường xuyên làm việc với các cán bộ lãnh đạo các tỉnh, phổ biến nhiều Nghị quyết quan trọng của Xứ uỷ.

Căn nhà mở "Thư quán Thuận Hoá" sâu bên trong và hợp kiểu nhà cổ ở thành phố. Phòng ngoài kê một chiếc tủ kính trong bày các loại sách. Sát cửa vào buồng trong kê một chiếc bàn nhỏ và chiếc ghế gỗ. Hồ Xuân Lưu thường ngồi trên chiếc bàn này đóng vai người bán hàng thuê cho hiệu sách, nhưng nhiệm vụ chính là gác cơ quan. Phòng trong hẹp hơn chỉ đủ kê một chiếc chõng tre. Đồng chí Lê Duẩn cùng ngồi trên chõng tre với các đồng chí dự lớp huấn luyện. Những người dự huấn luyện không biết nhau và thường chỉ từ một đến hai người. Chương trình huấn

luyện ngắn gọn. Nhiều đồng chí được trưởng thành qua những lớp huấn luyện này như: Tô Hữu, Hoàng Anh, Nguyễn Chí Thanh, Trần Quỳnh...

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của báo chí hợp pháp, tháng 7-1938, Xứ uỷ quyết định xuất bản tờ báo *Dân*²⁴, cơ quan ngôn luận hợp pháp của Đảng do đồng chí Phan Đăng Lưu chỉ đạo. Tờ báo sử dụng tên của các nghị viên tiến bộ như Nguyễn Đăng Quế, Nguyễn Xuân Các với danh nghĩa chủ bút và thư ký toà soạn, nhưng thực tế điều hành công việc của toà soạn là Phan Đăng Lưu, Hải Thanh, Lâm Mộng Quang, Hải Triều, Nguyễn Cửu Thạch, Hà Thế Hạnh. Kế thừa sự nghiệp của báo *Nhàn lúa* và báo *Sông Hương* (tục bản), báo *Dân* đấu tranh đòi cải cách dân chủ. Báo phản ánh nguyện vọng của nhân dân kêu gọi các tầng lớp nhân dân đấu tranh đòi cải cách chế độ thuế khoá, đòi tự do dân chủ, đòi thả chính trị phạm. Trong cuộc đấu tranh chống dự án tăng thuế ở Trung Kỳ, báo *Dân* thường xuyên nhận được nhiều thư từ, điện tín của nhân dân khắp nơi gửi về. Toà soạn nhận và công bố các bản nguyện vọng của các đoàn biểu tình, tiếp đại biểu của các ngành các giới và các nghị viện. Dù chỉ tồn tại trong ba tháng, báo *Dân* thực sự là vũ khí tư tưởng sắc bén²⁵.

Từ giữa năm 1937, tình hình thế giới có nhiều thay đổi theo chiều hướng xấu. Bọn quân phiệt Nhật Bản tiến công Bắc Kinh, mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Nước Pháp cũng phải chuẩn bị đối phó với chiến tranh. Bọn thực dân tuyên thêm hai vạn lính ở Đông Dương, phát hành công trái, thực hiện nhiều biện pháp vơ vét của cải, tăng hàng loạt thuế.

Xứ uỷ Trung Kỳ chủ trương chống dự án tăng thuế. Ngày 5-2-1938, Trung ương Đảng ra thông báo: *Bầu cử và Thuế*. Thực hiện chủ trương đó, khắp Trung Kỳ, các cơ quan tinh uỷ đã vận động các tầng lớp nhân dân tổ chức những cuộc đấu tranh liên tục, quy mô lớn với nhiều hình thức phong phú như: biểu tình, bãi công, gửi thư, gửi các bản dân nguyện và đấu tranh nghị trường. Chiều ngày 10-9-1938, Thành phố Huế liên tiếp nổ ra ba cuộc đấu tranh lớn. Mở đầu là đoàn biểu tình của 40 người đại diện cho thợ thuyền, dân nghèo, tiểu thương phụ nữ và thanh niên. Ngày 16-9-1938, trong lúc Viện dân biểu đang họp, nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân tiếp tục nổ ra trong thành phố. 500 người họp mít tinh trước chợ An Cựu phản đối dự án tăng thuế. Viện dân biểu đã nhận được 297 bản thỉnh nguyện của nhân dân các tỉnh, huyện gửi đến. Để đẩy mạnh các hoạt động công khai, hợp pháp, Thông cáo của Trung ương Đảng ngày 20-3-1937 nêu rõ: “Vô luận là cuộc tuyển cử gì, Đảng ta có thể tham gia được là tham gia”. Ở Trung Kỳ, ngày 8-8-1937, diễn ra cuộc bầu cử Viện dân biểu Trung Kỳ. Đồng chí Lê Duẩn chỉ đạo cho các đảng bộ trong xứ tiến hành vận động quần chúng tham gia cuộc tuyển cử để tuyên truyền những khẩu hiệu của Đảng, dồn phiếu cho các ứng cử viên của Mặt trận Dân chủ, phối hợp cuộc đấu tranh của quần chúng bên ngoài nghị viện với cuộc đấu tranh của những dân biểu tiến bộ trong nghị viện để bênh vực quyền lợi cho quần chúng, đồng thời liên lạc với một số người tiến bộ trong giới trí thức, địa chủ, tư sản dân tộc, vận động họ ra ứng cử. Dưới sự chỉ đạo của Xứ uỷ, các tổ chức đảng ở Trung Kỳ đã mở rộng thêm các hình thức đấu tranh hợp pháp. Các đảng viên và quần chúng tích cực đi về các cơ sở tuyên truyền, giải thích cho quần chúng hiểu rõ chủ trương của Đảng, vận động tập trung bỏ phiếu cho các ứng cử viên do Đảng giới thiệu như: Trần Đăng Hiến và Phan Triệu Khanh ở Quảng Trị; Hoàng Đức Thạch và Nguyễn Đình Diễm ở Huế; Phan Đăng Lưu và Hoàng Chánh Đông ở Quảng Bình; Phan Thanh ở Quảng Nam. Các ứng cử viên được Đảng ủng hộ đều đắc cử trong cuộc bầu cử này. Trên đà phát triển của phong trào cách mạng, Xứ uỷ lâm thời Trung Kỳ do đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư chủ trương tăng cường công tác xây dựng đảng, thành lập chi bộ Đảng trong các giới, các ngành, đẩy mạnh các hình thức đấu tranh công khai, nửa công khai trên quy mô rộng lớn hơn.

Ở Quảng Trị, dân chúng các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ biểu tình đưa nguyện vọng đến dân biểu Trần Đăng Hiến (tháng 9, 10-1937). Nhân dân Triệu Phong biểu tình đưa nguyện vọng đến dân biểu Phan Triệu Khanh (10-1937). Tại nghị trường, các dân biểu tiến bộ sử dụng diễn đàn công khai lên án tính bất công phi lý của dự án thuế mới.

Tháng 10-1938, nông dân Quảng Trị rầm rộ đấu tranh phản đối chế độ thuế khoá mới. Ngày 17-10-1938, hàng nghìn nông dân Vĩnh Linh biểu tình phản đối thuế thân, thuế điền thổ. Ngày 3-11-1938, hơn 3.000 người ở Triệu Phong lại biểu tình. Ngày 5-11-1938, hơn 800 người biểu tình tại Cam Lộ. Cuộc đấu tranh chống dự án tăng thuế thắng lợi.

Từ tháng 11-1938, tại Pháp, phái hữu ngày càng lũng đoạn chính phủ và Mặt trận Nhân dân ở Đông Dương, bọn phản động thuộc địa cũng ra tay đàn áp phong trào cách mạng. Mở đầu chiến dịch khủng bố ở Trung Kỳ, thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa tờ báo *Dân*. Tiếp đó là cuộc lùng bắt các đảng viên và quần chúng cách mạng.

Là một chiến sĩ cộng sản dày dặn kinh nghiệm trong đấu tranh và tổ chức hoạt động bí mật, đồng chí Lê Duẩn cùng với tập thể Xứ uỷ kịp thời chỉ đạo các cấp bộ đảng ở Trung Kỳ nhanh chóng chuyển vào hoạt động bất hợp pháp, tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh trong tình hình mới.

Phong trào cách mạng ở Trung Kỳ trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Lê Duẩn đã đạt tới mức phát triển rất cao và qua đó đào tạo, rèn luyện được nhiều cán bộ có đức, có tài đóng góp cho phong trào cách mạng của toàn xứ và cả nước sau này.

Thời kỳ Mặt trận Dân chủ ở miền Trung trong những năm 1936-1939 là thời kỳ đồng chí Lê Duẩn thể hiện tài năng sáng tạo và nhạy bén trong lãnh đạo phong trào cách mạng. Đồng chí đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo về phương thức đấu tranh cách mạng, kết hợp việc xây dựng, phát triển các tổ chức quần chúng rộng rãi để giữ vững và phát triển phong trào với việc xây dựng đảng làm nòng cốt để phát triển lực lượng cách mạng; đề ra các hình thức và phương pháp đấu tranh phong phú, uyển chuyển; kết hợp hoạt động công khai hợp pháp và nửa hợp pháp với hoạt động bí mật, bất hợp pháp; đấu tranh ở nông thôn với đấu tranh ở thành thị; kết hợp đấu tranh của quần chúng ngoài nghị viện với đấu tranh trong nghị viện. Đó còn là sự sáng tạo, nhạy bén trong chuyển hướng chỉ đạo chiến lược gắn vấn đề giai cấp với vấn đề dân tộc, nêu cao ngọn cờ dân chủ để tập hợp rộng rãi mọi giai tầng trong xã hội, trong dân tộc, kể cả giai cấp tư sản dân tộc những thành phần dân chủ, những cá nhân có tư tưởng tiến bộ đứng về phía nhân dân chống lại bọn phản động thuộc địa và vua quan Nam Triều thối nát; thông qua phong trào dân chủ mạnh mẽ cả bề rộng lẫn chiều sâu mà tiến hành một cuộc tập dượt lớn nhằm tiến tới cao trào cứu nước 1940-1945, giành trọn vẹn chính quyền về tay nhân dân trong Cách mạng Tháng Tám.

4. Kiên định con đường đã chọn

Ngay sau khi phải hữu trở lại cầm quyền ở Pháp, bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương liền thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Những cuộc bắt bớ lại xảy ra hàng ngày, hàng giờ. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, chính quyền Pháp ở Đông Dương ra lệnh tổng động viên và ban hành hàng loạt nghị định sắc lệnh phản động nhằm bảo vệ quyền lợi của bọn thực dân. Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương ký lệnh giải tán các tổ chức ái hữu, nghiệp đoàn và tịch thu giấy phép và tài sản của các tổ chức đó. Ngày 5-10-1939, vua bù nhìn Bảo Đại ra dụ cấm các cuộc hội họp, cấm tuyên truyền vận động cách mạng ở Trung Kỳ. Chỉ trong thời gian ngắn tại Bắc Kỳ đã xảy ra hàng nghìn vụ khám xét, bắt bớ. Tại Nam Kỳ, 14 tờ báo bị đình bản. Toàn bộ nhân viên toà soạn báo *Dân chúng*, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Sài Gòn, bị bắt giam. Tình hình trong nước và trên thế giới đang đứng trước những biến động dữ dội. Bọn phát xít âm mưu xô đẩy loài người vào cuộc chiến tranh huỷ diệt. Nhưng chiến tranh cũng hé mở cho phong trào cách mạng thế giới điều kiện phát triển mới và thời kỳ đấu tranh cách mạng sôi nổi. Phong trào đấu tranh cho hoà bình, dân chủ và phong trào giải phóng dân tộc sẽ có những bước phát triển nhảy vọt. Nhiều dân tộc bị áp bức sẽ đứng dậy đấu tranh giành độc lập. Phong trào đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta sẽ trải qua những thử thách, hy sinh lớn lao nhưng cũng hứa hẹn những triển vọng tốt đẹp.

Bản thông cáo của Trung ương Đảng ngày 29-9-1939, nhận định “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”²⁶.

Trước những biến cố mau lẹ và phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân Việt Nam đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo phong trào cách mạng. Các cấp bộ đảng đã nhận được chỉ thị phải sớm chuyển vào hoạt động bí mật. Theo yêu cầu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, các đồng chí Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu từ Trung Kỳ vào Sài Gòn công tác. Đồng chí Phan Đăng Lưu được Trung ương phân công phụ trách phong trào các tỉnh Nam Kỳ, giúp đồng chí Võ Văn Tần, Bí thư Xứ uỷ nhanh chóng xây dựng các cơ sở đảng và cơ sở quần chúng bí mật. Đồng chí Lê Duẩn cùng với đồng chí Nguyễn Văn Cừ trực tiếp chuẩn bị những văn kiện để sớm triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ngôi nhà số 312 đường Nguyễn Tấn Nghiệp cũ kỹ rêu phong như bao ngôi nhà khác nằm lọt giữa khu đồng bào theo đạo Thiên chúa là nơi các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn thường lui tới họp bàn công việc. Công việc soạn thảo văn kiện cho sát với yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới đòi hỏi phải tập trung cao độ trí tuệ tập thể của lãnh đạo cao nhất của Đảng, nhưng cũng buộc ta phải hạn chế những cuộc họp hành, hội thảo đông người để tránh sự chú ý của bọn mật thám. Sài Gòn đang là nơi tập trung cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, thực dân Pháp huy động một lực lượng cảnh sát và mật thám đông đảo, có những tên khét tiếng tàn ác như Badanh, để lùng sục, bắt bớ và đàn áp phong trào. Thâm độc hơn, bọn chúng còn dụ dỗ mua chuộc và triệt để sử dụng một số tên tay sai đã một thời tham gia hoạt động trong các tổ chức của ta, nhưng không chịu được đòn thù và sự căm dỗ của địch đã phản bội lại lý tưởng, bán rẻ đồng chí mình cho giặc. Các đồng chí Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong lần lượt sa vào tay địch. Vẫn là người thân trọng và giàu kinh nghiệm tổ chức hoạt động bí mật, đồng chí Lê Duẩn thường ít xuất hiện giữa đám đông và hạn chế những cuộc tiếp xúc không cần thiết. Tại Bắc Kỳ, địch tăng cường khủng bố. Báo *Tin tức*, cơ quan ngôn luận của Đảng tại Hà Nội đã đình bản, các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt đã rút vào bí mật. Tại Nam Kỳ, đồng chí Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần, Tạ Uyên, Nguyễn Thị Minh Khai phải lặn lội khắp các tỉnh, thành để tổ chức lại các cơ sở bí mật trong quần chúng. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương và Xứ uỷ, phong trào đấu tranh cách mạng ở Nam Kỳ đã tránh được những tổn thất đáng tiếc. Chỉ trong thời gian ngắn, hệ thống tổ chức đảng ở Nam Kỳ được tổ chức lại với những hình thức hoạt động kín đáo, phù hợp với tình hình mới. Các cơ quan tuyên truyền, vận động quần chúng được xây dựng và củng cố như các ban công vận, nông vận thanh vận, binh vận. ...; 19 trong số 21 tỉnh, thành ở Nam Kỳ thành lập được cấp uỷ chính thức. Hai tỉnh còn lại là Bà Rịa và Hà Tiên cũng có ban cán sự. Thực tế công tác xây dựng đảng và phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng ở Nam Kỳ là những bài học sinh động và bổ ích để các đồng chí lãnh đạo của Đảng tổng kết kinh nghiệm, xác định tính chất và những mục tiêu cụ thể của cách

mạng trong giai đoạn mới. Công việc chuẩn bị nội dung Hội nghị Trung ương dồn cả lại cho hai đồng chí Nguyễn Văn Cừ và Lê Duẩn. Các đồng chí nhiều đêm thức trắng để trao đổi ý kiến, phân tích tình hình thế giới, xu hướng phát triển của cuộc chiến tranh đế quốc, khả năng đấu tranh để bảo vệ hoà bình của các lực lượng tiến bộ do Liên Xô làm trụ cột. Các đồng chí dành nhiều thời giờ thảo luận tình hình trong nước và tính chất cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Đồng chí Lê Duẩn nhận thức rõ trọng trách lớn lao mà Đảng và nhân dân giao phó. Những quyết định sáng suốt và đúng đắn trong một thời điểm quan trọng của sự nghiệp cách mạng sẽ tạo ra được những chuyển biến căn bản. Giữa đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Nguyễn Văn Cừ thường có những cuộc tranh luận sôi nổi nhiều khi khá gay gắt. Đồng chí Vũ Văn Hiếu, Bí thư đầu tiên của đặc khu mỏ Hòn Gai, người bạn tù thủy chung ở Nhà tù Côn Đảo, chăm lo, giúp đỡ các đồng chí Nguyễn Văn Cừ và Lê Duẩn tận tình như những người ruột thịt. Tuy bận tham gia soạn thảo văn kiện của Hội nghị Trung ương, đồng chí Lê Duẩn vẫn sắp xếp thời gian đi về những vùng cơ sở cách mạng giúp đỡ các đồng chí chỉ đạo phong trào. Đồng chí rất quan tâm công tác xây dựng các tổ chức bí mật và phong trào quần chúng ở đô thị, trọng điểm là Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí cảm phục nghị lực và sự hiểu biết sâu sắc của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, lúc đó là Ủy viên Ban Thường vụ Xứ uỷ Nam Kỳ kiêm Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí thường quan tâm giúp đỡ đồng chí Minh Khai trong công tác và cả trong cuộc sống hàng ngày. Chính sự chăm sóc ân cần của những người anh em, người đồng chí đã giúp Minh Khai vượt lên thời gian khổ, cố gắng kiên trì chờ đợi cho Đảng, cho cách mạng. Sau này, đồng chí Lê Duẩn kể lại: “Tôi đã gặp và làm việc với nhiều cán bộ phụ nữ, nhưng chưa thấy ai có ý thức quyết vươn lên gánh vác vai trò lãnh đạo cách mạng như đồng chí Minh Khai”²⁷.

Trong cuộc chiến đấu một mất một còn, có một số người đã thoái hóa, đầu hàng, làm tay sai cho địch. Trong số đó có Đinh Văn Di, nguyên là một cán bộ khá sắc sảo trong phong trào cách mạng thời kỳ 1930-1931, đã từng bị giam giữ cùng với các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn tại Nhà tù Côn Đảo. Không chịu được đòn thù, bị địch cám dỗ, Đinh Văn Di đã không giữ vững được khí tiết và đã trở thành kẻ phản bội. Sau khi được trả tự do và trở về quê quán, Di nhận làm mật thám cho Pháp. Vì khéo che đậy bộ mặt thật, Di đã được cử làm Bí thư Liên Tỉnh uỷ Thanh - Nghệ - Tĩnh. Tháng 3-1938, Di đi dự Hội nghị Trung ương tại Sài Gòn. Sau khi Liên tỉnh uỷ Thanh - Nghệ - Tĩnh trở lại trực thuộc Xứ uỷ Trung Kỳ, đồng chí Lê Duẩn có dịp ra Vinh để chỉ đạo phong trào, đã phát hiện những điều không bình thường trong công tác tổ chức đấu tranh tại địa phương. Khi Đinh Văn Di được triệu tập dự Hội nghị Trung ương, đồng chí Lê Duẩn báo cáo với Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ về những điều mình biết về Đinh Văn Di. Theo đề nghị của đồng chí Lê Duẩn, một cuộc “Hội nghị Trung ương” đã khai mạc và kết thúc nhanh nhằm đánh lạc hướng Đinh Văn Di. Hắn ra về và báo cáo ngay với mật thám Pháp²⁸.

Sau khi gạt bỏ tên phản bội, Hội nghị Trung ương họp từ ngày 6 đến ngày 8-11-1939 tại nhà ông Hai My, một cơ sở quần chúng cách mạng thuộc 18 thôn Vườn Trầu, ngoại thành Sài Gòn. Dự Hội nghị có các đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần.

Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 phân tích và nhận định tình hình thế giới và trong nước lúc đó đang có nhiều biến động. Cuộc chiến tranh đế quốc đang đặt ra trước nhân loại một nguy cơ lớn, nhưng nó cũng tạo điều kiện cho phong trào cách mạng nhiều nước phát triển. Đối với phong trào cách mạng nước ta, mục tiêu giành độc lập dân tộc đã được đặt ra. Đồng chí Lê Duẩn viết: “Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp quý gối dang Đông Dương cho phát xít Nhật, dân ta một cổ hai tròng, Đảng nhận định đây là thời kỳ mà áp bức, bóc lột và chiến tranh làm cho nhân dân ngày càng cách mạng hoá thời kỳ mà cách mạng nhất định sẽ nổ ra”²⁹.

Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 họp giữa lúc phong trào cách mạng nước ta đang đứng trước những khó khăn, thử thách khắc nghiệt. Bọn đế quốc đang thẳng tay khủng bố, nhiều đồng chí trung kiên đã sa vào tay giặc hoặc phải lẩn tránh những cuộc bắt bớ. Hội nghị Trung ương quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của phong trào cách mạng nước ta, mở ra một cao trào mới - cao trào vận động cách mạng giành chính quyền trong cả nước

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu ra đời đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình chuyển hướng chiến lược của Đảng đối với phong trào cách mạng Trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn, và phải tuyệt đối giữ bí mật để tránh sự lung sục của kẻ thù, anh chị em công nhân đã làm ngày làm đêm in xong các văn kiện của hội nghị để sớm đưa đến với đồng bào đồng chí. Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến, một nhà giáo quê ở Hà Nam, đã dâng hiến tất cả sức lực của mình cho công việc âm thầm và khó khăn đó. Nhiều đồng chí cán bộ trung kiên của phong trào được phân công về các địa phương để truyền đạt nghị quyết mới và tổ chức chuyển hướng hoạt động. Đồng chí Võ Văn Tần, Bí thư Xứ uỷ Nam Kỳ, đã lặn lội khắp vùng lục tỉnh. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, nén nỗi đau của người mẹ trẻ phải xa con, luôn luôn bám sát các cơ sở vùng Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, người trẻ nhất của cơ quan Xứ uỷ Nam Kỳ được cử ra miền Trung công tác chẳng may bị địch bắt. Đồng chí Lê Duẩn phải thường xuyên làm việc tại cơ quan Trung ương ở số nhà 312 đường Nguyễn Tấn Nghiệp³⁰ (Sài Gòn) để giúp đồng chí Tổng Bí thư điều hành công việc chung. Giúp việc đồng chí Nguyễn Văn Cừ và đồng chí Lê Duẩn vẫn là đồng chí Vũ Văn Hiếu, người đã để lại cho đồng chí Lê Duẩn những ấn tượng sâu sắc, cảm động nhất trong cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi và đầy gian khổ của mình. Ba người con của những miền đất nước xa xôi tụ họp tại vùng

quê mới đang là điểm nóng của phong trào cách mạng cả nước. Người xa vợ con, người chưa một lần biết hương vị hạnh phúc gia đình, tự nguyện gắn bó như anh em ruột thịt trong lúc cuộc sống đang khấn trương và cạm bẫy của quân thù giăng khắp mọi nơi.

Vào một ngày đầu năm 1940, đồng chí Hoàng Thị Ái và đồng chí Bùi San, trong vai hai chị em từ miền Trung vào kiếm sống, tìm đến trụ sở cơ quan Trung ương Đảng nằm lọt giữa vùng bà con theo đạo Thiên chúa. Bất gặp ánh mắt khác thường của một con chiên ngoan đạo đang quây đôi thùng nước, biết có dấu hiệu bất trắc, các đồng chí liền rẽ sang ngã khác. Sau này các đồng chí được thông báo cho biết, trụ sở cơ quan đã bị khám xét, các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn và Vũ Văn Hiếu đã bị bắt. Đó là ngày 18-1-1940.

Hai năm về trước, trong hồ sơ của mật thám Pháp có ghi rõ: “Vai trò Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Đông Dương đã chuyển giao từ Hà Huy Tập cho người có đôi mắt không đều. Kẻ thù đã biết rõ vai trò của đồng chí Nguyễn Văn Cừ trong Đảng, mặc dù đồng chí Vũ Văn Hiếu đã nhận hết những tài liệu tìm thấy tại trụ sở cơ quan là của mình. Đồng chí Lê Duẩn bị đưa về giam giữ tại Khám Lớn Sài Gòn để chờ ngày ra tòa. Trong những cuộc tra hỏi, những lần tra tấn của kẻ thù, trước sau như một đồng chí Lê Duẩn chỉ nhận mình đã từ bỏ mọi hoạt động cách mạng và đang từ miền Trung vào Sài Gòn - Chợ Lớn tìm việc làm để kiếm sống.

Những cuộc lùng sục của mật thám vẫn tiếp tục diễn ra liên miên. Các đồng chí: Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Tạ Uyên, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Hữu Tiến... đã sa vào tay địch. Ngày 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ. Phong trào đấu tranh của quần chúng cách mạng đã làm rung chuyển cả hệ thống chính quyền của định tại Nam Kỳ. Nhưng chưa đủ những điều kiện chín muồi để giành thắng lợi, cuộc khởi nghĩa sớm bị dập tắt và bị chìm trong biển máu. Hàng trăm làng mạc bị triệt hạ, hàng nghìn chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước khác bị xử bắn hoặc bị xâu tay thả xuống biển, trong đó có các đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Hữu Tiến... Các đồng chí Lê Duẩn, Vũ Văn Hiếu trong đoàn người bị đưa xuống tàu đày ra Côn Đảo.

Trong những năm 1940-1945, Nhà tù Côn Đảo mang cái tên địa ngục trần gian với nghĩa đầy đủ nhất của nó. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, chỉ trong vòng hai năm, 1941-1942, thực dân Pháp đã đày ra Côn Đảo gần 4.000 tù nhân thuộc đủ các hạng người, phần lớn là những chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước khác. Cũng trong thời gian đó, kẻ thù tiến hành khủng bố những người tù đã man chưa từng thấy. Cứ mỗi chuyến tàu chở tù nhân cập bến, bọn cai ngục xếp hàng hai từ cầu tàu đến công lại giam cầm roi vọt tới tập lên người họ. Những người tù tay bị xiềng xích, mình mẩy gầy gò thâm tím và loang lổ máu tươi. Nhiều người đi không vững phải lê lét trong vòng tay bạn bè.

Giữa năm 1941, Thống đốc Nam Kỳ cử Boruonnê ra làm chúa đảo thay Buvie. Boruonnê thực hành chế độ nhà tù rất tàn bạo. Một số quyền lợi tối thiểu trước đây người tù giành được nay bị xoá bỏ. Chúng cầm tù nhân không được nhận thư từ, quà cáp, không được hội họp, đọc sách báo. Ra vào khám phải tự lột trần truồng ra cho chúng khám xét. Điều kiện ăn ở lại càng khắc nghiệt hơn. Người tù thì nhiều, số trại giam thì có hạn, mọi người phải ở chật như nêm trong sự ngột ngạt, nóng bức đến cùng cực. Các loại bệnh tả, ỉa chảy, kiết lỵ, thương hàn, ghẻ hằm mạt sức hoành hành, tàn phá cơ thể và cướp đi sinh mạng nhiều người. Đồng chí Lê Duẩn kể lại: "Hồi đó, mỗi buồng khoảng sáu mươi mét vuông, địch nhốt đến trăm bốn mươi, trăm năm mươi đồng chí. Chật chội và ngột ngạt đến khủng khiếp; muốn thở, phải thay phiên nhau nằm gần cửa ra vào. Chất tươi thì thiếu thốn vô cùng, bởi ngày nào cũng cơm hằm, cá mục, cho nên được ăn một quả ớt, hay một cọng rau xanh là sung sướng lắm rồi. Khi được tắm thì mỗi người chỉ vèn vèn một lon nước. Đó là không kể chuyện bị đánh đập hằng ngày Bọn địch đối xử với người tù hà khắc không sao kể hết được. Từ năm 1940 đến năm 1945, trong số một trăm mấy chục anh chị em bị giam cùng phòng với tôi phần lớn đã chết dần, chết mòn, cuối cùng, chỉ còn mười lăm đồng chí"³¹. Những cái chết vì đòn roi, và bệnh tật và kiệt sức diễn ra hằng ngày, hàng giờ. Có ngày, vài chục người chết như vậy. Đồng chí Lê Hồng Phong, nhà yêu nước nổi tiếng Nguyễn An Ninh cũng từ trần trong những năm đó. Trong điều kiện cuộc sống cực khổ và chế độ nhà tù tàn bạo như vậy, *chi bộ đặc biệt* ở Côn Đảo vẫn được thành lập và hoạt động. Trong nhà tù, sách báo và tài liệu vô cùng hiếm hoi, điều kiện mở các lớp huấn luyện và học tập càng khó khăn hơn, chi bộ nhà tù chủ trương tổ chức đấu tranh chống khủng bố, đòi cải thiện điều kiện sinh hoạt và phải giữ vững niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp cách mạng.

Đầu những năm bốn mươi, cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới và sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân ta đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Phát xít Đức mở cuộc tiến công quy mô lớn và ồ ạt vào đất nước Xôviết. Quân đội Hítler áp sát cửa ngõ Mátxcova. Tại châu Á, phát xít Nhật đã đánh chiếm những vùng đất đai rộng lớn. Ở trong nước, cơ sở đảng tại nhiều địa phương bị tan vỡ; nhiều đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng bị giam giữ, đày đoạ trong các nhà tù. Tại Nam Kỳ, sau đợt khủng bố đẫm máu của kẻ thù, phong trào cách mạng của quần chúng chưa kịp khôi phục. Trong điều kiện như vậy, để giữ vững được niềm tin ở thắng lợi cuối cùng, những chiến sĩ cộng sản phải có một ý chí gang thép. Mặc dù hằng ngày phải đối mặt tới sự tàn bạo của kẻ thù, chúng kiên sự ra đi của bạn bè, đồng chí, Lê Duẩn vẫn giữ vững niềm tin và động viên đồng đội kiên định con đường đã chọn. Trong

những ngày đó, đồng chí càng thấm thía sâu sắc hơn tình đồng chí cao cả và thiêng liêng giữa những người cộng sản. Đồng chí Rum Báo Việt³² làm y tá trong nhà tù đã tận tình chăm lo sức khoẻ cho đồng chí Lê Duẩn qua khỏi những căn bệnh đơn giản nhưng hiểm nghèo. Và cũng tại đây, đồng chí Lê Duẩn mới thấy hết một tình thương bao la đối với con người, đối với cách mạng của đồng chí Vũ Văn Hiếu. Đồng chí Lê Duẩn kể lại: “Trong số những đồng chí đã hy sinh, hình ảnh đồng chí Vũ Văn Hiếu làm cho tôi xúc động hơn cả. Đồng chí Hiếu là một đồng chí sống vì Đảng và chết cũng không rời Đảng. Đồng chí ấy bị bắt cùng một lúc với anh Nguyễn Văn Cừ và tôi. Vào tù, đồng chí bảo với anh Cừ và tôi rằng: “Tôi đã nhận tài liệu địch lấy được là của tôi, địch có đánh, thì tôi chịu, tôi không khai cho các anh đâu. Các anh cứ chối hết đi. Tôi chịu đòn, chịu chết thay cho các anh để các anh sống và hoạt động cho Đảng”. Ở Côn Đảo, đồng chí Hiếu bị địch đánh đập, hành hạ nhiều quá. Biết mình kiệt sức không thể sống được, một hôm nhân lúc bên ngoài gửi vào cho một cái áo, đồng chí Hiếu không mặc mà đưa áo cho tôi và nói: “Tôi sắp chết rồi, tôi nghĩ mãi mà không biết làm cái gì để phục vụ cho Đảng đến phút cuối cùng, tôi chết có trần truồng cũng không sao, áo đây anh mặc lấy để sống mà làm việc cho Đảng”. Tôi từ chối nhưng đồng chí Hiếu vẫn khẳng khái không chịu. Đồng chí bảo: “Tôi đã nghĩ kỹ rồi, chỉ có việc này là tôi còn cống hiến được cho Đảng, sao anh không nhận?”³³”

Sự điên cuồng và tàn bạo của kẻ thù cũng chính là những dấu hiệu báo trước sự sụp đổ của chúng. Trên thế giới, chủ nghĩa phát xít bị đánh gục. Ở trong nước, công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa thành chính quyền đang sôi sục khắp cả ba miền Trung, Nam, Bắc. Trong những ngày tháng Tám mùa thu lịch sử, cùng với nhân dân cả nước, đồng bào Nam Bộ đồng loạt nổi dậy, lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân lập ra chính quyền cách mạng.

Ngày 17-9-1945, đồng chí Lê Duẩn cùng với các đồng chí Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Lê Thanh Nghị, Phan Trọng Tuệ ứ nước mắt dự cuộc mít tinh chào đón phái đoàn của Ủy ban nhân dân Nam Bộ ra đón các chiến sĩ cộng sản vừa thoát khỏi địa ngục tù Côn Đảo, trở về đất liền chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu mới.

1. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, NXB. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr.20.
2. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 1978, tr.17.
3. Ban Chấp hành Thành đoàn Hà Nội: *Lịch sử Đoàn thanh niên Cộng sản Thành phố Hà Nội*, Hà Nội, 1987, tr.29.
4. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 1978, tr.366.
5. *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960, tr.44-45.
6. Vũ Thiện Chân: *Hồi ký*, bản chép tay. Lưu tại Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ Đảng, ký hiệu LQ 3/3.
7. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 1978, tr.372.
8. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 1978, tr.369.
9. Đồng chí Vũ Thiện Chân có biệt hiệu là Chân Búa.
10. Vũ Thiện Chân: *Hồi ký*, bản chép tay. Lưu tại Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ Đảng, ký hiệu LQ 3/3.
11. Sông Cái: sông Hồng.
12. *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960, tr.164.
13. *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960, tr.167.
14. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 1978, tr.366.
15. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.10, tr.3-4.
16. *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960, tr.165.
17. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 1978, tr.366.
18. *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960, tr.170.
19. Nay là Nghĩa trang Hàng Dương.
20. Sau đổi tên là Trần Quốc Thảo, Bí thư Thành ủy Sài Gòn – Chợ Lớn.
21. Bí thư đầu tiên của Tỉnh ủy Quảng Trị.
22. *Những sự kiện Lịch sử Đảng Bình Trị Thiên*. Tài liệu của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Bình Trị Thiên biên soạn.
23. Con gái đồng chí Lê Thế Tiết.
24. Số 1 ra ngày 6-7-1938.
25. Sau khi ra được 17 số, Toàn quyền Đông Dương viện cơ báo *Dân* đăng tin thất thiệt, rút giấy phép và truy tố người phụ trách tờ báo, thực chất là để trả thù vụ chống dự án tăng thuế. Tại phiên toàn ngày 13-10-1938, hai ông Nguyễn Đăng Quế và Nguyễn Xuân Các bị phạt 5 tháng tù treo và mất chức vụ trong Viện dân biểu.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.756.
27. Theo bút tích của đồng chí Lê Duẩn trong cuốn *Chị Minh Khai*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1980, tr.1.
28. Bị lộ mặt, Đinh Văn Di công khai hoạt động chống cách mạng. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, y đã bị chính quyền cách mạng kết án tử hình tại Vinh.
29. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, NXB. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr.446.

30. Nay là đường Bùi Thị Xuân.

31. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 1978, tr.367.

32. Đồng chí Rum Báo Việt (viết tắt của cụm từ *Rừng U Minh bảo vệ Việt Nam*) sau này là một nhà báo cách mạng, được nhiều người biết đến.

33. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 1978, tr.370.

NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC CỦA ĐẢNG Ở NAM BỘ (1946 – 1957)

1. Tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ

Nước nhà vừa giành được độc lập. Khát vọng tự do và hạnh phúc lớn lao đang trào dâng và lan toả khắp mọi nhà. Nhưng ngày vui không trọn vẹn và cũng thật ngắn ngủi. Nửa đêm về sáng ngày 23-9-1945, được sự giúp sức của quân Anh, quân Nhật, thực dân Pháp nổ súng tấn công vào sân bay, bến tàu và các công sở của ta ở Sài Gòn. Xứ uỷ lâm thời và Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ họp hội nghị cán bộ mở rộng khẩn cấp tại ấp Cây Mai (Chợ Lớn) bàn kế hoạch kháng chiến. Hội nghị quyết định lập Uỷ ban Kháng chiến để lo việc quân sự; hạ lệnh tổng đình công và bất hợp tác với người Pháp; lệnh cho các tỉnh Nam Bộ thi hành kế hoạch phá hoại đường giao thông tiếp tế, bao vây quân địch... Đồng thời, gửi điện khẩn báo cáo tình hình và xin ý kiến Trung ương. Khoảng một giờ sau, khu thu phát Đa Kao (Sài Gòn) nhận được và dịch xong Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng đồng ý với quyết tâm của Xứ uỷ và Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ về chủ trương phát động cuộc kháng chiến. Ngay chiều hôm đó, Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ ra lệnh tổ chức nhân dân đấu tranh vũ trang chống quân xâm lược, bảo vệ những thành quả cách mạng đã giành được.

Ngày 23-9-1945, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn thực sự bắt đầu cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Cả thành phố tây chạy người Pháp, chợ búa không họp, xe cộ ngừng chạy, các công sở, trường học đóng cửa. Bàn ghế, giường tủ, quầy hàng được khuân ra đường, cột đèn, cây to được hạ xuống làm vật chướng ngại cản xe cơ giới của địch. Cầm thù trút lên nòng súng, lưỡi lê, các chiến sĩ tự vệ đường phố, tự vệ công nhân, công an xung phong, cảnh sát chiến đấu cùng với các đơn vị Vệ quốc đoàn, với mọi thứ vũ khí có trong tay, nhanh chóng chiếm lĩnh các vị trí chiến đấu, đánh trả bọn gây chiến. Nhiều đồn lính, kho tàng của địch bị tiến công; điện, nước bị cắt. Các đội vũ trang của ta đột nhập vào sân bay, bến tàu tiêu diệt quân Pháp. Một tàu chiến địch vừa cập bến Sài Gòn bị đốt cháy ngay. Quân Pháp bị bao vây trong thành phố.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ được đồng bào cả nước hết lòng ủng hộ. Trong Thư gửi đồng bào Nam Bộ ngày 26-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà.

Tôi chắc và tất cả đồng bào đều chắc rằng những người và những dân tộc yêu chuộng bình đẳng tự do trên thế giới đều đồng tình với chúng ta.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân.
Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc tranh đấu của chúng ta là chính đáng”¹.

Cán bộ là vốn quý của phong trào cách mạng. Trong những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám thành công ở Nam Bộ, các đồng chí trong Xứ uỷ lâm thời và Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ đã nghĩ ngay đến việc giải phóng cấp bách Nhà tù Côn Đảo, tổ chức tàu thuyền đưa các cán bộ cách mạng về đất liền. Hàng nghìn người gầy ốm đã được đưa về bến Đại Ngãi, tỉnh Sóc Trăng. Các đồng chí vừa từ ngục tù Côn Đảo trở về như quên hết mọi dấu vết của địa ngục, đòn roi, bệnh tật, hăng hái lao vào cuộc chiến đấu mới. Đồng chí Tôn Đức Thắng, sau hơn 15 năm bị tù đày ở Côn Đảo, chỉ qua Long Xuyên ghé thăm nhà được một giờ rồi lại tiếp tục ra đi. Với đồng chí Lê Duẩn, vùng đất Nam Bộ từ lâu đã trở nên gần gũi, thân thương. Cũng như các đồng chí Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Nguyễn Văn Linh, Lê Văn Lương, đồng chí Lê Duẩn không có một ngày nghỉ ngơi. Các đồng chí quê ở Nam Bộ được Xứ uỷ và Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ cử về quê tham gia xây dựng tổ chức đảng và củng cố chính quyền cách mạng. Lúc này Nam Bộ đang là nỗi lo âu niềm hy vọng của đồng bào cả nước. Nhiều đồng chí quê ở miền Bắc và miền Trung đã tình nguyện ở lại sát cánh chiến đấu cùng đồng bào Nam Bộ. Đồng chí Lê Duẩn được phân công công tác tại Sài Gòn.

Trong những ngày đầu kháng chiến, cuộc chiến đấu của quân dân ta ở Nam Bộ gặp rất nhiều khó khăn. Quân dân ta đã nêu cao ý chí quyết thắng, chiến đấu ngoan cường, hy sinh anh dũng. Nhưng chúng ta chưa có kinh nghiệm tổ chức kháng chiến và vũ khí quá ít. Tại nhiều nơi, quân ta phải bắn cầm chừng, vừa bắn vừa hò reo, gõ phèng la, trống ếch để làm cho địch hoảng sợ phải bỏ chạy. Suốt trong tháng 10-1945, quân ta vây địch trong thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn theo ba hướng chính: mặt trận Tham Lương, Bà Quẹo; mặt trận Chợ Đệm, Bình Điền; mặt trận Cầu Bông, Cầu Kiệu. Sau một tháng các mặt trận dần dần tan vỡ. Các cơ quan Xứ uỷ và Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ rút về Mỹ Tho. Không thể kể hết chính sách đàn áp hết sức dã man của giặc Pháp: càn quét liên miên, đến đâu là triệt hạ làng mạc, giết sạch, đốt sạch, cướp sạch, bày ra đủ các trò khủng bố rùng rợn nhất. Những đầu người bị bêu trên đầu cọc tre, những xác trẻ em bị thả trôi bập bênh trên sông, những phụ nữ bị hãm hiếp, rạch bụng xem thai, hoặc bị cắm cọc tre vào âm hộ bên xác chồng không còn đầu. Ở Mỹ Tho, chúng còn mở quán bán thịt người. Những gia đình có người theo kháng chiến đi ngang bị chúng bắt phải mua và luộc thịt người ăn ngay tại chỗ.

Ngày 25-10-1945, Hội nghị cán bộ Xứ uỷ Nam Bộ họp tại Thiên Hộ, Cái Bè, Mỹ Tho. Tham dự Hội nghị có các đồng chí: Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Nguyễn Thị Thập, Trần Văn Giàu, Lê Văn Lương Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn Linh... Đồng chí Hoàng Quốc Việt thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng dự Hội nghị. Hội nghị thảo luận kế hoạch và biện pháp tổ chức lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Bằng những tri thức đã tích lũy được trong những năm tháng bị giam giữ ngoài Côn Đảo, và bằng sự khẩn cảm do nắm bắt tình hình thực tế nhanh chóng, đồng chí Lê Duẩn trình bày trước Hội nghị những ý kiến của mình về tương quan lực lượng giữa ta và địch ở Nam Bộ. Nước Pháp vừa ra khỏi cuộc chiến tranh, bị tổn thất nặng nề nhưng vẫn là một cường quốc, đang cố chiếm lại các thuộc địa để bù đắp lại những thua thiệt cả về kinh tế và danh dự. Chiến tranh với Pháp là điều khó tránh khỏi và cuộc chiến sẽ lâu dài, gian khổ. Cuộc kháng chiến của ta sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng chúng ta có lực lượng đông đảo của toàn dân. Phải dựa vững chắc vào dân để tổ chức kháng chiến. Hội nghị quyết định phải xây dựng cả Nam Bộ thành một chiến trường chung chống giặc. Các mặt trận miền Đông (bao gồm cả Sài Gòn - Chợ Lớn), miền Trung và miền Tây Nam Bộ đang dần dần được hình thành. Những cán bộ dày dặn kinh nghiệm, có khả năng về quân sự được tăng cường cho mặt trận này. Hội nghị bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Bí thư Xứ uỷ lâm thời. Đồng chí đã khiêm tốn từ chối và đề cử đồng chí Lê Duẩn đảm nhiệm trách nhiệm này. Đồng chí Tôn Đức Thắng được phân công phụ trách Ủy ban Hành chính Kháng chiến và chỉ đạo các lực lượng vũ trang².

Đề tổ chức lãnh đạo kháng chiến, Xứ uỷ Nam Bộ chủ trương phải đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, củng cố tổ chức đảng và thống nhất các lực lượng vũ trang. Ngay sau khi giành được chính quyền ở Nam Bộ, chúng ta đã thành lập 4 sư đoàn cộng hoà vệ binh gồm phần lớn là những sĩ quan, binh lính đã tham gia quân đội Nhật, Pháp, lực lượng Bình Xuyên, Hoà Hảo và một số thanh niên giàu lòng yêu nước nhưng chưa được tuyên truyền, giáo dục về lý tưởng chiến đấu. Sau khi cuộc kháng chiến nổ ra, 4 "sư đoàn" tan rã. Chủ trương của ta là phải tranh thủ lôi kéo những người còn có ý thức dân tộc, có tâm huyết gia nhập đội ngũ kháng chiến của toàn dân; hạn chế, cô lập nhưng lực lượng phá hoại. Trong đám quân tan rã đó, Nguyễn Hoà Hiệp - một thủ lĩnh Quốc dân Đảng, chỉ huy Đệ tam sư đoàn - nổi lên như một người hùng. Đã từng theo học Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc), Nguyễn Hoà Hiệp có chút ít kiến thức về quân sự. Để dẹp yên đám tàn quân này, với lòng tự tin và sự can đảm, đồng chí Lê Duẩn đã trực tiếp gặp và thuyết phục, cảm hóa Nguyễn Hoà Hiệp. Hoà mình vào cuộc sống chiến đấu ở Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn đã chiếm được lòng tin yêu, sự mến phục của đồng bào, đồng chí. Đồng chí dành nhiều thời gian về các địa phương, các cơ sở tham gia xây dựng, củng cố tổ chức đảng, chính quyền cách mạng, xây dựng các đoàn thể quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang.

Đồng chí rất coi trọng công tác mặt trận, chăm lo xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Với bộ bà ba đen giản dị, tâm khảm rắn vắt vai, đồng chí len lỏi khắp các kênh rạch chằng chịt, ăn cơm mắm cá và bông bí luộc với các bà con nông dân để hàng ngày theo dõi các nước tiến quân của địch và cuộc chiến đấu của nhân dân ta. Sau này, đồng chí nhận xét: "Ở Nam Bộ, chính quyền vừa giành được lại mất ngay vào tay thực dân Pháp. Hơn nữa, chính quyền ta giành được thông qua cuộc quật khởi của nhân dân chứ chưa gắn liền với cuộc chiến đấu của mặt trận dân tộc. Do đó, muốn bảo vệ chính quyền thì phải chăm lo xây dựng, củng cố và siết chặt đội ngũ của mặt trận dân tộc. Mặt trận Việt Minh lãnh đạo cuộc khởi nghĩa lại chia thành hai phe cũ, mới. Đảng Cộng sản lại không nắm được trọn vẹn quyền lãnh đạo. Hai phe trong Việt Minh xung đột nhau, Cao Đài hẳn học nuôi tiếc cái bánh vẽ độc lập của Nhật Bản tưởng như bánh đã đưa vào miệng rồi lại rơi ra, Hoà Hảo hung hăng muốn làm vương làm tướng. Tình hình ấy gây khó khăn cho việc xây dựng, củng cố mặt trận đoàn kết dân tộc"³.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Nam Bộ nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ và có hiệu lực của đồng bào cả nước. Khắp các địa phương, đâu đâu cũng bùng bùng khí thế, một lòng một dạ hướng về Nam Bộ đau thương và anh dũng. Những Ngày Nam Bộ, Phòng Nam Bộ xuất hiện khắp nơi để động viên sức người, sức của cho Nam Bộ đánh giặc. Những đoàn quân "Nam tiến" rầm rập lên đường vào Nam chiến đấu. Vượt lên muôn ngàn khó khăn, gian khổ, cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Nam Bộ đã làm thất bại kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp. Trong khoảng ba tháng, quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn quân địch. Cuộc kháng chiến của ta ở Nam Bộ kìm chân giặc Pháp tại vùng phía Nam đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cho cả nước có thời gian củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Nam Bộ làm sáng tỏ một chân lý mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Một đạo quân dù tối tân, làm trò trống gì được trước thái độ cương quyết của cả một dân tộc"⁴. Tháng 2-1946, Người đã thay mặt Chính phủ tặng Nam Bộ danh hiệu "Thành đồng Tổ quốc".

Ngày 6-1-1946, đồng bào cả nước nô nức tham gia bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Tại Nam Bộ và một số tỉnh khác, do tình hình chiến sự căng thẳng nên cuộc tổng tuyển cử được tổ chức sớm hơn đúng vào ngày được ấn định cũ là 23-12-1945. Nhiều nơi ở Nam Bộ, cuộc bầu cử thực sự là một cuộc chiến đấu quyết liệt. Đồng bào dũng cảm đi bỏ phiếu, bất chấp họng súng và lưỡi lê của quân thù. Tại Sài Gòn - Chợ Lớn, 45 chiến sĩ hy sinh. Đồng bào cả nước bầu ra 333 đại biểu Quốc hội. Hoà mình trong dòng người cầm lá phiếu đi làm nghĩa vụ công dân, đồng chí Lê Duẩn vui cái vui chung của những người dân, từ cuộc đời nô lệ đứng lên làm chủ đất nước.

Nhưng cũng hơn lúc nào hết, đồng chí hiểu rõ cuộc chiến đấu của nhân dân ta còn phải lâu dài, dân tộc sẽ phải chịu nhiều thử thách, cam go. Cha mẹ, vợ chồng sẽ còn phải chia ly. Lúc này chưa thể nghĩ đến hạnh phúc riêng tư. Mới mấy tháng từ địa ngục trần gian Côn Đảo trở về nhưng cũng nhiều hơn thế từng ấy năm đồng chí biến biệt xa cách quê hương, gia đình. Dòng sông Thạch Hãn nước vẫn trong xanh và xóm nghèo chợ Sãi chắc vẫn xơ xác như xưa, rồi những người thân, ai còn ai mất. Sau ngày Huế, Quảng Trị giành chính quyền, bà Lê Thị Sương đã tất tả xuôi ngược các nơi để hỏi thăm tin chồng và được cho hay đồng chí Lê Duẩn vẫn sống và hoạt động cách mạng ở Nam Bộ.

Giữa lúc cuộc kháng chiến của quân dân ta ở Nam Bộ đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng thì các đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở Nam Bộ nhận được chỉ thị ra Trung ương học tập và công tác. Trung ương Đảng và Bác Hồ đã thấy ngay trong những ngày khó khăn gian khổ đó, việc chuẩn bị cho Nam Bộ một đội ngũ cán bộ đủ sức làm tròn nhiệm vụ là một yêu cầu bức thiết. Đồng chí Lê Duẩn nhận nhiệm vụ lên đường ra Hà Nội. Đồng chí Phạm Hùng được phân công phụ trách Xứ uỷ lâm thời. Bác Tôn đã đi trước cùng đoàn với đồng chí Hoàng Quốc Việt mang theo số vàng mà bà con ở Nam Bộ đã quyên góp trong Tuần lễ vàng. Các đại biểu Quốc hội ở Nam Bộ cũng lần lượt lên đường ra Hà Nội họp phiên đầu tiên⁵.

Đồng chí Lê Duẩn và anh em trong đoàn lên đường vào một ngày cuối tháng 1-1946. Lúc này cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Nam Bộ đang ở vào thế phải giữ gìn lực lượng. Đồn bốt giặc giăng mắc khắp nơi. Tiếng súng kháng chiến chỉ còn nổ thưa thớt trong các bưng biển và các cánh rừng miền Đông. Từ Đồng Tháp Mười, các đồng chí trong đoàn phải luồn qua hệ thống đồn bốt của giặc đến miền Đông. Tại đây, đồng chí Lê Duẩn có dịp gặp lại tướng Nguyễn Bình - Nguyễn Phương Thảo, một trong những thủ lĩnh Quốc dân Đảng ở Nhà tù Côn Đảo năm xưa. Nguyễn Bình vừa rời Chiến khu Đông Triều vào Nam Bộ nhận nhiệm vụ làm Phân khu trưởng miền Đông.

Đầu năm 1946, từ Nam Bộ, thực dân Pháp đánh chiếm các trục đường giao thông, thị xã, thị trấn các tỉnh miền Nam Trung Bộ. Đồng chí liên lạc dẫn đường phải dựa vào kinh nghiệm của đồng bào địa phương để định hướng, đưa đoàn băng rừng, vượt suối, đi giữa những cánh rừng đại ngàn âm u, không dấu chân người. Mọi người đi trong những quang sáng nhạt nhoà dưới những vòm lá kín bưng. Đêm đến là màn đen dày đặc không một ánh sao trời. Để tránh đồn bốt địch, có những ngày anh em trong đoàn phải vòng lên vùng đồng bào Thượng để tiếp tục cuộc hành trình. Rong rã hàng tháng trời mới ra khỏi vùng kiểm soát của giặc Không còn liên lạc nữa, lại tự hỏi dân để tìm đường mà đi. Đến Tuy Hoà, cả đoàn được bố trí đi tàu hoả ra Hà Nội. Ngồi trên tàu xuyên Việt, đồng chí Lê Duẩn như được sống lại những ngày gian khổ, cùng đồng chí, đồng đội lặn lội khắp nơi để chấp nối lại các cơ sở cách mạng khi bị địch tiến hành khủng bố trắng sau thời kỳ Mặt trận Dân chủ 1936-1940. Những địa danh quen thuộc lùi mãi lại phía sau, những Tháp Chăm rêu phong, đèo Cù Mông ngoạn mục, dãy Hải Vân uy nghi...

Chuyến đi băng rừng, vượt suối, cuộc hành trình dài ngày bằng tàu hoả làm cho người cán bộ lãnh đạo thấy rõ sự cần thiết phải thiết lập lại và duy trì bằng được hệ thống giao thông liên lạc dọc theo chiều dài đất nước. Mãi đến khi tàu kéo còi chuẩn bị vào ga Huế, đồng chí mới kịp thấy xốn xang, rạo rực tình cảm quê hương, gia đình. Tại Huế, đồng chí gặp lại bạn bè, đồng chí những năm tháng sôi động của thời kỳ Mặt trận Dân chủ ở miền Trung. Đồng chí Tố Hữu đã ra Hà Nội nhận công tác mới. Các đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Trần Hữu Dực thông báo với đồng chí Lê Duẩn về cuộc đấu tranh giành chính quyền ở quê hương và những công việc bề bộn hôm nay. Còn chút ít thời gian, đồng chí dành cho gia đình, người thân sau 7 năm xa cách. Thật mừng vui và cũng thật xót xa khi bé Hồng, bé Muội cứ ngược ngáp gọi tiếng "Ba". Lúc chia tay, ông Hiệp lại khóc. Quảng Trị trong những tháng đầu năm vẫn còn se lạnh nhưng đã bớt mưa. Đồng chí Lê Duẩn cởi tấm áo dạ ấm áp, món quà kỷ niệm thân thiết của đồng chí Phạm Ngọc Thạch, khoác vào vai cha.

Tàu qua Quảng Bình, Vinh rồi kéo còi vào ga Thanh Hoá. Dù chưa gặp Bác Hồ và đồng chí Trường Chinh nhưng đồng chí Lê Duẩn đã hình dung thấy những khó khăn chồng chất mà cách mạng phải vượt qua. Bóng lam y dơ bẩn của đội quân ô hợp Tưởng Giới Thạch bốc mùi xú khí khắp các ngã đường miền Bắc. Mưa xuân rắc bụi trên những dãy đồi trơ sỏi đá, trên những cánh đồng phơ phất lúa chiêm xuân.

Đồng chí Lê Duẩn ra Hà Nội đứng vào dịp Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 vừa được ký kết, quân Tưởng đang hần học chuẩn bị rút về nước. Những chiếc xe nhà binh Pháp nghênh ngang trên đường phố như muốn chứng tỏ sự hiện diện của uy quyền thực dân đã một thời vang bóng. Trở lại Hà Nội lần này, một vinh dự lớn đối với đồng chí Lê Duẩn là được gặp Bác Hồ. Đây là lần đầu tiên đồng chí được gặp Người, hơn nữa lại được Người giữ ở lại và làm việc luôn trong Bắc Bộ phủ. Trong những ngày Bác chuẩn bị đi công tác xa, đồng chí thường xuyên được làm việc bên Người. Cũng như các đồng chí Tôn Đức Thắng, Nguyễn Thị Thập và những người con của chiến trường Nam Bộ, đồng chí được Người dành cho những tình cảm triu mến và sự quan tâm, chăm sóc ân cần. Đồng chí trình bày với Bác và Trung ương nhận định của mình về âm mưu thâm độc của thực dân Pháp là thôn tính toàn bộ đất nước ta.

Thực tiễn cuộc kháng chiến ở Nam Bộ cho thấy vì chưa đủ lực lượng để giành thắng lợi về quân sự, Pháp buộc phải thương lượng với ta. Nhưng rồi sớm muộn cuộc kháng chiến sẽ bùng nổ trong phạm vi cả nước. Chiến tranh sẽ xảy ra ác liệt. Cuộc chiến đấu của nhân dân ta sẽ lâu dài và gian khổ. Bác và Trung ương đồng ý với những nhận định của đồng chí Lê Duẩn. Nhưng chúng ta cũng cần phải tận dụng mọi khả năng dù nhỏ, kéo dài thời gian hoà hoãn để chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến đấu mới. Ngày 31-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường sang Pháp thực hiện chuyến thăm và công tác dài ngày. Nét lo âu hiện lên từng khuôn mặt những người đưa tiễn Bác. Nhưng rồi ai cũng tin vào uy tín và tài ứng xử của Người.

Trong tháng 4-1946, khoảng 50 cán bộ và các đại biểu Quốc hội Nam Bộ đang có mặt tại Thủ đô Hà Nội. Đồng chí Lê Duẩn được giao nhiệm vụ tổ chức lớp học cấp tốc cho anh chị em ngay tại Bắc Bộ Phủ. Đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng trực tiếp giảng bài. Đồng chí Lê Duẩn vừa làm nhiệm vụ học viên vừa hướng dẫn anh chị em học tập. Lớp học ngắn hạn nhưng ai cũng thu hoạch được những điều quý giá. Cũng từ ngày 25 đến ngày 27-5-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp hội nghị với các cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở Nam Bộ để bàn về công tác củng cố lại Đảng bộ Nam Bộ. Hội nghị chỉ rõ vị trí quan trọng của chiến trường Nam Bộ và trách nhiệm nặng nề của tổ chức đảng trong công tác lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Hội nghị quyết định: "Ba đồng chí Duẩn, Thập, Châu được hội nghị cử vào Ủy ban cải tổ Đảng bộ Nam Bộ. Các đồng chí này phải về Nam Bộ cùng các đồng chí hiện hoạt động trong Nam lập thành Ủy ban cải tổ Đảng bộ Nam Bộ"⁶. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương đã chỉ định đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ lâm thời.

Giữa năm 1946, thực dân Pháp đánh chiếm Tây Nguyên và lấn dần ra các tỉnh Nam Khu V. Chiến sự ngày càng lan rộng. Bọn thực dân ngày càng phơi bày bộ mặt cướp nước. Đồng chí Lê Duẩn được Trung ương phân công hướng dẫn phái đoàn Quốc hội và Mặt trận Liên - Việt, do Linh mục Phạm Bá Trực làm trưởng đoàn đi thăm tiền tuyến. Đoàn đã đến tận mặt trận cực Nam Trung Bộ, đến với đồng bào các dân tộc khắp dải Tây Nguyên. Đến đâu, đoàn cũng cảm nhận rõ sức nổi dậy mạnh mẽ của đồng bào mình, và tiếp cận nguồn nhựa sống tràn trề của một cao trào yêu nước. Công tác chuẩn bị kháng chiến được thấu suốt đến tận các thôn xóm, bản làng. Ụ chiến đấu được dựng lên khắp nơi. Hào lũy chạy dọc ngang các trục đường giao thông. Đêm đêm, sau lũy tre làng vang lên tiếng búa rèn vũ khí. Bà con góp cả đình đồng, lư hương cho công cuộc cứu nước.

Khi đồng chí Lê Duẩn trở lại Hà Nội thì các đại biểu Nam Bộ đã lần lượt lên đường về địa phương.

Hội nghị Phôngtenoblô tan vỡ. Thực dân Pháp đã hoàn toàn để lộ ý đồ thôn tính toàn bộ đất nước ta. Chúng đánh chiếm Tuy Hoà, kiểm soát chặt các con đường giao thông đường thủy và đường bộ vào các tỉnh phía Nam. Thủ đô Hà Nội đã hoàn thành công việc chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu quyết liệt. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng, người học trò gần gũi của Bác Hồ, đã được cử lên Việt Bắc chuẩn bị xây dựng căn cứ địa cho cuộc kháng chiến. Nam Bộ đang thiếu cán bộ, nhưng do yêu cầu của cách mạng, các đồng chí Tôn Đức Thắng, Phạm Ngọc Thạch, Dương Bạch Mai, Trần Văn Giàu và một số đồng chí khác được điều động về Trung ương nhận nhiệm vụ mới. Đồng chí Lê Duẩn lặng lẽ lên đường. Những chuyến tàu vào Nam vẫn chở đầy các chiến sĩ tình nguyện chiến đấu vì miền Nam ruột thịt. Tàu dừng lại ở các ga, đồng bào ùa lên tiếp tế cơm nước, tặng quà bánh và động viên bộ đội. Càng đi nhiều, tiếp xúc nhiều, đồng chí Lê Duẩn càng thấy rõ hơn sức mạnh quật khởi của đồng bào ta. Đồng chí xúc động mạnh khi tàu về đến Quảng Trị. Cũng như ở khắp nơi trên mọi miền đất nước, đồng bào, đồng chí ở quê nhà đang khẩn trương chuẩn bị chiến trường đánh giặc. Chiến lũy được dựng lên khắp nơi. Trước các cơ quan, công sở, những chiến sĩ sao vuông cầm lựu đạn, súng cắm lưỡi lê đứng gác, gương mặt đầy quả quyết. Đồng chí rất vui khi được biết trung đoàn chiến đấu của Quảng Trị mang tên vị anh hùng Nguyễn Thiện Thuật đã được triển khai đội hình chiến đấu, sẵn sàng đánh địch từ mọi hướng. Ghé thăm nhà được một đêm, đồng chí lại vội vã ra đi. Tại Huế, đồng chí tranh thủ làm việc với đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Bí thư Tỉnh uỷ Thừa Thiên về kế hoạch chuẩn bị kháng chiến. Giã từ Huế, cố đô cổ kính đầy ắp những kỷ niệm của một thời sôi động, đồng chí vào Quảng Ngãi. Thời gian này, Quảng Ngãi là trung tâm chỉ đạo công tác kháng chiến của miền Nam và cũng là đầu mối giao thông liên lạc với Nam Bộ. Đồng chí Cao Hồng Lãnh, phái viên của Tổng bộ Việt Minh vừa từ Nam Bộ trở về được giao nhiệm vụ tổ chức chi viện cho chiến trường cực Nam của Tổ quốc. Do những cố gắng vượt bậc của các đồng chí, nhiều chuyến hàng, chủ yếu là vũ khí đã vượt biển trót lọt để gửi vào Nam Bộ. Đồng chí Nguyễn Thị Định từ quê hương Bến Tre cũng vượt cả ngàn cây số ra tận Hà Nội nhận vũ khí. Công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ càng trở nên cấp bách. Tướng Nguyễn Sơn, hoạt động cách mạng ở Diên An, Trung Quốc vừa về nước được cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam đang mở những lớp huấn luyện cấp tốc về chính trị và quân sự cho cán bộ các tỉnh. Đồng chí Lê Duẩn cũng tham gia giảng bài cho các lớp huấn luyện này. Tài liệu chính thức không có, nhưng bằng sự hiểu biết của mình và theo tinh thần chỉ đạo của Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương, đồng chí đã trình bày cô đọng về đường lối kháng chiến của Đảng ta là phải đánh lâu dài, đánh địch toàn diện trên các mặt quân sự, chính trị, văn hoá, kinh tế, giáo dục... Và điều cốt yếu là phải huy động sức mạnh của cả dân tộc để đánh giặc. Đồng chí Nguyễn Thị Thập chưa về Nam Bộ cũng tham gia tổ chức những lớp huấn luyện cho chị em phụ nữ.

Sau ba tháng thăm Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về nước an toàn. Do yêu cầu cấp thiết của mặt trận, trước khi trở lại miền Nam đồng chí Lê Duẩn đã không được gặp lại Chủ tịch Hồ Chí Minh để nghe Người khuyên bảo, dặn dò. Đó là điều đồng chí cảm thấy nuối tiếc nhất. Thời gian được sống bên Bác thật ngắn ngủi, nhưng hình ảnh lãnh tụ đã được khắc ghi trong tâm hồn đồng chí. Thay mặt Người lãnh đạo cuộc kháng chiến ở chiến trường xa, đồng chí hiểu rõ rằng hàng ngày Bác vẫn dõi theo và cổ vũ mỗi bước đi lên của mặt trận Nam Bộ.

Lúc này tại Quảng Trị, màn mưa trắng bạc lại giăng mắc trên miền khắp dải đồi núi dọc đôi bờ sông Thạch Hãn. Bà Lê Thị Sương được cơ quan Tỉnh uỷ Quảng Trị mời lên để "lo giúp một số công việc của đoàn thể phụ nữ". Chiếc xe con đưa bà Sương với một kiện hàng vải rời thành cô, qua Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi. Bà đã hiểu được tấm lòng của các đồng chí đưa bà đến thăm chồng. Một tuần lễ trôi qua nhanh chóng, đó cũng là thời gian dài nhất hai vợ chồng được gần nhau sau bao năm cách biệt. Lúc bà Sương lên xe về Quảng Trị cũng là lúc đồng chí Lê Duẩn đi mãi về phía Nam. Bà Sương mang thai lần cuối. Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra trên phạm vi cả nước. Chiến tranh lại tiếp tục xáo trộn những cuộc đời. Trong những ngày "Bình Trị Thiên khói lửa", bé trai Lê Tùng đã ra đời bên cửa sông cùng tên với bé. Bà Sương tiễn con trai đầu lòng⁷ vào bộ đội rồi đưa bố chồng và ba con xô dạt theo dòng người tản cư.

Đầu năm 1947, đồng chí Lê Duẩn đặt chân đến núi Chứa Chan thuộc Bà Rịa, địa đầu của miền Đông Nam Bộ trong nỗi mong chờ của đồng bào, đồng chí. Đồng chí Trần Bạch Đằng kể lại: "Năm 1947, một hôm đồng chí Bính, Thư ký chấp uỷ Đoàn Thanh niên Cứu quốc, chạy vào cơ quan tôi líu lưỡi: "Anh Ba Duẩn vô Nam". Bính từng ở tù chung với anh Ba. Anh Ba theo một chiến sĩ giao liên đến cơ quan Xứ uỷ Nam Bộ trong bộ quần áo lụa đen, hành trang chỉ có chiếc túi vải và chiếc nón. Dong dong cao, da ngăm đen, đôi mắt không đều - con to con nhỏ - giọng nói khó nghe không chỉ vì anh quê Quảng Trị, mà còn vì anh nói nhanh. Đó, tất cả những gì tôi thu nhận về anh trong buổi gặp gỡ đầu tiên. Các đồng chí khác - các anh Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Kinh, Hoàng Dư Khương có vẻ quen biết anh từ trước hoặc cũng nghe tiếng anh. Tôi được các anh giới thiệu: Đồng chí Lê Duẩn, đại diện Trung ương Đảng. Điều khiến tôi kinh ngạc là ngay hôm đó, sau bữa cơm chiều anh hỏi thăm gia đình tôi, anh nhắc ông nội và ông chú tôi, nhắc người dượng thứ năm của tôi nhắc nhà sách Tân văn hoá, đường Nguyễn Tấn Nghiệp, Sài Gòn.

Từ từ nhưng sâu sắc, anh chinh phục tôi. Có lẽ đó cũng là trường hợp của anh đối với nhiều người khác, tôi muốn nói đến các trí thức trong Uỷ ban Kháng chiến Nam Bộ, bấy giờ hầu hết là người ngoài Đảng. Và tôi hiểu vì sao đồng chí Bính líu lưỡi báo tin anh vào Nam Bộ. Cuộc kháng chiến đang trải qua thời kỳ gay go. Pháp chiếm lại hầu hết các khu dân cư, lực lượng chúng ta chưa hồi phục, nội bộ kháng chiến, cả nội bộ mặt trận Việt Minh chưa thống nhất, nạn cát cứ khá phổ biến"⁸.

Cũng trong năm 1947, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ ra Chi thị số 4/NV kêu gọi mọi tầng lớp trong những vùng địch tạm chiếm ra vùng tự do tham gia kháng chiến. Hưởng ứng chi thị này hàng ngàn, hàng vạn người, đủ mọi tầng lớp: tư sản, trí thức, công nhân, lao động thành thị, công chức cao cấp của ngụy quyền đã rời bỏ gia đình yên ấm vào bưng biển, chịu gian khổ đi theo cách mạng. Căn cứ Vườn Thơm của tỉnh Chợ Lớn, một cửa ngõ vào Đồng Tháp Mười, đã trở thành nơi đón tiếp làn sóng người từ thành phố Sài Gòn đi theo cách mạng. Nhiều người đã tham gia công tác ở tỉnh Chợ Lớn. Số đông được đưa vào các cơ quan Nam Bộ, được phân công nhiều công tác khác nhau tuỳ theo năng lực.

Nhưng tại Nam Bộ, tổ chức đảng ở cấp Xứ chưa được củng cố. Xứ uỷ vẫn là Xứ uỷ lâm thời. Đảng chưa làm trọn nhiệm vụ lãnh đạo các mặt công tác kháng chiến. Đường lối kháng chiến chưa được quán triệt trong các cấp bộ đảng, các ngành và đoàn thể quần chúng.

Hội đầu kháng chiến, cơ quan Xứ uỷ và Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đóng tại miền Đông rồi chuyển về tỉnh Kiến Phong trung tâm Đồng Tháp Mười mệnh mang sông nước và bạt ngàn lau sậy. Dòng kênh Nam Ngàn thẳng băng chia đôi dòng nước. Cắt ngang dòng chính là những con kênh xáng, kênh ngang trải dài theo những hàng cây so đũa, những rặng trâm bầu. Thỉnh thoảng vài cây ô môi soi bóng bên dòng kênh với những chùm hoa đỏ ngọt. Những mái nhà dân và những lán trại của cơ quan kháng chiến lợp lá dừa nước núp kín đáo dưới màu xanh bất tận của cỏ cây, sông nước. Căn cứ Đồng Tháp Mười đã chứng kiến sự kiện quan trọng ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào kháng chiến ở Nam Bộ: Đại hội đại biểu Đảng bộ Nam Bộ đã được triệu tập và thành công tốt đẹp.

Từ giữa năm 1946, tình hình chiến sự ở Nam Bộ đã có những thay đổi đáng kể. Sau khi ký Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, thực dân Pháp phải rút quân ra ở khắp cả ba miền Trung, Nam, Bắc. Tướng Locléc, Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương dẫn 18.000 binh lính Pháp ra Bắc Bộ để làm nhiệm vụ thay thế quân Tưởng. Một số đơn vị cơ động của Pháp phải rút khỏi Nam Bộ. Lực lượng vũ trang của ta được gây dựng lại. Chiến trường Nam Bộ được chia thành ba chiến khu: Khu VII, Khu VIII và Khu IX. Bộ đội địa phương đứng chân được ở nhiều nơi làm nòng cốt và giúp đỡ phong trào chiến tranh du kích. Thanh niên hăng hái tham gia Vệ quốc quân và dân quân tự vệ. Đồng

bào ta ở Thái Lan và Lào cũng gửi về hai chí đội với đầy đủ trang bị tích cực góp phần với phong trào kháng chiến ở Nam Bộ. Trong những ngày chuẩn bị cho cuộc kháng chiến toàn quốc, quân dân Nam Bộ đã hai lần nhận được Chỉ thị của Trung ương: “Nhiệm vụ của Nam Bộ là không để cho Pháp đem hết tài sản chiếm được ở Nam Bộ đánh ra Trung, Bắc”⁹. Trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, quân dân ta ở Nam Bộ đã chiến đấu ngoan cường, góp phần tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực địch, ngăn chặn các bước tiến công của thực dân Pháp, tiêu biểu là các trận Tầm Vu (tháng 2-1947), Ô Môn (tháng 3-1947), Giồng Dừa (tháng 5-1947). Hội nghị quân sự các khu được triệu tập. Trên cơ sở những chí đội cũ, chúng ta đã xây dựng được một số trung đoàn. Bộ đội Bình Xuyên làm chủ khu rừng Sác ở miền Đông Nam Bộ như một cái gai nhức nhối trước mắt địch. Chiến khu Đồng Tháp Mười, chiến khu Đ, chiến khu rừng U Minh trở thành những căn cứ địa vững chắc cho phong trào kháng chiến ở Nam Bộ.

Trở lại Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn hiểu rõ hơn ai hết trách nhiệm nặng nề mà Trung ương và Bác Hồ giao phó, hiểu rõ niềm tin mà đồng bào, đồng chí gửi gắm nơi mình. Đồng chí vui đầu vào công việc. Trước tiên là xây dựng, củng cố hệ thống tổ chức đang trong toàn xứ vì đó là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng và kháng chiến tại Nam Bộ. Sau khi có thư của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và các cán bộ Nam Bộ từ Hà Nội trở về, hệ thống tổ chức đang được xây dựng lại và củng cố thêm một bước. Cơ sở đảng ở các địa phương được khôi phục đã đóng vai trò tích cực lãnh đạo các mặt công tác kháng chiến. Đồng chí Nguyễn Thị Thập kể lại: “Nói chung ở Mỹ Tho, Sa Đéc, Long Xuyên, Bến Tre... tôi đã đọc bức thư của Trung ương bằng tất cả tâm lòng và tình cảm, và mỗi lần đọc thư xong, tôi đã kể lại Trung ương và đồng bào miền Bắc đối với Nam Bộ đang đứng mũi chịu sào trong này như thế nào. Từ những chuyện như sáng nào miền Bắc cũng để một phút hướng về Nam, nhà nào cũng tự nguyện lập hũ gạo miền Nam”. Tôi nói với tình cảm rất xúc động, anh em đồng chí ngồi nghe đều khóc, đều hối hận, nhận ra khuyết điểm”¹⁰.

Sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương, cuối năm 1947, Đại hội đại biểu Xứ Đảng bộ Nam Bộ họp tại căn cứ của Quân khu VIII, trên kinh Năm Ngàn, xã Nhơn Ninh, huyện Mộc Hoá, tỉnh Kiến Phong thuộc Đồng Tháp Mười. Hội nghị nghiên cứu đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, đấu tranh ở nông thôn và đấu tranh ở thành thị, xây dựng lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng, xây dựng đảng, đào tạo cán bộ, xây dựng vùng giải phóng, đẩy mạnh công tác dân vận, công tác xây dựng chính quyền từ xã đến tỉnh, khu..., củng cố Mặt trận Việt Minh. Đại hội Đảng bộ chỉ rõ phải vận dụng đường lối sát với thực tế, giải quyết các mối quan hệ nhạy cảm giữa dân tộc, các tôn giáo, giữa công nông với nhân sĩ trí thức. Đảng lãnh đạo và chỉ đạo giải quyết đúng đắn cái gọi là “Mặt trận Quốc gia Liên hiệp” do địch nặn ra, đập tan chính sách “đùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” của địch. Giải quyết nhuần nhuyễn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, trên cơ sở đó thực hiện chính sách mặt trận lâu dài và nhất quán. Đây là lần đầu tiên các đồng chí ở Nam Bộ có dịp gặp gỡ nhau để cùng thảo luận chủ trương và đường lối kháng chiến ở một chiến trường xa xôi mãi tận cực Nam của Tổ quốc, thực tế cuộc chiến đấu đòi hỏi người lãnh đạo cao nhất của tổ chức đảng phải có tầm nhìn xa trông rộng, có tư duy năng động, sáng tạo và một niềm tin sắt đá. Trở lại Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn không phụ lòng tin của đồng bào, đồng chí. Những ý kiến đồng chí trình bày trước Đại hội Đảng bộ là những định hướng quan trọng cho cuộc kháng chiến. Đại hội đã bầu đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ. Đồng chí Nguyễn Văn Kinh là Phó Bí thư Thường trực Xứ uỷ. Đồng chí Trần Bạch Đằng kể lại: “Đại hội đại biểu Xứ Đảng bộ lần thứ nhất được triệu tập, bầu Xứ uỷ chính thức và anh Ba được Đại hội trực tiếp bầu làm Bí thư. Đã gần 40 năm rồi, tôi không còn nhớ thật đầy đủ nội dung của Đại hội nhưng đó là đại hội chấm dứt tình trạng phân tán trong lãnh đạo kháng chiến, đồng thời đề ra một loạt chủ trương quan trọng: mở rộng chiến tranh nhân dân, thực hiện dân chủ ở nông thôn chỉ đạo phong trào ở thành thị, theo sát đặc điểm của vùng bị chiếm đóng, tăng cường mặt trận thống nhất xây dựng các đoàn thể quần chúng và xây dựng đảng”¹¹.

Đại hội đại biểu Đảng bộ Nam Bộ khai mạc trong âm hưởng của khúc tráng ca chiến thắng tại núi rừng Việt Bắc đang dậy khắp non sông. Chiến thắng Việt Bắc Thu Đông năm 1947 là nguồn động viên khích lệ lớn lao đối với các đại biểu dự Đại hội. Nhưng cũng từ sau thất bại tại Việt Bắc, thực dân Pháp đã thay đổi chủ trương đánh nhanh, thắng nhanh bằng lối đánh lâu dài mà chúng gọi là “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”. Để thực hiện chủ trương đó, địch quay về củng cố và bình định những vùng đã chiếm đóng mà trọng tâm là đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ. Đồn bốt địch lại mọc lên như nấm. Những làng “tê” ra đời. Hàng vạn thanh niên bị bắt lính hay lừa vào dân vệ. Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ lại đứng trước những thử thách mới.

Sau những chuyến đi dọc theo chiều dài đất nước và qua thực tế những năm tháng kháng chiến, đồng chí Lê Duẩn càng thấy được tầm quan trọng của mạch máu giao thông giữa các chiến khu, giữa mọi miền với Chiến khu Việt Bắc. Dù phải băng rừng, vượt suối, phải luồn lách qua đồn bốt giặc, hệ thống giao thông liên lạc của ta vẫn không bị gián đoạn. Từ chiến trường xa xôi mãi tận cực Nam của Tổ quốc, đồng bào, đồng chí vẫn thấy như có Bác Hồ và Trung ương gần gũi bên mình. Ngay từ năm 1948, nhiều đoàn cán bộ Đảng, cán bộ quân sự, đoàn thể quần chúng được cử ra Việt Bắc báo cáo với Trung ương và Bác Hồ về cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Thiếu tướng Lê Hiến Mai (Dương Quốc Chính), Chính uỷ Quân khu Việt

Bác, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Thứ trưởng Bộ Nội vụ và nhiều đồng chí khác cũng từ Chiến khu Việt Bắc vượt Trường Sơn vào sát cánh chiến đấu với đồng bào, đồng chí ở Nam Bộ. Thư của Tổng Bí thư Trường Chinh gửi đồng chí Lê Duẩn và Xứ uỷ Nam Bộ, ngày 23-10-1948, viết: “Đồng chí Thọ, đại biểu cho Trung ương vào lần này là cốt xem xét tại chỗ để hiểu rõ vấn đề Nam Bộ, học lấy kinh nghiệm Nam Bộ, cùng đồng chí Duẩn thảo định mọi việc, đặng giúp các đồng chí chấn chỉnh Đảng bộ và giải quyết mọi vấn đề trong phạm vi có thể.

Cụ và Trung ương tin rằng với tinh thần hy sinh phấn đấu, chí công vô tư của các đồng chí, những chi thị của Trung ương sẽ được thi hành một cách tích cực, những khuyết điểm sai lầm của Đảng bộ trong này sẽ được sửa chữa nhanh chóng và kịp thời, và nhiệm vụ Trung ương trao cho các đồng chí Thọ và Duẩn sẽ được làm tròn”¹².

Lên đường từ căn cứ địa Việt Bắc và giữa tháng 9-1948, phái đoàn đồng chí Lê Đức Thọ đã vượt ngàn dặm đường, khi "xẻ dọc Trường Sơn", khi vượt sóng biển Đông, xuyên qua nhiều vùng địch tạm chiếm. Tới đầu năm 1949, phái đoàn đặt chân đến Đồng Tháp Mười, căn cứ địa nổi tiếng của Xứ uỷ và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ. Đảng bộ và quân dân Nam Bộ, trước hết ở vùng căn cứ địa, phấn khởi chào đón phái đoàn đầu tiên của Trung ương Đảng và Chính phủ. Trong những cuộc mít tinh và hội nghị cán bộ do Xứ uỷ và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ triệu tập, đồng chí Lê Đức Thọ với giọng sôi nổi, trình bày những nhận định của Trung ương về tình hình nhiệm vụ đất nước, phân tích những thắng lợi bước đầu của kháng chiến, biểu dương ý chí, sự sáng tạo của Đảng bộ và quân dân Nam Bộ. Đường lối, chính sách, đặc biệt là về đường lối đại đoàn kết dân tộc của Đảng, những ý kiến của Trung ương Đảng và Bác Hồ về phong trào kháng chiến Nam Bộ được đồng chí Lê Đức Thọ truyền đạt cặn kẽ, sinh động cùng với bài phát biểu tiếp thu quán triệt sâu sắc của đồng chí Bí thư Xứ uỷ Lê Duẩn thực sự đem đến một luồng sinh khí mới, một sức mạnh trí tuệ mới trong cán bộ, đảng viên và các nhân sĩ, trí thức Nam Bộ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Chiến khu Việt Bắc hàng ngày, hàng giờ dõi theo và kịp thời biểu dương những thành tích kháng chiến của quân dân ta ở Nam Bộ. Người gửi điện biểu dương Trung tướng Nguyễn Bình, Tư lệnh chiến trường Nam Bộ về những chiến công mà quân dân Nam Bộ và tướng Nguyễn Bình đã giành được; đồng thời Người cũng nghiêm khắc phê bình những khuyết điểm cần sửa chữa. Trung tướng Nguyễn Bình điện gửi lên Chủ tịch Hồ Chí Minh những dòng chữ như viết từ máu thịt của mình: "Nhận được điện đã thông từ lời ban khen của Cha già cho các bộ đội. Lời khuyên dỗ con rất cảm động. Xin vâng theo. Cha tin cậy lời hứa của một đứa con xa Cha, song rất tin tưởng và kính mến Cha để sửa chữa những chỗ sai lầm vì hoàn cảnh hay vô tình mắc phải”¹³.

Sau thất bại nặng nề tại chiến trường Việt Bắc, địch nhận thấy đồng bằng Nam Bộ là một vùng trọng điểm của kế hoạch bình định, chứa đựng nhiều tiềm năng cung ứng cho cuộc chiến tranh xâm lược. Chúng mở rộng những cuộc tấn công càn quét liên tục vào căn cứ Đồng Tháp Mười và các tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Tân An, Vĩnh Long. Đờ Latua được cử thay Nyo chỉ huy quân đội Pháp ở Nam Bộ. Đờ Latua cho xây dựng một hệ thống tháp canh dày đặc, 5km một tháp mẹ, 2 km một tháp con. Hệ thống tháp canh Đờ Latua được xây dựng kiên cố nhằm kiểm soát các làng ven đô thị và dọc các trục đường giao thông. Nhưng lực lượng địch cũng do đó mà bị phân tán, xé nhỏ, không chống đỡ được sức tấn công mạnh mẽ của lực lượng kháng chiến toàn dân. Nhiều cuộc hành quân càn quét của địch đã bị bẻ gãy, đặc biệt là cuộc càn quét với quy mô lớn bắt đầu từ ngày 2-6-1949. Địch huy động 11 tiểu đoàn bộ binh và lính nhảy dù mở cuộc hành quân mang tên Vêga vào căn cứ Đồng Tháp Mười. Một lần địch nhảy dù đúng căn cứ của Xứ uỷ. Hàng trăm chiếc dù từ từ rơi xuống và tiếng súng nổ ran. Tài liệu, giấy tờ, đồ dùng cần thiết được nhanh chóng đưa xuống xuống đi sơ tán. Các đồng chí Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Kinh và các đồng chí văn phòng tạm thời sơ tán qua kinh Bù ẩn giữa những đám lau sậy rậm rạp... Các cơ quan đầu não của Nam Bộ và Xứ uỷ đã khẩn trương sơ tán khỏi vùng Đồng Tháp Mười.

Quân dân ta đã chiến đấu ngoan cường, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, loại khỏi vòng chiến đấu 1.300 quân, bảo vệ an toàn căn cứ địa và cơ quan đầu não kháng chiến ở Nam Bộ. Quân dân ta còn đánh thắng địch nhiều trận giòn giã như trận Tầm Vu (lần thứ hai), trận La Bang, trận Láng Le, trận La Ngà... Hàng trăm tháp canh và đồn bốt bảo an bị tiến công, tiêu diệt. Thanh niên hăng hái xung phong vào bộ đội, tham gia dân quân du kích chiến đấu bảo vệ quê hương. Nhiều tàu thuyền của địch trên các kênh rạch bị đánh chìm. Nhiều xã ấp được giải phóng. Niềm lạc quan, tin tưởng vào thắng lợi của công cuộc kháng chiến thấm sâu trong quần chúng. Đúng như niềm tin và mong ước của đồng chí Lê Duẩn, căn cứ kháng chiến ở Nam Bộ đã được xây dựng trong lòng người.

Địch hoàn toàn thất bại, không đạt được mục đích của chúng. Xứ uỷ và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ lại trở về căn cứ Đồng Tháp Mười làm việc. Xứ uỷ nhận định không thể yên ổn làm việc lâu dài ở căn cứ Đồng Tháp Mười được, vì địa hình trống trải sẽ bị địch thường xuyên uy hiếp. Xứ uỷ quyết định dời toàn bộ các cơ quan đầu não kháng chiến của Nam Bộ về miền Tây, nơi có vùng tự do rộng lớn, dân cư đông đúc và có truyền thống cách mạng lâu đời. Địa bàn chiến lược này bao gồm các tỉnh: Bạc Liêu, Cà Mau, Rạch Giá, Hà Tiên, Sóc Trăng, Cần Thơ. Đây là vùng sông nước mênh mông, kênh rạch chằng chịt với nhiều sông ngòi lớn như các sông Cái Lớn, Cái Bé, sông Ông Đốc. Đây cũng là vùng có diện tích rừng ngập mặn khá lớn, chủ yếu là rừng tràm, rừng đước chạy dọc ven biển phía tây. Dựa vào hình thế hai khối rừng lớn là U Minh Thượng, U Minh Hạ và đặc biệt là lòng yêu

nước sâu sắc của nhân dân các tỉnh kể trên, ta đã từng bước xây dựng miền Tây thành căn cứ địa vững chắc cho nửa sau cuộc kháng chiến chống Pháp tại Nam Bộ và cho cả cuộc kháng chiến chống Mỹ sau này.

Tại căn cứ miền Tây, tháng 9-1949, Hội nghị cán bộ quân sự Nam Bộ đã được triệu tập nhằm tổng kết kinh nghiệm ba năm kháng chiến và đề ra những nhiệm vụ cụ thể nhằm kịp thời đối phó với những âm mưu, thủ đoạn đánh phá mới của địch. Tại Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn đã đọc bản báo cáo quan trọng. Nhận định tình hình quân sự của ta và địch, đồng chí chỉ rõ gần 3 năm qua, thực dân Pháp chỉ kiểm soát được các đô thị và một số vùng lân cận. Những cuộc hành quân lớn của giặc trong năm phần lớn diễn ra trong các vùng tạm bị chiếm. Tình hình ấy biểu lộ sự khủng hoảng quân số của chúng và chính sách quân sự của giặc Pháp không thu được kết quả nào về chính trị, đồng thời nói lên sức chiến đấu mạnh mẽ của ta trong vùng chiếm đóng của giặc. Mặc dầu ta còn gặp nhiều khó khăn do bọn phản động quốc tế tăng viện cho thực dân Pháp, nhưng tình hình quân sự của ta ngày một tiến triển tốt. Chúng ta đang tạo ra những điều kiện cần thiết để chuyển sang giai đoạn mới.

Về tình hình quân sự của Pháp ở Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn vạch rõ: Tuy giặc Pháp đã thu được một số kết quả như mở rộng phạm vi chiếm đóng, chế ngự giao thông tiếp tế của ta, nhất là ở Khu VII và Khu VIII, nhưng chúng cũng bị nhiều tổn thất nặng nề. Thất bại lớn nhất là chính sách quân sự của chúng không gây được một uy tín nào cho chính phủ bù nhìn Bảo Đại.

Sau khi phân tích sâu sắc những điều kiện cụ thể của Nam Bộ và nêu lên những hoạt động quân sự của ta, đồng chí Lê Duẩn nhận xét: Tình hình quân sự của ta ở Nam Bộ trong thời gian qua vẫn trong trạng thái hoàn toàn là du kích chiến. Khả năng đưa du kích chiến lên vận động chiến cũng đã có, nhưng bộ đội ta vẫn chưa tận dụng được, chưa đánh được những trận lớn tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Sở dĩ có tình trạng ấy là vì bộ đội còn chưa thoát ra khỏi tư tưởng tuyệt đối hóa du kích chủ nghĩa". Đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh, đi vào con đường hoàn toàn du kích chiến, dấn chân tại chỗ với những hình thức tác chiến du kích sẽ không nâng được trình độ tác chiến lên vận động tiêu diệt chiến.

Kiểm điểm tình hình tổ chức các lực lượng vũ trang ở Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn nêu lên mấy khuyết điểm lớn như: các khu chưa tổ chức xong ba thứ quân, tổ chức lực lượng vũ trang chưa sát với nhiệm vụ chiến lược, chiến thuật của toàn chiến trường Nam Bộ nói chung và cho từng khu, từng tỉnh, huyện nói riêng; trình độ lý luận về quân sự của cán bộ còn kém, óc địa phương và chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ còn nặng, gây trở ngại không ít cho việc xây dựng bộ đội chủ lực, cho việc kiện toàn các cấp chỉ huy. Những khuyết điểm đó đưa đến hậu quả là chiến tranh du kích không phát triển được. Sau khi chỉ rõ những khuyết điểm về các mặt quân giới, quân nhu, quân báo, kỹ thuật và kỷ luật trong bộ đội, đồng chí Lê Duẩn phân tích sâu sắc mục đích, ý nghĩa của công tác chính trị, trong đó đồng chí nhấn mạnh phải đặt địch vận, nguy vận thành một nhiệm vụ chiến lược mà ngành chính trị trong quân đội phải phụ trách. Để hoàn thành nhiệm vụ chiến lược mới, đồng chí nêu lên mấy nhiệm vụ căn bản trước mắt:

1. Chinh đốn bộ máy chỉ huy quân sự các cấp.
2. Xây dựng lại ba thứ quân theo yêu cầu của nhiệm vụ chiến lược, chiến thuật trong điều kiện cụ thể của ta.
3. Đẩy mạnh việc rèn luyện cán bộ, xây dựng bộ đội về mặt kỹ thuật và kỷ luật.
4. Tổ chức lại bộ máy quân giới, sửa đổi lại chính sách quân nhu.
5. Tăng cường công tác chính trị, nhất là công tác địch vận, vũ trang tuyên truyền.
6. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước để tiến kịp tình hình chung cả nước.

Phần cuối bản báo cáo, đồng chí Lê Duẩn phân tích vị trí quan trọng của Nam Bộ đề ra chính sách quân sự của ta ở Nam Bộ:

- Phá chính sách quân sự của địch, cụ thể là triệt phá chính quyền bù nhìn của chúng, củng cố và phát triển chính quyền của ta; phá hoại kinh tế, tài chính và giao thông, tiếp tế của địch; bảo vệ kinh tế, tài chính và giao thông, tiếp tế của ta...

- Phát động mạnh chiến tranh du kích; đưa du kích chiến tiến dần lên vận động chiến để vận động chiến có thể ngang bằng với du kích chiến.

- Ra sức xây dựng các căn cứ, vì nếu không có nó, chiến tranh du kích không biết nương tựa vào đâu để chấp hành nhiệm vụ của mình.

Về công tác đảng, đồng chí Lê Duẩn khẳng định: Phải ra sức củng cố các tổ chức đảng trong các lực lượng vũ trang, không ngừng nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, thực hiện đầy đủ quyền lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với ba thứ quân, coi đó là một trong những yếu tố quyết định sự thành bại của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Bản báo cáo của đồng chí Lê Duẩn có ý nghĩa rất lớn đối với việc xác định nhiệm vụ, phương châm chiến lược, chiến thuật của quân và dân ta ở Nam Bộ. Từ đó, cuộc kháng chiến Nam Bộ có những bước phát triển mới vững chắc hơn, góp phần rất quan trọng vào thắng lợi chung của cả nước.

Sau khi chuyển căn cứ về miền Tây Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn cùng tập thể Ban Thường vụ Xứ uỷ tổ chức triển khai hàng loạt những công việc cấp bách. Hệ thống tổ chức đảng được củng cố thêm một bước. Cán bộ, đảng viên được tổ chức học tập có hệ thống hơn về đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính. Mối quan hệ giữa tổ chức đảng và quần chúng được tăng cường, cán bộ Đảng thực sự được dân yêu dân mến. Hiểu rõ sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân, đồng chí Lê Duẩn rất chú trọng công tác xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi để động viên đến mức cao nhất sức người, sức của cho kháng chiến. Các tổ chức cứu quốc được mở rộng thu hút đông đảo quần chúng, thanh niên, phụ nữ yêu nước và tất cả những ai có tinh thần dân tộc tham gia công tác kháng chiến và hoạt động ủng hộ cách mạng.

Nam Bộ là vùng đất thích hợp cho sự phô trương thế lực của các giáo phái. Bên cạnh những chùa chiền, nhà thờ của các phật tử, con chiên, đạo Cao Đài và Hoà Hảo đã nổi lớn như hai thế lực hùng hậu với hàng triệu tín đồ có lực lượng vũ trang riêng và từ lâu đã hùng cứ một số vùng nông thôn quan trọng. Việc tranh thủ lực lượng của các giáo phái là một công việc rất khó khăn và phức tạp. Thực dân Pháp ra sức lôi kéo các giáo phái chống lại lực lượng kháng chiến. Thấu suốt quan điểm quần chúng và đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, đồng chí Lê Duẩn và Ban Thường vụ Xứ uỷ chủ trương phải đoàn kết với các giáo phái để mở rộng mặt trận toàn dân đánh giặc. Phân tích nguồn gốc phát sinh của tôn giáo nói chung của đạo Cao Đài và Hoà Hảo nói riêng, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ tính nhân đạo của những vị khai đạo từ Thích Ca Mâu Ni đến Giêsu, Môhamét là muốn cứu chúng sinh khỏi trầm luân khổ ải. Nhưng điều đó chỉ thực hiện được sau khi con người qua đời, linh hồn họ được lên cõi niết bàn, lên thiên đàng hoặc hạnh phúc sẽ được bù đắp khi con người tái sinh ở kiếp sau trong vòng luân hồi. Và muốn được như thế thì trong cuộc sống hiện tại phải cam phận, nhẫn nhục, ăn hiền ở lành, tu nhân tích đức, không được dùng bạo lực để giải quyết mọi sự đã an bài do Trời, Phật đặt ra. Đồng chí Lê Duẩn khẳng định, mặt tiêu cực của các tôn giáo đã bị các giai cấp thống trị lợi dụng để ru ngủ, xoa dịu tinh thần đấu tranh chống áp bức của quần chúng nhân dân. Qua nghiên cứu tình hình tôn giáo ở Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn thấy rằng đa số tín đồ các tôn giáo đều là quần chúng nhân dân lao động. Sở dĩ họ sùng đạo, tôn thờ đạo giáo chính là do họ bị bóc lột, bất lực trước thiên nhiên cũng như các tai họa do đời sống kinh tế - xã hội đưa đến. Họ không hy vọng đạt được hạnh phúc trong cuộc sống trần thế nên cố tìm ở các đạo giáo sự giải thoát cho mình sau khi chết, hoặc hy vọng hạnh phúc cho con cháu mình sau này nhờ sự tu nhân tích đức của chính mình.

Vấn đề đặt ra cho những người cộng sản, theo đồng chí là phải thống nhất nhận thức rằng tôn giáo vẫn còn sức sống, vẫn còn người theo đạo chừng nào chúng ta chưa giải phóng quần chúng nhân dân khỏi mọi đau khổ do thiên tai và những bất công xã hội gây ra. Không thể duy ý chí, chủ quan muốn nhanh chóng xoá bỏ tôn giáo, làm như thế sẽ rơi vào âm mưu của địch. Cần phải làm cho quần chúng nhận rõ: cuộc sống âm no hạnh phúc có thể tìm được trong cuộc đấu tranh hiện tại, chứ không phải là ở kiếp sau. Hạnh phúc có thể giành được bằng chính hai bàn tay và khối óc của mình. Trên cơ sở những quan niệm của đồng chí Lê Duẩn về vấn đề tôn giáo, Xứ uỷ Nam Bộ và sau đó là Trung ương Cục miền Nam đã đề ra chính sách tôn giáo đúng đắn, thu hút được đông đảo đồng bào có đạo cùng với đồng bào không theo đạo vào Mặt trận đại đoàn kết dân tộc ở Nam Bộ. Nhờ vậy, mặc dù ở xa Trung ương nhưng Nam Bộ vẫn thực hiện thành công chính sách đại đoàn kết mà Bác Hồ và Đảng ta đã đề ra, góp phần quan trọng làm thất bại âm mưu chia rẽ của thực dân Pháp.

Nhiều cán bộ, đảng viên đã được đưa vào hoạt động, vận động quần chúng ở các vùng có đạo. Đồng chí Huỳnh Văn Trí (Mười Trí), người đảng viên cộng sản kỳ cựu từ năm 1936 đã trở thành sư thúc cầm đầu đạo Hoà Hảo ở miền Tây, nguyện xả thân vì đạo pháp và cách mạng: “Rạng ngày nghiền ngẫm kinh sấm giảng, ban đêm đọc *Kháng chiến nhất định thắng lợi*”. Ông Cao Triều Phát, một đại diện chủ, một nhân sĩ tiết tháo đứng đầu 18 giáo phái Cao Đài thống nhất, cảm phục chí lớn và tấm lòng nhân hậu của đồng chí Lê Duẩn, đã coi đồng chí như một người bạn thân thiết. Và những làng Cao Đài kháng chiến, làng Hòa Hảo kháng chiến xuất hiện ở nhiều nơi tại Nam Bộ.

Đồng chí Lê Duẩn ngày đêm suy nghĩ làm sao thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc của Bác Hồ và Trung ương Đảng, làm sao đoàn kết được phần lớn tín đồ Kitô giáo, Phật giáo, tín đồ các đạo Cao Đài, Hòa Hảo; đoàn kết các dân tộc thiểu số trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, kể cả người Hoa và người Khơme, đoàn kết tất cả các giai tầng xã hội, trong đó chú ý phát huy vai trò quan trọng của nhân sĩ trí thức Nam Bộ. Đây là những lực lượng cần đoàn kết vì phần đông là những người có tinh thần dân tộc chống đế quốc thực dân, những người có lòng yêu nước thương dân, kính trọng Bác Hồ. Trong họ cũng có một số ít có đầu óc quốc gia dân tộc hẹp hòi, không thích cộng sản, thậm chí có người có đầu óc chống cộng do bị giặc tuyên truyền xuyên tạc. Trong quá trình xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, chúng ta còn phải làm nhiều việc: vạch trần những âm mưu và luận điệu chia rẽ của kẻ thù, tranh thủ những người lầm đường như những người cầm súng trong lực lượng Bình Xuyên và các giáo phái khác, trung lập hóa những người lừng chừng, cô lập những phần tử xấu có tinh thần chống lại Tổ quốc.

Một trong những nét đặc trưng của cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở Nam Bộ chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ là đã quy tụ được rất đông đảo các nhân sĩ trí thức tham gia. Trong tài liệu *Một số ý kiến về kiểm điểm chính sách của Đảng và về các dự án, chủ trương của Trung ương* viết năm 1950 góp ý với Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, đồng chí Lê Duẩn viết: "Không thấy sự biến chuyển đó trong hàng ngũ trí thức là không hiểu rõ sức mạnh của chủ nghĩa Mác, khoa học cách mạng đang hướng dẫn sự suy nghĩ và làm giàu trí tuệ của loài người. Và do đó, chúng ta sẽ đặt không đúng mức việc sử dụng các tầng lớp trí thức và phát huy vai trò của họ trong sự nghiệp cách mạng dân chủ mới nói chung và trong việc phát triển sản xuất nói riêng"¹⁴.

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn, ta đã sẵn sàng đón tiếp và trọng dụng đội ngũ trí thức vào những chức vụ cao ngay từ khi mới thành lập Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ cũng như về sau này. Điển hình như các luật sư: Phạm Văn Bạch, Phạm Ngọc Thuần, Nguyễn Thành Vĩnh, Diệp Ba, kỹ sư Kha Vạng Cân; các bác sĩ: Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Hường; các luật sư: Nguyễn Hữu Thọ, Trịnh Đình Thảo; các giáo sư: Ca Văn Thỉnh, Phạm Thiều cùng nhiều nhà trí thức tên tuổi khác như: Lưu Hữu Phước, Huỳnh Văn Tiêng, Mai Văn Bộ, Trần Bửu Kiếm, Nguyễn Việt Nam, Ung Ngọc Kỳ, Ngô Tấn Nhơn... Ngay cả một số quan chức cao cấp làm việc cho Pháp lúc bấy giờ như các đốc phủ sứ, mà người tiêu biểu là đốc phủ sứ Phan Văn Chương, cựu Đô trưởng Sài Gòn đã từ bỏ địa vị, tài sản và tạm biệt gia đình để đi theo kháng chiến. Luật sư Diệp Ba được cử làm Giám đốc Sở Công an Nam Bộ, Phó Giám đốc là đồng chí Phạm Hùng. Giáo sư Hoàng Xuân Nhị làm Viện trưởng Viện Văn hoá miền Nam. Bác sĩ Nguyễn Văn Hường làm Giám đốc Sở Y tế Nam Bộ. Ông Cao Triều Phát làm Chủ tịch Mặt trận Liên - Việt Nam Bộ ...

Đông đảo các nhà trí thức ở lại Sài Gòn, bắt chặp sự đe dọa và mua chuộc của thực dân Pháp, nhất quyết không chịu theo giặc, cũng đã được Xứ uỷ Nam Bộ đánh giá cao và tạo điều kiện cho họ quan hệ với cách mạng, ủng hộ kháng chiến. Sự kiện hàng trăm trí thức Sài Gòn - Chợ Lớn ra tuyên ngôn và ký tên đòi Chính phủ Pháp phải thương lượng với Chính phủ Hồ Chí Minh để chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam cùng với các sự kiện khác như biểu tình thị uy, đã làm sôi sục phong trào đấu tranh của các tầng lớp trí thức và nhân dân Sài Gòn chống đế quốc xâm lược.

Ở Nam Bộ còn có rất đông người Hoa sinh sống. Xứ uỷ chủ trương thành lập Hoa kiều vụ để động viên người Hoa tham gia kháng chiến và chăm sóc quyền lợi người Hoa đúng theo chính sách, coi người Hoa như công dân Việt Nam. Trong chiến tranh, người Hoa cũng gặp những khó khăn, nguy hiểm như người Việt, nên họ tích cực tham gia vào nhiều mặt công tác, kể cả tham gia các lực lượng vũ trang. Nhiều hoạt động thiết thực được tổ chức để đoàn kết, quy tụ đông đảo bà con người Hoa tham gia kháng chiến như lập đoàn văn công diễn cả những vở nổi tiếng như *Bạch mao nữ*. Một đội võ trang tuyên truyền còn được cử sang giúp bạn ở những nơi nhiều người Hoa sinh sống ở Tây Nam Campuchia. Vùng giải phóng xuất bản báo *Giải phóng* chữ Hoa, tập san *Tài liệu Tân Trung Hoa* bằng tiếng Việt ra định kỳ in bằng giấy sếp là những sản phẩm được độc giả yêu mến đón đọc. Người Hoa ở Nam Bộ được tập hợp vào các tổ chức như Hội Giải liên, Hội Việt - Hoa hữu nghị... Phong trào và lực lượng cách mạng người Hoa ở Sài Gòn - Chợ Lớn cũng phát triển mạnh. Các đồng chí Ngô Liên và Trang Dung, Phó ban Hoa vận Trung ương Cục được cử về chỉ đạo phong trào người Hoa ở Chợ Lớn. Trần Bội Cơ (người Hoa) đã hy sinh oanh liệt trong cuộc đấu tranh của học sinh, sinh viên.

Ở các đô thị miền Nam có một số đảng viên cộng sản đến từ Trung Quốc hoặc Malaixia tham gia cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Về nhiệm vụ, phương hướng vận động người Hoa thì các đảng viên này hoàn toàn nhất trí với ta, nhưng về đảng tịch thì họ muốn giữ đảng tịch Trung Quốc, không muốn mang đảng tịch Việt Nam. Đó là một vướng mắc mà các đồng chí làm công tác Hoa vận của ta chưa tháo gỡ được. Điều đó đã được đưa lên xin chỉ thị của Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ. Đồng chí Lê Duẩn đã giải thích: Điều trọng yếu nhất là làm sao vận động được đông đảo người Hoa hăng hái cùng với người Việt tham gia kháng chiến, còn đảng tịch là chuyện thứ yếu. Hãy nói với các đồng chí ấy rằng là đảng viên cộng sản, các đồng chí ấy hãy vào cuộc đi, hãy hành động cách mạng đi, còn về đảng tịch thì các đồng chí muốn đảng tịch nào cũng được, không có gì phải băn khoăn suy nghĩ cả. Lời giải thích đó đã có tác động rất tích cực đến thái độ công tác của các đồng chí cộng sản người Hoa ở Nam Bộ.

Là người đã hoạt động nhiều năm tại các đô thị ngay từ buổi đầu dựng Đảng qua thời kỳ Mặt trận dân chủ đến những năm đầu của Chiến tranh thế giới thứ hai (1937 - 1940), đồng chí Lê Duẩn sớm nhận rõ tầm quan trọng của phong trào cách mạng tại các thành phố lớn. Từ Côn Đảo về, được phân công ở lại Nam Bộ và công tác tại Sài Gòn, đồng chí Lê Duẩn đã dành tất cả tâm huyết cùng sự hiểu biết và kinh nghiệm của mình, thông cảm, sẻ chia những gian nan, vất vả của hàng chục vạn đồng bào, phần lớn là bà con lao động đang đối mặt hằng ngày với sự tàn bạo của giặc Pháp và bẻ lũ tay sai, tận tình hướng dẫn, cổ vũ từng bước đi, nhịp thở của phong trào kháng chiến tại Sài Gòn - Chợ Lớn ngay từ khi thành phố đứng lên chiến đấu chống giặc giữ nước.

Sài Gòn - Chợ Lớn, "Hòn ngọc Viễn Đông" là đô thị lớn nhất nước, nơi tập trung tới phần nửa số thợ thuyền của cả miền Nam, lại có sự gắn bó mật thiết với vùng nông thôn rộng lớn. Từ đầu kháng chiến các cơ sở của Đảng, của các đoàn thể quần chúng, các căn cứ du kích đã sớm được xây dựng ở một số vùng ngoại ô, một số khu lao động xóm ấp ven đô và trong nội thành. Nhờ vậy, cơ quan Thành ủy và Ủy ban kháng chiến thành phố đã bám sát địa bàn để chỉ

đạo phong trào kháng chiến. Ngay tại sào huyệt quân thù, tờ báo *Chống xâm lăng* đã được phát hành và phổ biến khá rộng rãi. Trong thành phố, chúng ta đã lợi dụng được thế công khai để xây dựng lực lượng và tổ chức đấu tranh chống địch. Phong trào đấu tranh chính trị từng bước lớn lên và trở thành thế mạnh của Sài Gòn - Chợ Lớn. Ngay từ năm 1948, cả thành phố đã đẩy lên phong trào tẩy chay việc Pháp đưa Bảo Đại về nước lập chính phủ bù nhìn. Khi Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương, hàng chục vạn thợ thuyền, học sinh sinh viên, bà con lao động và trí thức đã xuống đường biểu dương lực lượng, hô vang các khẩu hiệu chống chiến tranh, chống đàn áp, chống khủng bố của thực dân Pháp, chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ. Từ khi Sài Gòn còn bị tạm chiếm, ngày đưa tang Trần Văn Ôn (9-1-1950) trở thành ngày học sinh, sinh viên toàn quốc đấu tranh chống Pháp và ngày 19-3-1950, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đuổi tàu chiến Mỹ rút chạy khỏi thành phố cũng đã trở thành ngày toàn quốc chống Mỹ. Anh chị em công nhân liên tiếp tổ chức bãi công đòi tăng lương, cải thiện đời sống và điều kiện làm việc, đòi quyền tự do dân chủ. Phong trào bãi công tiêu biểu là ở các hãng xe hơi Xitorôen, Pho, các hãng sửa chữa và đóng tàu Pax, Caric, các hãng thuốc lá Mic, Batto, Cotap, nhà máy đèn Chợ Quán...

Bên cạnh phong trào đấu tranh công khai, lực lượng vũ trang bí mật của ta ở Sài Gòn đã ra đời và lập được thành tích xuất sắc trong chiến đấu. Trong thành phố, nhiều đồn bót lẻ bị tiêu diệt; nhiều nhà hàng, khách sạn có bọn Pháp ở bị nổ tung. Nhiều tên thực dân khét tiếng gian ác và bọn Việt gian bán nước bị đèn tội như Phó Giám đốc Sở Mật thám Đông Dương, Chánh mật thám Nam Kỳ Badin, Bộ trưởng nguy quyền Vương Quang Nhưông, thủ lĩnh Thanh niên Bảo quốc đoàn Đỗ Văn Năng...

Đồng chí Lê Duẩn đánh giá cao vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân, vị trí quan trọng của bà con lao động thành phố, của giới trí thức học sinh, sinh viên, nhưng trái tim của người cộng sản vẫn hoà nhịp đập với cuộc đời của hàng triệu quần chúng nông dân, đồng chí càng thấu hiểu Tổ quốc và con người Việt Nam, và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng con người ở một nước thuộc địa nửa phong kiến. Đem lại ruộng đất cho nông dân là nội dung cơ bản của cách mạng dân chủ, đồng thời cũng là xuất phát từ chính ngay yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc, bởi vì vấn đề dân tộc thuộc địa thực chất là vấn đề nông dân¹⁵. Từ năm 1949, có *Thông tư giảm tô* của Chính phủ và Chỉ thị của Trung ương về việc tạm cấp ruộng đất của các chủ đồn điền Pháp và Việt gian cho nông dân. Chủ trương của Xứ uỷ Nam Bộ đối với việc giải quyết vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ cũng là một nét đặc sắc, sáng tạo về đường lối chiến lược cách mạng của Đảng ta, đã quy tụ được lực lượng quần chúng nông dân đồng đảo tham gia kháng chiến. Đồng chí Lê Duẩn viết: "Đối với nông dân, phải có cái gì thiết thực đối với đời sống của họ, phải có cái gì xác thực, rõ ràng hợp với ý thức dân tộc của họ, phải có cái gì cao cả, lớn lao hợp với tâm hồn của họ. Từ chủ trương cách mạng đến thành phần cấu tạo, với người sáng lập và vị lãnh tụ anh minh là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Đảng Cộng sản Đông Dương đã làm thỏa mãn những ước vọng của nông dân. Do đó, nông dân đã ủng hộ Đảng, đi theo Đảng và cùng với công nhân đẩy lên những làn sóng đấu tranh dân tộc dân chủ cực kỳ mãnh liệt mà đỉnh cao là cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945"¹⁶.

Việc giải quyết vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ không có sự tranh chấp, đấu tố, vu oan đổ máu. Chính quyền cách mạng đã tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và bọn Việt gian bán nước, đồng thời thuyết phục địa chủ kháng chiến hiến ruộng cho cách mạng; nhờ đó chính quyền mới có hàng vạn ha đất chia cấp cho nông dân cấy cấy. Bà con nông dân phấn khởi hăng hái đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Bộ mặt cuộc sống ở nông thôn Nam Bộ dần dần thay đổi. Nhiều tiểu nông đoàn sản xuất đã ra đời. Trừ miền Đông gian khổ, miền Trung và miền Tây Nam Bộ đã tự túc được lương thực và có phần dự trữ.

Về vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn nhận xét: Nông dân Nam Bộ nói chung gắn bó với ruộng đất rất sâu sắc; họ sẵn sàng bảo vệ miếng đất do chính ông bà, cha mẹ và bản thân họ khai phá tạo dựng nên. Chính xuất phát từ cách nhìn đó mà Xứ uỷ và Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã kiên quyết thi hành chính sách tạm cấp đất ruộng ở Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp và ngay trước khi rút quân tập kết theo Hiệp định Giơnevơ, ta kịp thời giao phần lớn ruộng đất trong vùng ta kiểm soát cho nông dân và cấp giấy công nhận quyền sở hữu ruộng đất cho họ. Việc làm này đã tạo một nền tảng vững chắc cho cách mạng miền Nam trong những năm khó khăn gian khổ nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ sau này.

Đối với giai cấp địa chủ, đồng chí Lê Duẩn đặt vấn đề nên phân biệt và phân hoá họ. Địa chủ Việt Nam trước hết là người Việt bị mất nước. Đồng bằng Nam Bộ có những nét đặc thù do lịch sử để lại. Một số ít địa chủ là tay sai đế quốc đã bỏ chạy vào thành, tiếp tục con đường bán nước. Những tiểu điền chủ thường vẫn trực tiếp tham gia cấy cày, trồng trọt, nhiều con em họ tham gia lực lượng kháng chiến. Họ được thực dân Pháp sử dụng nhưng bị khinh miệt. Trong họ còn có người có tinh thần dân tộc, yêu nước, nên mở lối ra cho họ. Cách nhìn rộng mở này của đồng chí Lê Duẩn đã đưa đến phong trào hiến điền ở miền Tây Nam Bộ; nhiều nghiệp chủ, điền chủ và cả con cái họ đã thoát ly gia đình theo kháng chiến.

Lúc này trong kháng chiến, Đảng đã giữ quyền lãnh đạo tuyệt đối. Trong đường lối cách mạng, để động viên tích cực của giai cấp nông dân là tầng lớp chiếm đa số ở nông thôn, Đảng chủ trương nâng cao tính chất dân chủ, cụ

thể là tập trung giải quyết vấn đề ruộng đất cho dân cày. Chính sách của ta lúc này là giải quyết quyền lợi ruộng đất cho nông dân, nhưng vẫn tranh thủ sự đồng tình của địa chủ có quan hệ với cách mạng. Do vậy, phải tăng cường công tác giáo dục quần chúng để bảo đảm đoàn kết trong hàng ngũ cách mạng. Đây là một công việc khó khăn, phức tạp, nhưng với sự chỉ đạo thường xuyên của các cấp bộ đảng, Đảng ta từng bước giải quyết thành công vấn đề ruộng đất ở Nam Bộ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Song song với chính sách về ruộng đất là chính sách thuế nông nghiệp. Đây là một cuộc vận động chính trị rộng lớn trong toàn Đảng bộ và trong nông dân. Thực hành chính sách phải qua các bước phân khoán, định hạng ruộng đất, bình sản lượng, bình biểu thuế, bình mức đóng góp, bảo đảm công bằng, dân chủ, hợp lý để cho người nông dân qua thực hiện nghĩa vụ thuế mà thấy được vị trí của mình đối với cách mạng. Cán bộ được phân công đi phát động thuế phải biết hướng dẫn cho tập thể nông dân thảo luận quyết định các mức bình nghị công bằng và dân chủ. Chi bộ Đảng lãnh đạo nông dân bình đúng, phân khoán đúng, định hạng đúng, định sản lượng đúng, định biểu thuế đúng và cuối cùng là mức đóng góp công bằng, hợp lý. Công bằng, chính xác, không thiên vị, không để ai tính toán, tự tư tự lợi gian dối, qua mặt. Còn hợp lý là cùng diện tích, cùng hạng ruộng cùng sản lượng, cùng biểu thuế, nhưng sự đóng góp nhiều ít lệ thuộc vào số nhân khẩu trong gia đình. Hộ nhiều nhân khẩu sẽ phải đóng góp ít hơn hộ ít nhân khẩu. Như vậy, đảm bảo sau khi làm nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ cho kháng chiến, cho cách mạng, nhà nào cũng còn lúa đảm bảo mức sống cho gia đình mình. Cán bộ đảng viên đã lãnh đạo hoặc trực tiếp làm công tác thuế. Nếu vì tự tư tự lợi, tiêu cực trong công tác, như lèo lái nông dân bình mức thấp để bản thân mình cũng được lợi bất chính thì tùy mức độ sai phạm mà xử lý, nếu vi phạm nặng có thể bộ khai trừ. Ai làm tốt được tuyên dương, khen thưởng. Qua đó mà củng cố Đảng, đoàn thể, nông hội. Đảng mạnh, nông dân phấn khởi, tin tưởng cách mạng, hăng hái tham gia kháng chiến. Những chính sách về nông thôn của Đảng đã nhanh chóng biến đổi bộ mặt vùng căn cứ và ảnh hưởng mạnh đến phong trào đấu tranh ở vùng du kích và vùng tạm chiếm. Hình ảnh của một vùng căn cứ cách mạng với cuộc sống tốt đẹp đã thuyết phục được đồng bào quần chúng. Chính sách của Đảng đã làm cho Đồng Tháp Mười từ một vùng đất hoang dã, người dân sống rời rạc, nghèo đói trước kia, từ một cánh đồng hoang vu "muỗi kêu như sáo thổi, đũa lênh như bánh canh" nay đã mọc lên những cánh đồng lúa xanh tốt, những xóm làng trù phú, rộn rã tiếng hò, câu hát, tiếng cười. Nhiều nơi dọc theo các con kênh chính như kênh Dương Văn Dương, Nguyễn Văn Tiếp hình thành nên những thị tứ. Có nơi như Thiên Hộ, Mỹ An trên kênh Nguyễn Văn Tiếp một thời được mệnh danh là "Sài Gòn mới". Nhưng nét đặc biệt đáng nói nhất là nếp sống lành mạnh lịch sự, văn minh.

Chi thị 4/NV năm 1947 của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ tuy có đưa đến một số phức tạp, phải giải quyết do địch cài người xấu vào hàng ngũ kháng chiến gây nên, nhưng không thể phủ nhận tác dụng lớn lao của nó trong việc đoàn kết dân tộc, cung cấp nhân tài cho kháng chiến. Trong cuộc sống hoà đồng với người nông dân Đồng Tháp Mười, những người trí thức được cách mạng dẫn dắt đã góp phần nâng cao trình độ đời sống văn hoá của nông dân Đồng Tháp Mười, từ những điều thông thường như lời ăn tiếng nói, cách thức ăn mặc đến những cái lớn lao hơn như xoá mù chữ, phòng bệnh, vệ sinh... Những bác sĩ được đào tạo từ những nhà trường của Pháp xa căn cứ kháng chiến đã hướng dẫn cho nông dân ăn dưa hai đầu để tránh lây bệnh, bỏ hẳn tập tục lạc hậu đi tiêu xuống sông rạch mà làm các hố xí hai ngăn, đổ tro có nắp đậy. Những mê tín dị đoan cũng được dứt bỏ, không còn bói toán, thầy bùa, thầy pháp. An ninh trật tự được đảm bảo, không có đĩ điếm, nhậu nhẹt say sưa, trộm cắp, cờ bạc. Có nơi như các xã Nhơn Hoà Lập, Hậu Thạch trên kênh Dương Văn Dương, người dân tự giác sống theo những quy định do mình đặt ra và chấp hành rất nghiêm túc. Đó là những là tiền đề của chính quyền tự quản ở nông thôn trong vùng giải phóng thời kháng chiến chống Mỹ sau này.

Thực hiện đường lối kháng chiến toàn diện của Đảng, đồng chí Lê Duẩn và tập thể Ban Thường vụ Xứ uỷ Nam Bộ cũng rất chú trọng nâng cao trình độ văn hóa, giáo dục cho cán bộ quần chúng cách mạng. Hệ thống trường tiểu học được xây dựng ở các vùng giải phóng. Toàn miền có các trường trung học Nguyễn Văn Tố, Thái Văn Lung, Huỳnh Phan Hộ, có Viện Văn hoá miền Nam, Tiểu ban Văn Nghệ Nam Bộ... Hàng ngày bề bộn với bao công việc của người Bí thư Xứ uỷ, đồng chí Lê Duẩn vẫn dành thời gian tìm hiểu về văn học nghệ thuật, chăm lo đời sống và công việc sáng tác của các văn nghệ sĩ. Mặc dù trong điều kiện kháng chiến ở Nam Bộ hết sức khó khăn, các văn nghệ sĩ vẫn sáng tác được những tác phẩm nghệ thuật có giá trị. Những khúc ca nổi tiếng như *Lên ngàn*, *Nhạc rừng*, *Con kênh xanh xanh*, *Tiểu đoàn 307*... ra đời và chấp cánh bay xa. Nghệ sĩ Khương Mễ cầm cùi với kịch bản và những thước phim đầu tiên đặt nền móng cho ngành điện ảnh Nam Bộ... Đồng chí Lê Duẩn thích đọc Truyện Kiều, yêu thơ Nguyễn Bính và thường có những ý kiến nhận định sâu sắc về nghệ thuật. Họa sĩ Huỳnh Văn Gấm, lúc đó là đại biểu Quốc hội, Tỉnh uỷ viên tỉnh Tân An kể lại: "Anh Duẩn nói về nghệ thuật. Anh nhắc đến cuộc tranh luận giữa Hoài Thanh và Hải Triều. Theo anh, nghệ thuật có thể phản ánh gián tiếp. Không nhất thiết bức tranh nào cũng trình bày những hình ảnh công nông. Một bông hồng rung rinh dưới ánh nắng mặt trời trong sương sớm sao lại không được xem là nghệ thuật vị nhân sinh"¹⁷. Đồng chí chỉ cho các nhà văn thấy được đồng tiền trong xã hội Nguyễn Du không hoàn toàn như bản. Bên cạnh mặt xấu xa, đồng tiền còn có tác dụng thúc đẩy nền sản xuất hàng hoá phát

triển. Đồng chí viết: "Cụ Nguyễn Du muốn kéo xã hội trở lại. Vì bản chất giai cấp của cụ, cụ chỉ thấy mặt xấu của đồng tiền mà không thấy mặt tốt của nó"¹⁸.

Trong sự phát triển chung của kháng chiến, ngành y tế ở Nam Bộ cũng không ngừng phát triển cả bề rộng và bề sâu, cả về tổ chức mạng lưới, về chuyên môn, kỹ thuật, về khám chữa bệnh, về vệ sinh phòng dịch, về sản xuất thuốc men và đào tạo cán bộ. Trong vùng giải phóng, tỉnh nào, huyện nào cũng có bệnh xá. Cấp khu và xứ có quân y viện và dân y viện. Nhiều xã có nhà hộ sinh. Một số chuyên khoa được hình thành và phát triển như khoa răng do bác sĩ Nguyễn Văn Thủ, khoa mắt và tai mũi họng do bác sĩ Lý Văn Thân phụ trách. Khoa phẫu thuật chiến thương được nâng lên rất cao. Phương pháp cấy Philatốp trở thành niềm tự hào của ngành y tế kháng chiến. Đặc biệt, một số dịch bệnh như bệnh tả, đậu mùa đã được thanh toán ở vùng giải phóng. Đội ngũ cán bộ chuyên môn không ngừng lớn mạnh, được bổ sung nhiều cán bộ trẻ.

Theo số liệu của người Pháp, trong những năm kháng chiến trên các kênh rạch sông nước ở đồng bằng Nam Bộ có tới 10 vạn tàu, xuồng các loại. Chiếc xuồng tam bản của đồng chí Lê Duẩn cũng giống như trăm nghìn chiếc xuồng cùng loại với nó đang ngày đêm len lỏi trên dòng nước Nam Bộ. Đồng chí Lê Duẩn thường làm việc trong nhà dân, trong "cứ", nhưng cũng hay ở luôn trên xuồng để tiện đi công tác và đề phòng bắt trặc. Đồng chí Nguyễn Chánh, phụ trách công tác bảo vệ của cơ quan Xứ uỷ, có sáng kiến may cho đồng chí Lê Duẩn chiếc mũng thật lớn trùm kín cả khoang xuồng để chống muỗi. Những ngày chém vè, lội đìa, băng rừng, vượt suối, bệnh thấp khớp lại gây nhức nhối chân tay. Có những ngày thiếu gạo phải ăn củ chụp, củ mì với măng le chấm muối, hút thuốc rê Gò Vấp. Nhưng cũng từ đó, hình ảnh đồng chí Bí thư Xứ uỷ càng trở nên gần gũi, thân thiết với đồng bào Nam Bộ với cái tên giản dị: anh Ba, chú Ba và cả thằng Ba nữa. Sinh ra và lớn lên ở miền quê Quảng Trị, giọng nói ấm nặng của miền Bắc Trung Bộ, nhưng cuộc đời đồng chí đã gắn bó máu thịt với đồng bào, đồng chí Nam Bộ. Hình ảnh anh Ba đã xoá nhòa mọi mặc cảm định kiến do lịch sử để lại và bị bọn thực dân khoét sâu để tuyên truyền, xuyên tạc. Đồng bào, đồng chí Nam Bộ hiểu Anh, thương mến và tin tưởng Anh. Được đoàn thể cho phép, đồng chí đã xây dựng gia đình với chị Nguyễn Thụy Nga, người con gái đất Đồng Nai sum xuê cây trái. Chị đã làm trọn vẹn vai trò người bạn đời người đồng chí bên chồng.

Một nét đặc trưng trong tính cách con người đồng chí Lê Duẩn là rất say mê học tập, nghiên cứu và sinh hoạt lý luận, chăm lo đến công tác đào tạo cán bộ về mặt lý luận. Ngay sau Đại hội Đảng bộ Nam Bộ, đồng chí đã giao cho Ban Tuyên huấn, Ban Tổ chức - Kiểm tra cùng Văn phòng Xứ uỷ chuẩn bị chương trình huấn luyện tuyển chọn cán bộ đi học, chuẩn bị địa điểm, lo cơ sở vật chất cho các lớp học lý luận. Năm 1949, trường huấn luyện cán bộ mang tên đồng chí Trường Chinh khoá I đã khai giảng. Hàng trăm học viên của các tỉnh, thành từ Bình Thuận trở vào tận mũi Cà Mau đã lần lượt đến học.

Qua học tập, bồi dưỡng, học viên đều trưởng thành về lý luận chính trị, nắm vững nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ trong kháng chiến chống thực dân Pháp, trau dồi thêm phẩm chất cách mạng và nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn sát với hoàn cảnh và điều kiện chiến trường Nam Bộ. Sau khoá học, cán bộ trở về các khu, các tỉnh, cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể tích cực góp phần đẩy tới sự nghiệp kháng chiến. Một số đồng chí trưởng thành vượt bậc đã được phân công đảm nhận những chức vụ chủ chốt ở các ngành, các cấp.

Thời gian này cơ quan Xứ uỷ và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đóng tại vùng Chác Bông thuộc U Minh. Từ một góc rừng nhiệt đới, giữa những cây tràm, cây đước mọc ken dày, đan chéo vào nhau, những vấn đề lý luận và thực tiễn của cuộc kháng chiến Nam Bộ tiếp tục được làm sáng tỏ. Trong các bài nói tại các lớp học chính trị, những bài giảng tại Trường Đảng Trường Chinh, những bài viết đăng tin báo *Nhân dân miền Nam*, báo *Thống nhất*, *Tap chí mácxít...*, đồng chí Lê Duẩn đã trình bày có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn của công cuộc giải phóng dân tộc. Nội dung những vấn đề đó được đồng chí viết cô đọng lại trong cuốn sách *Cách mạng dân chủ mới*. Đồng chí Lê Duẩn rất chăm lo khối đoàn kết thống nhất trong Đảng; đặc biệt chú trọng đến công tác tư tưởng. Vì vậy, giai đoạn đầu kháng chiến, đồng chí Lê Duẩn trực tiếp phụ trách công tác tuyên huấn xây dựng tờ báo Đảng, chăm lo sinh hoạt đảng, đẩy mạnh phê bình và tự phê bình. Trong công tác chính đảng, đồng chí nói chính huấn phải làm cho mọi người như được tắm rửa sạch sẽ, phấn khởi, tin tưởng, đem hết sức mình để xây dựng đảng. Về sự rèn luyện của người đảng viên cộng sản, đồng chí đặt yêu cầu rất cao. Mỗi đảng viên phải luôn suy nghĩ, mỗi ngày phải nghĩ đến Đảng, làm việc có lợi cho Đảng, phải gắn bó mật thiết với quần chúng, phải luôn xứng đáng là đảng viên cộng sản, suốt đời hy sinh phấn đấu vì lợi ích của dân tộc, của đất nước. Ngày nào, giờ phút nào không nghĩ đến Đảng thì coi như chính mình đã ly khai Đảng. Phải tránh bệnh lười suy nghĩ, thụ động làm việc theo ý kiến chỉ đạo của cấp trên. Tránh việc tụng niệm các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin như tụng kinh thánh hoặc hành động theo lối mòn của những kinh nghiệm cũ.

Nhưng chính Đảng theo hình thức "đèn mờ, nửa đêm thức dậy phản tỉnh để thấy sai lầm khuyết điểm của mình" là không phù hợp. Đảng vốn cũng là con người, có cả ưu điểm và khuyết điểm. Phải tự phê bình và phê bình, thấy ưu

điểm đề tự hào và phát huy, thấy rõ khuyết điểm để ngăn ngừa, sửa chữa. Đề cao quang minh, đã phá u tối, tránh cách phê bình chỉ thấy toàn khuyết điểm dẫn tới các đảng viên ai cũng thấy mình xấu quá, nhiều lỗi lầm quá, rồi sinh ra bi quan, giảm sút ý chí chiến đấu.

Người gia nhập hàng ngũ Đảng trong thời kỳ bí mật hay trong kháng chiến, dám chịu đựng hy sinh gian khổ là ưu điểm rất cơ bản. Do đó, đứng về bản chất mà xét, các đảng viên ta đều tốt, ưu điểm là mặt chủ yếu chứ không phải khuyết điểm, sai lầm là mặt chủ yếu, trừ một số ít kẻ phản bội cách mạng, đã biến chất. Hình thức ôn nghèo kẻ khổ trong sinh hoạt nội bộ là cần thiết để giúp hiểu nhau, thương yêu nhau hơn. Nó có tính giáo dục đối với những đồng chí xuất thân từ tầng lớp khá giả, từ ghế nhà trường tham gia cách mạng, chưa hiểu rõ sự nhục nhã của cuộc đời của người dân mất nước, chưa hiểu được sự áp bức bóc lột của thực dân Pháp và địa chủ phong kiến như thế nào. Nghe kẻ khổ có tác dụng củng cố thêm tinh thần cách mạng.

Việc ôn nghèo kẻ khổ và thực hiện "ba cùng" có tác dụng vạch rõ cuộc đời tăm tối đã qua để mọi người thêm căm thù địch, nung nấu thêm quyết tâm đấu tranh xoá bỏ chế độ áp bức bóc lột. Điều đó đúng nhưng chưa đủ. Phải phác hoạ cuộc sống đẹp của tương lai một chế độ xã hội mới: được vui chơi giải trí sau những giờ lao động, được phát huy hết tài năng của mình để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đây mới là điểm chính, góp phần hình thành lý tưởng cao đẹp cho quần chúng cách mạng, hướng về tương lai tươi sáng mà phấn đấu.

Về phụ nữ Việt Nam, đồng chí nói: Phụ nữ nước ta hay lắm, tốt lắm, rất cách mạng, yêu nước, trung hậu, chung thủy, hết lòng thương yêu chồng con, đảm đang mọi việc trong gia đình. Pháp có một Giang Đạ, Việt Nam ta có hàng nghìn phụ nữ anh hùng cứu nước. Mở đầu lịch sử chống xâm lược là Hai Bà Trưng, rồi Bà Triệu. Phụ nữ nước ta không những mưu trí dũng lược trong đánh giặc mà còn khôn khéo trong nhiều chính quản lý việc nước như Thái hậu Dương Vân Nga, Vương phi Ý Lan, uyên bác, sắc sảo trong văn học như Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương...

Đồng chí còn nói về những người mẹ Việt Nam nhân hậu, đảm đang, về vai trò của người mẹ trong giáo dục con cái, ca ngợi hình ảnh cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam không nơi nào sánh nổi. Có lần đồng chí kể về chuyện Tống Khánh Linh với Tôn Trung Sơn nói về Minh Khai với Lê Hồng Phong, nhắc nhiều về người mẹ của mình với một ý ngắn gọn mà tình thương thật bao la: Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con nằm...

Năng lực tư duy ở đồng chí Lê Duẩn gần như bao trùm tất cả mọi lĩnh vực. Đồng chí Võ Văn Kiệt kể lại: "Tôi cũng được nghe nhiều đồng chí lãnh đạo trong Khu uỷ Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ nói về Anh. Mọi người, kể cả các nhà trí thức Nam Bộ tầm cỡ như Phạm Văn Bạch, Phạm Ngọc Thuần, Nguyễn Thành Vĩnh, Phạm Ngọc Thạch, Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Văn Hường, Ngô Tấn Nhơn... đều nói về anh Ba với một thái độ kính phục và quý mến, gọi Anh bằng biệt danh "ông deux cents bougies" (nghĩa là Ông hai trăm bugi)" để diễn tả sức làm việc, sự sáng suốt, uyên bác của Anh. Bất cứ về vấn đề gì, ở tầm nào, anh Ba cũng đều có thể thuyết phục được bên đối thoại"¹⁹.

Từ năm 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ bước sang giai đoạn mới. Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân đã công nhận và đã quan hệ ngoại giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Sau chiến dịch Biên giới tháng 10-1950, chúng ta đã phá vỡ thế bao vây của chủ nghĩa đế quốc đối với cách mạng Việt Nam. Tháng 2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng khai mạc tại Chiến khu Việt Bắc. Vì không ra dự Đại hội được, đồng chí Lê Duẩn đã viết tập văn kiện quan trọng góp ý với Đại hội Đảng. Văn kiện đã được đồng chí khởi thảo từ năm 1948, các đồng chí Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp mang trình Đại hội. Tài liệu góp ý với Đại hội Đảng là một bản tổng kết sâu sắc những bài học kinh nghiệm lãnh đạo đấu tranh cách mạng của Đảng ta qua các thời kỳ lịch sử: cuộc vận động thành lập Đảng, cao trào cách mạng 1930-1931, thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936-1939), cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám. Đồng chí đầu tư trí tuệ nhiều cho những vấn đề cụ thể về đường lối kháng chiến và thực tiễn cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Những ý kiến trình bày trong văn kiện là một đóng góp quý giá vào kho tàng lý luận của Đảng ta về cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam. Đại hội đã bầu vắng mặt đồng chí Lê Duẩn làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Trung ương bầu vào Bộ Chính trị. Các đồng chí đang công tác tại Nam Bộ được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương gồm có Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm là Ủy viên chính thức, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Kinh là Ủy viên dự khuyết. Đại hội quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam thay cho Xứ uỷ Nam Bộ. Đồng chí Lê Duẩn được phân công làm Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Phó Bí thư là đồng chí Lê Đức Thọ. Ủy viên là các đồng chí Nguyễn Văn Kinh (Thường trực), Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II, toàn Đảng, toàn dân ta đứng trước một khối lượng công việc đồ sộ phải làm để đẩy mạnh phong trào kháng chiến, đi tới thắng lợi quyết định. Thực hiện chủ trương của Đảng, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh phong trào đấu tranh trong vùng địch tạm chiếm, làm tê liệt nhiều hệ thống tháp canh, xây dựng những khu du kích ngay trong hậu phương quân địch. Trên mặt trận quân sự, ta mở liên tiếp những chiến dịch lớn đánh mạnh vào nơi địch sơ hở, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai và dân cư như các chiến dịch Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung và nhất là chiến dịch Tây Bắc.

Năm 1951, do yêu cầu chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, cần đẩy mạnh việc củng cố cơ sở, phát động cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, bồi dưỡng sức dân theo chỉ đạo của Trung ương, Trung ương Cục miền Nam đã tổ chức trên toàn Nam Bộ thành hai phân khu miền Tây và miền Đông, lấy sông Tiền làm ranh giới. Các khu VII, VIII, IX được giải thể. Các tỉnh, huyện sáp nhập lại lấy tên ghép như Long Châu Hà, Long Châu Sa, Gia Ninh, Thủ Biên... Trung ương Cục phân tán chỉ đạo sát hai phân khu. Đồng chí Lê Duẩn trực tiếp phụ trách phân khu miền Đông, đồng chí Lê Đức Thọ trực tiếp phụ trách phân khu miền Tây. Bộ tư lệnh Nam Bộ không còn. Tư lệnh Nguyễn Bình được điều động về Trung ương. Bộ Tư lệnh miền Tây gồm có các đồng chí Dương Quốc Chính, Tư lệnh; Phan Trọng Tuệ, Chính uỷ; Nguyễn Chánh, Phó Tư lệnh; còn miền Đông do đồng chí Trần Văn Trà làm Tư lệnh; đồng chí Phạm Hùng làm Chính uỷ; đồng chí Nguyễn Văn Vịnh làm Phó Tư lệnh. Tháng 10-1952, một trận bão lụt lớn đã tàn phá các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Nhà cửa, kho tàng, hoa màu, gia súc của nhân dân và bộ đội bị bão lũ quét sạch, nhiều người chết. Nước sông, suối dâng cao đột ngột, có nơi cao hơn 10m, cuốn phăng mọi vật mà bão còn để lại. Địch lợi dụng sự thiệt hại to lớn của ta, tiến hành càn quét ác liệt. Ta vừa phải chống địch, vừa lo cho đồng bào. Nạn đói trong dân và trong bộ đội là một tai hoạ tiếp theo, làm giảm sức chiến đấu của lực lượng kháng chiến. Tiêu chuẩn gạo của bộ đội có lúc chỉ còn 2,5kg/tháng, thậm chí không đủ gạo nấu cháo cho thương binh. Một số cán bộ và chiến sĩ dao động, bỏ ngũ. Một số dân vùng giải phóng chạy ra vùng địch. Tình hình miền Đông vô cùng khó khăn. Các tỉnh miền Trung, miền Tây đã nhiệt liệt hưởng ứng cuộc vận động giúp đỡ miền Đông Nam Bộ.

Đầu năm 1951, đồng chí Lê Duẩn chuẩn bị đi về miền Đông Nam Bộ. Miền Đông Nam Bộ gần Sài Gòn, có điều kiện chỉ đạo thuận tiện hơn đối với phong trào kháng chiến trên bình diện toàn miền Nam. Đường lên miền Đông phải đi qua các tỉnh Tà Keo, Prayviêng và Svayriêng của nước bạn Campuchia để đến Tây Ninh và Chiến khu Đ. Đường đi rất gian nan, vất vả, có đoạn đi xuồng, đoạn phải đi bộ. Đến Chiến khu Đ thuộc huyện Tân Uyên, tỉnh Thủ Biên (do hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hoà nhập lại), cơ quan đóng ở khu rừng Nhà Nai, từ đó ra đất Cuốc và Dương Hoà cũng không xa lắm, có làng xóm, có thể mua bán vài thứ thực phẩm cần thiết. Tháng 9-1951, đồng chí dự hội nghị cán bộ chủ chốt của tỉnh Thủ Biên gồm hơn 100 đại biểu. Hội nghị vừa kết thúc, đại biểu chưa về hết thì máy bay địch đến bắn phá. Do mất cảnh giác nên chúng ta đã để gián điệp của Pháp là Mai Văn Hạo trà trộn vào làm tới Tỉnh uỷ viên Đảng Dân chủ, Uỷ viên Mặt trận Liên Việt tỉnh Thủ Biên. Mai Văn Hạo bị bắt và phải đền tội. Để củng cố ngành công an, đồng chí đề nghị triệu tập hội nghị công an miền Đông Nam Bộ. Hội nghị công an miền Đông Nam Bộ được triệu tập vào tháng 11-1951. Đồng chí Lê Duẩn đã đến dự và phát biểu ý kiến về xây dựng lực lượng công an.

Một hôm bác sĩ Phạm Ngọc Thạch ở khu Sài Gòn - Chợ Lớn đến làm việc và báo cáo tình hình với đồng chí Lê Duẩn. Buổi trưa đồng chí Lê Duẩn mời cơm. Trước khi về, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch biếu 10 hộp sữa để đồng chí Lê Duẩn bồi dưỡng. Vài ngày sau, đồng chí báo cấp dưỡng nấu một nồi nước sôi, mọi người đều ngạc nhiên. Khi nước đã sôi, cấp dưỡng lên báo cáo, đồng chí bảo lấy số sữa đem ra pha cho toàn thể anh em văn phòng và trung đội bảo vệ uống. Đồng chí muốn chia đều gian khổ và cả những niềm vui nho nhỏ với tất cả mọi người.

Cuối năm 1951, đồng chí Lê Duẩn bàn với các đồng chí lãnh đạo miền Đông chuyển về Chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh) để thuận tiện làm việc. Căn cứ mới đã được chuẩn bị mọi điều kiện làm việc, nhưng về đời sống vẫn còn nhiều khó khăn. Tại đây đồng chí Lê Duẩn luôn nhắc nhở mọi người tăng gia sản xuất để phòng đói. Đồng chí cùng anh em lo trồng trọt, chăn nuôi để có thêm nguồn thực phẩm. Riêng lúa nước thì không trồng tại chỗ được nên phải đi rất xa tải từng ký gạo mang về.

Về Chiến khu Dương Minh Châu không bao lâu, đồng chí Lê Duẩn triệu tập Hội nghị các cấp để quán triệt tình hình nhiệm vụ mới, tổ chức lại các tỉnh. Tỉnh Gia Định cùng với Tây Ninh và một phần Chợ Lớn nhập lại thành tỉnh Gia - Định - Ninh. Đồng chí Tô Ký được cử làm Bí thư Tỉnh uỷ. Tại Hội nghị này, đồng chí Lê Duẩn để lại cho mọi người một ấn tượng tốt đẹp bằng sự lập luận sắc bén có sức thuyết phục mạnh mẽ, đã đưa Hội nghị đến thành công tốt đẹp, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với miền Đông Nam Bộ nói chung, đáp ứng tình hình nhiệm vụ mới trên chiến trường lúc bấy giờ.

Chiến khu Việt Bắc đang cần tập trung trí tuệ để định hướng cho dân tộc những bước đi quyết định trên chặng đường dài của cuộc kháng chiến. Đồng chí Lê Duẩn chuẩn bị lên đường ra Việt Bắc công tác. Cùng đi với đồng chí Bí thư Trung ương Cục có đồng chí Nguyễn Văn Linh. Người bạn trẻ tuổi của đồng chí Lê Duẩn năm xưa nay đã thành người cộng sự gần gũi. Am hiểu sâu sắc cuộc sống và con người Nam Bộ, dày dặn kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã tích cực giúp đồng chí Lê Duẩn lo toan những công việc hàng ngày.

Tháng 6-1952, các đồng chí Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh và một số cán bộ ra Việt Bắc theo đường Trường Sơn. Đồng chí Lê Duẩn cũng như các anh em trong đoàn đều mang theo một ít đồ dùng cá nhân. Xuất phát từ Chiến khu Dương Minh Châu, rời cứ từ trạm này đến trạm khác phải đi cả ngày, thường đi từ sáng sớm tới xế chiều. Đồng chí Lê Duẩn tự mang lấy đồ dùng cá nhân.

Đến vùng Nam Trung Bộ thì bị địch phát hiện. Chúng tung gián điệp đi dò la và tăng cường lùng sục. Nhờ những kinh nghiệm hoạt động bí mật và nhất là nhờ sự che chở, đùm bọc của đồng bào, đồng chí Lê Duẩn quyết định không đi theo con đường qua các trạm giao thông liên lạc mà ngược lên miền rừng núi, qua vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đoàn đi ngày này qua ngày khác vượt núi, trèo đèo cho tới vùng tự do Liên khu V. Đoàn dừng lại tại An Lão, Bình Định.

Qua Thừa Thiên, Quảng Trị, đến Chiến khu Ba Lòng, đồng chí Lê Duẩn lại gặp lại bạn bè đồng chí và những cơ sở cách mạng mà đồng chí đã gây dựng năm xưa. Tình cảm quê hương, gia đình lại xót thương da diết, nhưng không còn thời gian để gặp lại người thân, đồng chí gửi lời chào cảm ơn những đồng chí ở địa phương đã quan tâm, giúp đỡ đưa gia đình đến vùng tự do sinh sống. Đồng chí vui và cũng ứa nước mắt khi nghe tin cô con gái lớn Lê Minh Cừ đã trở thành một chiến sĩ giao thông và đã có lần sa vào tay giặc. Qua vùng Đức Thọ, Hà Tĩnh, đồng chí nhận được một niềm vui bất ngờ, được các đồng chí cơ sở bố trí ghé thăm người em gái, chị Lê Thị Châu. Anh em hàn huyên chỉ được nửa đêm về sáng đã phải chia tay. Qua vùng tự do Liên khu IV, đoàn dừng lại Nghệ An, Thanh Hoá. Ở mỗi nơi, đồng chí Lê Duẩn nghỉ khoảng 4-5 ngày vừa để dưỡng sức, vừa để có thì giờ trao đổi với ban lãnh đạo các liên khu về tình hình và kinh nghiệm kháng chiến. Ngày 20-11-1952, đồng chí Lê Duẩn và đoàn cán bộ Nam Bộ tới An toàn khu (ATK), nơi đặt trụ sở Văn phòng Trung ương Đảng. Đoàn được Bác Hồ đến thăm. Bác Hồ ôm hôn đồng chí Lê Duẩn. Bác hỏi thăm cả đoàn và dặn dò mọi người giữ gìn sức khoẻ vì núi rừng Việt Bắc lạnh lẽo bất thường. Sau đó, Bác nói chuyện với từng người trong đoàn.

Đồng chí Lê Duẩn báo cáo với Bác Hồ và Trung ương về phong trào kháng chiến ở Nam Bộ. Từ chiến trường xa, đồng bào, đồng chí vẫn một lòng một dạ hướng về Việt Bắc, quê hương của cách mạng, về Bác Hồ kính yêu. Đồng chí dành nhiều thời gian cùng Trung ương thảo luận về chủ trương tiến hành cải cách ruộng đất. Đồng chí trình bày những kinh nghiệm và những công việc đã làm ở Nam Bộ để đem lại ruộng đất cho nông dân. Bà con nông dân phấn khởi, tin tưởng và hăng hái đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Sau này đồng chí viết: “Đến năm 1953, khi cuộc kháng chiến bước vào thời kỳ quyết liệt nhất, Đảng chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô và tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”. Nhờ đó, tinh thần và lực lượng kháng chiến của hàng triệu nông dân được động viên mạnh mẽ, khối liên minh công nông được tăng cường, chính quyền nhân dân và mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố, sức chiến đấu của quân đội nhân dân tăng lên chưa từng thấy, mọi mặt hoạt động kháng chiến đều được đẩy mạnh”²⁰.

Thời gian ở Việt Bắc, đồng chí Lê Duẩn đã đóng góp nhiều ý kiến với Trung ương về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, công tác tuyên huấn và dân vận. Đồng chí được mời giảng bài tại Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc và các lớp huấn luyện dành cho nhân sĩ, trí thức kháng chiến. Từ cuối năm 1952 đến đầu năm 1954, đồng chí Lê Duẩn làm việc ở Chiến khu Việt Bắc, phía Quảng Nạp, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Hai mùa đông ở núi rừng Việt Bắc trời lạnh đến thấu xương. Nhà ở là vách nứa, đêm đêm gió lùa vào rất lạnh, nhưng đồng chí Lê Duẩn vẫn thấy ấm lòng vì được ở bên Bác Hồ vô vàn kính yêu.

Đến nơi làm việc của Bác Hồ và Ban Tuyên huấn Trung ương ở Tân Trào phải qua đèo De, mỗi lần đi mất vài giờ. Vì vậy, Văn phòng Trung ương có giao cho một con ngựa để đồng chí Lê Duẩn đi lại trong An toàn khu cho đỡ mệt nhọc.

Đồng chí Lê Duẩn không thạo cưỡi ngựa. Anh em thường nói đùa là ngựa của Đường Tam Tạng chỉ đi từng bước một, không biết kiệu, không biết phi. Ngựa là con vật rất thích ăn lá máng, lá này to như lá sakê và có vị ngọt. Cây máng lại cao nên thường phải chặt cả cây cho đổ xuống để lấy lá. Có lần cây bị vướng chằng chịt trên ngọn nên người phục vụ phải trèo lên để chặt, nhưng mới leo lên thì cây đổ, người bị cây đè ngất xỉu. Ít phút sau, người phục vụ có gượng về đến nhà. Đồng chí Lê Duẩn biết chuyện liền bảo đem ngựa trả lại, không đi ngựa nữa.

Tháng 6-1953, đồng chí Lê Duẩn sang Bắc Kinh để chữa bệnh, đến tháng 9-1953 về nước. Sau khi từ Trung Quốc trở về Việt Bắc, đồng chí Lê Duẩn thường xuyên làm việc bên cạnh Bác Hồ. Đầu năm 1954, Bác Hồ mời đồng chí sang nhà Bác ở Tân Trào làm việc với Người và Bộ Chính trị, từ sáng đến 22 giờ đêm. Bác mời ngủ lại cùng với các đồng chí trong Bộ Chính trị. Giường ngủ là sạp lát bằng cây bương, chỉ có chiếu lót lưng, không có nệm. Đêm lạnh thấu xương, phải đốt lửa sưởi ấm. Sáng sớm hôm sau, đồng chí Lê Duẩn chia tay Bác Hồ và các đồng chí trong Bộ Chính trị để trở về Nam Bộ công tác.

Đoàn về miền Nam cùng đồng chí Lê Duẩn gồm có thư ký, bác sĩ, bảo vệ, cần vụ, cơ yếu và điện đài, tất cả 15 người. Lần này được đi xe ô tô commăngca từ Việt Bắc đến cuối Hà Tĩnh, có đoạn đi ngày, có đoạn phải đi đêm. Đến đầu tỉnh Quảng Bình thì đoàn không đi ô tô được nữa. Từ đây, đoàn lại đi bộ theo dãy Trường Sơn, đoạn đường mà hai năm trước đã từng đi qua. Qua Quảng Trị, Thừa Thiên, đoàn dừng lại ở Chiến khu Ba Lòng, Chiến khu Dương Hoà để nghỉ ngơi và làm việc với địa phương.

Khoảng đầu tháng 3-1954, đồng chí Lê Duẩn vào đến vùng tự do Liên khu V. Sau khi làm việc với Ban Thường vụ Liên khu uỷ, đồng chí Lê Duẩn ở lại Quảng Ngãi để tham gia phụ trách lớp chính huấn chính trị cho cán bộ trung cao cấp của Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Tình hình tại các chiến trường đang có những biến động mau lẹ. Nhiều đơn vị cơ động của Pháp ở Nam Bộ được điều động lên Tây Nguyên. Quân dân ta ở Nam Bộ đang đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích. Các tiểu đoàn chủ lực và bộ đội địa phương tiến sâu vào vùng tạm chiếm tiêu diệt địch ở Lộ Mới, Tân Thuận (Long Châu Sa), Bến Tranh, Cầu Địch (Thủ Biên), Ông Tần, Hiệp Thạch (Mỹ Tho), Chắc Tứ, Bàu Gòn (Sóc Trăng), An Biên (Rạch Giá). Phong trào đào ngũ rã ngũ trong ngũ quân đang lan tràn. Nhiều đại đội Hoà Hào, Cao Đài trong quân đội Pháp bỏ về quê quán.

Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi. Hiệp nghị Giơnevơ đang họp bàn biện pháp giải quyết cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Phối hợp với mặt trận Điện Biên Phủ và các chiến trường khác, quân dân khu V đã đánh bại chiến dịch Átlăng của địch, tiến công dồn dập ở Tây Nguyên, giải phóng thị xã Kon Tum và một dải đất rộng lớn 16.000 km² với 200.000 dân. Vùng tự do Liên khu V kiên cường trong những năm kháng chiến chống Pháp đã đón đưa bao nhiêu đoàn cán bộ ra Bắc vào Nam được mở rộng, vươn dài bao gồm phần lớn cả khúc ruột miền Trung. Không có niềm vui nào lớn hơn niềm vui của những người chiến thắng đã giải phóng quê hương mình bằng những chuỗi ngày gian khổ, ác liệt với tâm lòng bền gan, quyết chí, không tiếc máu xương. Nhưng cũng không có nỗi đau nào sánh được nỗi đau này khi biết rằng ngày mai kẻ thù sẽ lại tràn đến. Hiệp định Giơnevơ đã được ký kết. Dòng sông Bến Hải vẫn trong xanh và hiền hoà như bao dòng sông khác đang ngày đêm đổ nước về biển cả đã trở thành lưỡi dao oan nghiệt tạm thời chia cắt hai miền đất nước. Đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí trong Ban Thường vụ Liên Khu uỷ vội đầu vào công việc.

Nhận Chỉ thị của Trung ương, đồng chí Lê Duẩn đi gấp vào Nam Bộ. Trong vòng tay siết chặt của các đồng chí Nguyễn Chánh²¹, Nguyễn Duy Trinh, đồng chí Lê Duẩn nghẹn ngào dặn lại: "Phải chôn giấu vũ khí, đưa người và vũ khí lên xây dựng một số căn cứ ở Tây Nguyên, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc chiến đấu mới"²². Tại Khu V, nhiều đồng chí đã được phân công ở lại bám đất, bám dân để duy trì lực lượng và gây dựng phong trào, sẵn sàng đón nhận nhiệm vụ mới.

Theo sự thu xếp của Uỷ ban Liên hiệp đình chiến, máy bay vận tải Đacôta của Pháp từ Hà Nội vào đỗ xuống sân bay Quy Nhơn để đón Phái đoàn liên lạc hiệp thương của ta từ Khu V vào Nam Bộ. Trưởng đoàn là một sĩ quan quân sự đứng tên Trương Bân (tức đồng chí Lê Duẩn). Trong đoàn còn có các đồng chí Nguyễn Thị Thập, Nguyễn Chánh²³ và một số cán bộ quân đội, công an, tuyên huấn, tổ chức, giúp việc.

Từ sông Vệ, Quảng Ngãi vào Đập Đá, Bình Định, đoàn đi bằng ô tô ray. Dọc đường vào Nam, nhân dân khắp các địa phương tung bừng đón chào hoà bình lập lại. Người ra đi tập kết giờ hai ngón tay vẫy chào người ở lại như nhấn nhủ một lời hẹn ước: Chỉ hai năm sau sẽ trở về. Xót xa và thấu hiểu sâu sắc tâm tư, nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ miền Nam khi biết chắc rằng kẻ thù sẽ rắp tâm chia cắt đất nước ta, đồng chí nhắc nhở các cấp đảng bộ phải tích cực đối phó với tình hình xấu nhất vì địch có thể xé bỏ Hiệp định Giơnevơ, thẳng tay đàn áp cách mạng miền Nam.

Chiếc Đacôta C47 cất cánh từ sân bay Gia Lâm ghé lại Quy Nhơn để đưa phái đoàn vào Nam Bộ. Máy bay tạm dừng ở sân bay Dầu Tiếng nửa giờ rồi bay tiếp về Sóc Trăng. Một chiếc tàu chạy đường sông đưa phái đoàn về ngã bảy Phụng Hiệp, nơi đặt trụ sở của Phái đoàn liên lạc hiệp thương của ta ở Nam Bộ do đồng chí Phạm Hùng phụ trách.

Đồng chí Phạm Hùng báo cáo với đồng chí Lê Duẩn tình hình Nam Bộ sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký. Sau chín năm kháng chiến, thực dân Pháp đã buộc phải thừa nhận nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta. Nhưng Hiệp định Giơnevơ cũng gây xáo trộn lớn trong đồng bào, cán bộ và chiến sĩ miền Nam. Kẻ thù hung bạo lắm. Sẽ lại có cảnh máu chảy đầu rơi. Nhưng chưa thể nói cho mọi người hiểu được. Điện của Trung ương trả lời đã chấp thuận đề nghị của đồng chí xin ở lại Nam Bộ.

Nỗi thống khổ và tiếng kêu đau thương oán hờn của đồng bào cũng là nỗi đau thương, trăn trở của những người lãnh đạo. Từ ngày 5 đến ngày 7-9-1954, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp Hội nghị bàn về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng. Hội nghị chỉ rõ: "*Kẻ thù cụ thể trước mắt của ta: đế quốc Mỹ, hiếu chiến Pháp và tay sai của chúng (cụ thể là chính phủ Ngô Đình Diệm)*"²⁴... "*Nhiệm vụ của Đảng ở miền Nam trong giai đoạn hiện tại là: lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh đòi thực hiện Hiệp định đình chiến, củng cố hoà bình, thực hiện tự do dân chủ (tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do tổ chức, tự do đi lại, v.v), cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập. Đồng thời phải lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống những hành động khủng bố, đàn áp, phá cơ sở của ta, bắt bớ cán bộ ta và quân chúng cách mạng, chống những hành động tiến công của địch, nguy, giữ lấy quyền lợi quân chúng đã giành được trong thời kỳ kháng chiến, nhất là ở những vùng căn cứ địa và vùng du kích cũ*

của ta”²⁵. Căn cứ vào đặc điểm tình hình trong giai đoạn mới của cách mạng miền Nam, Bộ Chính trị quyết định giải thể cơ quan Trung ương Cục, thành lập lại Xứ uỷ Nam Bộ.

2. Đấu tranh bảo toàn lực lượng - Xây dựng Đề cương cách mạng miền Nam

Thực hiện Nghị quyết ngày 7-9-1954 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về chuyển hướng công tác xây dựng đảng trong tình hình mới ở miền Nam, tháng 10-1954, tại căn cứ Chác Bông trong rừng U Minh, Vĩnh Thuận, tỉnh Cà Mau, Hội nghị thành lập Xứ uỷ Nam Bộ được tiến hành²⁶. Dự Hội nghị có các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam (cũ), đại diện các khu uỷ, tỉnh uỷ, cán bộ chỉ huy quân sự, lãnh đạo một số ban, ngành, đoàn thể của Trung ương Cục và Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ. Hội nghị kéo dài hơn một tháng. Đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Lê Đức Thọ chủ trì Hội nghị. Hội nghị nghe báo cáo về hoạt động chuyển quân tập kết và tình hình miền Nam; nghiên cứu, thảo luận kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ sáu (khoá II), Nghị quyết tháng 9-1954 của Bộ Chính trị Đảng, và thông qua báo cáo của Trung ương Cục trước khi kết thúc nhiệm vụ. Hội nghị đề ra những nhiệm vụ cụ thể cho các cấp uỷ đảng ở Nam Bộ.

Về nhiệm vụ cụ thể của cách mạng miền Nam, Hội nghị nêu rõ: giữ gìn và củng cố hoà bình, đòi tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, tiến tới thực hiện thống nhất độc lập trong cả nước... Phương châm công tác của cách mạng miền Nam là: kết hợp công tác bí mật với công tác công khai và nửa công khai. Tổ chức và hoạt động của Đảng phải hết sức bí mật để lãnh đạo phong trào. Tổ chức và hoạt động của phong trào quần chúng thì cần lợi dụng các hình thức công khai và nửa công khai để mở rộng phong trào. Phải khôn khéo, không chủ quan khinh địch, tránh địch khiêu khích, đề phòng mật thám, luôn luôn giữ gìn và củng cố lực lượng. Ta chuyển hình thức đấu tranh từ quân sự sang đấu tranh chính trị, vì vậy phải củng cố phát triển cơ sở nông thôn, đẩy mạnh công tác đô thị, phối hợp chặt chẽ công tác đô thị với nông thôn.

Mục đích công tác của chúng ta không phải là trực tiếp đánh đổ chính quyền của đối phương mà bắt buộc chính quyền của đối phương phải thực hiện các quyền tự do dân chủ, trong đó có quyền tham gia trực tiếp vào chính quyền đối phương. Vì vậy, phải biết phối hợp công tác trong quần chúng với công tác trong các cơ quan chính quyền của đối phương.

Về tên của mặt trận, không lấy tên là Mặt trận Liên - Việt mà lấy tên là Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam, gọi tắt là Mặt trận Thống nhất. Mặt trận phải dựa trên cơ sở quảng đại quần chúng, các cơ quan ngôn luận, văn hoá cả trong các tổ chức chính quyền của đối phương. Vì tình hình mới, nhiệm vụ và hình thức đấu tranh mới nên khả năng đấu tranh của các giai cấp, tầng lớp, đảng phái, tôn giáo có sự thay đổi. Hội nghị đã phân tích vị trí, thái độ, khả năng đấu tranh của các giai cấp tầng lớp, đảng phái, tôn giáo trong quá trình đấu tranh của Mặt trận. Từ đó đề ra đường lối chủ trương, chính sách đối với các giai cấp, tầng lớp công nhân, nông dân, tư sản dân tộc, trí thức, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, các đảng phái, tôn giáo kháng chiến, công tác đối với đồng bào Khome, Hoa kiều, đồng bào thiểu số và đồng bào miền Bắc di cư vào Nam.

Về công tác đảng, Hội nghị vạch rõ đặc điểm tình hình Đảng bộ miền Nam là từ một đảng có chính quyền, quân đội trở thành một đảng bị đặt vào tình thế phải hoạt động bất hợp pháp, bí mật, đối lập với chính quyền và quân đội địch. Đảng bộ miền Nam từ lãnh đạo đấu tranh vũ trang chuyển sang lãnh đạo đấu tranh chính trị. Nhiệm vụ chuyển hướng công tác xây dựng đảng về tư tưởng tổ chức, phương hướng công tác đều xuất phát từ đặc điểm đó. Cần phải củng cố tư tưởng, tác phong của toàn Đảng bộ để đảm bảo công tác lãnh đạo.

Hội nghị chỉ rõ một số biểu hiện tư tưởng lệch lạc cần khắc phục là:

1. Tư tưởng cầu an, dao động, sợ gian khổ, sợ nguy hiểm đến sinh mạng của mình.
2. Tư tưởng phiêu lưu, khinh thường khủng bố của địch, thiếu cảnh giác.
3. Tư tưởng công thân cá nhân anh hùng trong Đảng.

Những tác phong cần phải sửa chữa là:

- Thiếu bí mật.
- Thiếu báo cáo, điều tra, nghiên cứu học tập chỉ thị, nghị quyết của Đảng.
- Kém ý thức cảnh giác, đề phòng mật thám.

Nhiệm vụ củng cố đảng theo phương châm trọng chất lượng hơn số lượng. Cần phát triển thêm chi bộ ở các thành phố, thị xã. Công tác củng cố, xây dựng chi bộ, kiện toàn cấp uỷ, điều chỉnh cán bộ theo yêu cầu của phong trào trong hoàn cảnh bí mật.

Hội nghị thành lập Xứ uỷ Nam Bộ tháng 10-1954 cũng là cuộc họp để chia tay Các đồng chí Ung Văn Khiêm, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Kinh... đã từng hoạt động nhiều năm ở Nam Bộ ra miền Bắc nhận nhiệm vụ mới. Nhiều đồng chí khác tiếp tục ở lại Nam Bộ để xây dựng cơ sở, lãnh đạo phong trào. Hội nghị đã

xác định rõ: việc đi hay ở đều là nhiệm vụ cách mạng cao cả, từ đó coi việc chuyển quân tập kết là sự bố trí lại lực lượng, chuẩn bị cho một thế trận đấu tranh mới.

Xứ uỷ Nam Bộ gồm các đồng chí: Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Xứ uỷ; Phạm Hữu Lầu, Phó Bí thư; Hoàng Dur Khương, Thường trực Xứ uỷ. Các đồng chí trong Ban Thường vụ Xứ uỷ là: Phan Văn Đáng, Lê Toàn Thư, Nguyễn Đức Thuận, Nguyễn Văn Linh, Phạm Thái Bường, Nguyễn Minh Đường. Các đồng chí Xứ uỷ viên là Phạm Văn Xô, Phan Đức, Văn Viên. Các đồng Ủy viên dự khuyết là: Võ Văn Kiệt, Võ Văn Khánh, Mai Chí Thọ.

Hội nghị thành lập Xứ uỷ Nam Bộ mở đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ là Hội nghị lần thứ nhất và cũng là kết thúc nhiệm vụ của Trung ương Cục miền Nam trong kháng chiến chống Pháp để chuẩn bị về tư tưởng, chủ trương và biện pháp chuyển hướng hoạt động của Đảng bộ Nam Bộ bước vào giai đoạn mới. Với bộ máy tổ chức gọn nhẹ, Xứ uỷ Nam Bộ đã bám trụ hoạt động kiên cường trong điều kiện bí mật để nắm sát tình hình cách mạng miền Nam, báo cáo kịp thời những diễn biến tình hình cho Trung ương để quán triệt và cụ thể hoá mọi chủ trương của Đảng trong chỉ đạo cách mạng miền Nam.

Tại Hội nghị, Xứ uỷ Nam Bộ còn quyết định chia Nam Bộ thành ba liên Tỉnh uỷ và Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn.

Liên Tỉnh uỷ miền Tây Nam Bộ bao gồm các tỉnh: Bạc Liêu, Long Châu Hà, Vĩnh Trà, Rạch Giá, Sóc Trăng, Cần Thơ. Đồng chí Phạm Thái Bường làm Bí thư.

Liên Tỉnh uỷ miền Trung Nam Bộ bao gồm các tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Sa Đéc, Bến Tre, Gò Công, Long Xuyên, Châu Đốc, Kiến Phong, Kiến Tường. Đồng chí Nguyễn Minh Đường làm Bí thư.

Liên Tỉnh uỷ miền Đông Nam Bộ gồm các tỉnh: Gia Định, Tây Ninh, Tân An, Thủ Biên, Bà Rịa. Đồng chí Phan Đức làm Bí thư, sau đó đồng chí ra Bắc chữa bệnh, đồng chí Mai Chí Thọ làm Bí thư.

Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư.

Việc kiện toàn tổ chức đảng ở Nam Bộ đã giúp Trung ương nắm vững hơn tình hình ở các địa phương, đồng thời tạo điều kiện để các đảng bộ tăng cường hơn nữa tính chủ động trong công tác.

Ngay sau Hội nghị thành lập Xứ uỷ, Đảng bộ Nam Bộ rút vào hoạt động bí mật và tập trung giải quyết hàng loạt công việc phải làm.

Mỹ sẽ hất cẳng Pháp và can thiệp trực tiếp vào miền Nam. Nhân dân ta sẽ phải đương đầu với tên đế quốc không lồ mà uy lực của nó bao trùm cả thế giới tư bản. Cách mạng miền Nam sẽ phải trải qua thời kỳ gian khổ và ác liệt hơn nhiều. Xứ uỷ xác định bằng mọi cách phải duy trì lực lượng chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới. Những cán bộ chưa bị lộ được phân công ở lại, nhanh chóng chuyển vào hoạt động bí mật. Vũ khí đạn dược được công khai chuyển lên tàu để đưa ra miền Bắc rồi đêm đến lại được bí mật chuyển xuống xuồng nhỏ đưa vào bờ rồi phân tán và chôn giấu các nơi. Nhiều đồng chí sẽ trở lại thành phố tìm cách luồn sâu vào các cơ quan chính quyền của địch. Mọi việc đều đòi hỏi người lãnh đạo cao nhất và tập thể cấp ủy phải quyết định nhanh chóng, thông minh và táo bạo. Những ngày tháng bộn bề bao công việc phải lo toan đó, đồng chí Lê Duẩn vẫn không quên đề nghị chuyển 50.000 tấn gạo ra ủng hộ đồng bào miền Bắc đang bị nạn đói đe dọa và 10.000 tấn gạo giúp đỡ nhân dân Campuchia. Trong những chuyến tàu chuyển quân tập kết đó cũng đã có không ít những cán bộ chiến sĩ an ninh, tình báo bí mật chuyển từ Bắc vào Nam để luồn sâu vào hậu phương quân địch chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài. Trong những năm đen tối dưới ách thống trị tàn bạo của Mỹ - Diệm, đồng chí Lê Duẩn đã nhìn thấy sự bức xúc vùng lên của quần chúng bị đàn áp, khủng bố và khả năng giành thắng lợi. Theo đồng chí, tinh thần yêu nước của người dân quyết tâm nổi dậy giành quyền làm chủ, trình độ giác ngộ của người lính cầm súng chiến đấu vì độc lập tự do là nhân tố quyết định sức mạnh tất thắng của chiến tranh cách mạng.

Lúc này chính quyền ta quản lý một số vùng tự do cũ, ngoài ra còn giải phóng thêm thị trấn Cà Mau. Đồng chí Lê Duẩn và Thường vụ Xứ uỷ chỉ đạo các cấp nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định đình chiến, bố trí chuyển quân tập kết an toàn ở các điểm như: Hàm Tân, Cao Lãnh và Chác Bàng. Cơ quan lãnh đạo được chuyển về Huyện Sứ gần Thới Bình để tiện cho việc chỉ đạo. Những chuyến tàu chuyển quân tập kết kéo còi rồi bến như kéo theo cả nỗi đau xé ruột của kẻ ở, người đi. Những người ra đi gơ hai ngón tay vẫy chào người ở lại kèm theo lời hẹn ước: chúng tôi ra đi hai năm nữa sẽ trở về²⁷. Đồng chí Lê Duẩn thấy lòng quặn đau và trào nước mắt. Một lần nữa đồng chí lại phải chia tay với những người thân. Chị Nga, cháu Vũ Anh và cả con trai Lê Kiên Thành còn đang nằm trong bụng mẹ đã lên tàu tập kết ra Bắc. Từ ngày chuyển về Huyện Sứ, đồng chí Lê Duẩn làm việc rất nhiều, nhất là về đêm. Đồng chí thường xuyên triệu tập nhiều hội nghị với các đồng chí lãnh đạo quân, dân, chính, đảng để bàn chuyển hướng về mọi mặt hoạt động cách mạng; triển khai những việc cụ thể như ai đi, ai ở; sắp xếp lại bộ máy cấp uỷ, tổ chức cơ sở của Đảng; tăng cường bộ máy tình báo để kịp gài người của ta vào hàng ngũ địch; chỉ đạo chôn giấu vũ khí như thế nào cho thuận lợi, khi cần có thể sử dụng được ngay. Bằng nhãn quan chính trị nhạy cảm, đồng chí lường trước kẻ thù sẽ phá hoại Hiệp định Giơnevơ nên đã tính tới khả năng phải kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang...

Vấn đề xây dựng và duy trì sự lãnh đạo của các tổ chức đảng và bảo tồn lực lượng có ý nghĩa sống còn đối với phong trào cách mạng. Gần 10.000 khẩu súng, điện đài đã được chôn giấu. Ngay từ tháng 8-1954, Tỉnh uỷ Tây Ninh đã được thành lập lại. Tỉnh uỷ Tây Ninh đã họp hội nghị tại ấp Lợi Hoà Đông thuộc xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng. Hội nghị đã quán triệt chủ trương của Trung ương Cục về nhanh chóng chuyển hướng tổ chức, sắp xếp lại lực lượng cán bộ; lãnh đạo đấu tranh chính trị đòi địch thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ, quyết định dời căn cứ của Tỉnh uỷ từ vùng rừng Cây Cầy xuống vùng nông thôn Trảng Bàng và Châu Thành.

Đảng bộ tỉnh lúc này có khoảng 3.000 đảng viên, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Khu uỷ miền Đông và tỉnh uỷ mới. Một số đồng chí tập kết ra Bắc, số đồng chí còn lại được phân công bố trí hoạt động trong các tổ chức hợp pháp, nửa hợp pháp và bí mật để tiếp tục lãnh đạo phong trào. Tỉnh uỷ đã củng cố các Huyện uỷ Châu Thành, Trảng Bàng, Dương Minh Châu, củng cố các chi bộ đã ấp, tiến hành chôn giấu vũ khí (trong đó có cả súng cối) như ở Dương Minh Châu chôn 105 khẩu, Trảng Bàng chôn 80 khẩu, Gia Lộc chôn 17 khẩu, Hiệp Thạch và Phước Trạch chôn 27 khẩu.

Ở Tây Ninh, đồng bào theo đạo Cao Đài chiếm tới trên nửa dân số. Trước âm mưu tiêu diệt giáo phái của địch, Tỉnh uỷ đã chủ trương đưa cán bộ vào hoạt động trong Toà thánh, tranh thủ các tầng lớp bên trên của Hội Toà thánh và chỉ cho họ biết kẻ thù chính là Mỹ - Diệm. Do có chủ trương chuyển hướng tổ chức kịp thời, Tỉnh uỷ và các cơ quan huyện uỷ vẫn kiên cường bám trụ trong dân. Các vùng căn cứ cũ ở Dương Minh Châu, Chiến khu Đ, Trảng Bàng, Bến Cầu và Tân Biên vẫn tồn tại và củng cố ngay trong vòng vây của địch.

Ở Khu VIII, nhiều cán bộ chính quyền, quân sự và công an có điều kiện bám dân đã được bố trí ở lại nhận nhiệm vụ mới. Lúc đó, số cán bộ thoát ly ở Khu VIII có tới 40.000 người. Số đi tập kết 10.000 người, số còn lại 30.000 người, trong đó có 12.000 là đảng viên (trong đó đảng viên xã, ấp đã chiếm tới 2/3). Số cán bộ, đảng viên đã được các cấp uỷ bố trí ở khắp các vùng sâu, vùng tôn giáo, dân tộc, thị xã, thị trấn. Các cơ sở đảng được tổ chức gọn nhẹ, đề cao ý thức tổ chức kỷ luật. Một số khác sinh hoạt đơn tuyến, một số bí mật trong các cơ quan huyện uỷ, tỉnh uỷ.

Thời gian 300 ngày cho kế hoạch chuyển quân tập kết cứ trôi dần. Chỉ còn khu tập kết cuối cùng ở thị trấn Sông Đốc. Một buổi tối quăng tháng 1-1955, trước sự chứng kiến của Uỷ ban Giám sát quốc tế, đồng chí Lê Duẩn cùng các đồng chí Lê Đức Thọ, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Hường, Phạm Văn Bạch... lên chiếc tàu Ba Lan Kilincki neo ở vàm Sông Đốc (Cà Mau) để tập kết ra Bắc. Đó là chuyến tập kết áp chót. Một cuộc tiễn đưa long trọng và cảm động được tổ chức trên cầu tàu. Đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Lê Đức Thọ tươi cười vẫy chào đồng bào, đồng chí ở lại. Một cụ già nói trong nước mắt: Các chú ra đi hãy đề cớ và Bác ở lại cho bà con. Theo nguyện vọng của đồng bào, các đồng chí ta đã gỡ cớ và ảnh Bác để lại. Một nắm đất miền Nam cũng được chuyển lên tàu để mang ra kính dâng Bác Hồ. Đồng đảo bà con đến dự lễ tiễn đưa, người nào nét mặt cũng đượm buồn, nhiều người không cầm được nước mắt. Tàu kéo còi chuẩn bị rời bến. Khi màn đêm buông xuống, đồng chí Lê Duẩn ôm hôn đồng chí Lê Đức Thọ và căn dặn rằng: "Anh ra thưa với Bác là tất cả đồng bào đồng chí ở trong này đều mong Bác sống lâu, mạnh khoẻ. Cho tôi gửi lời chào Bác, anh Trường Chinh và tất cả các anh ngoài đó. Tình thế này thì dễ đến mười tám, hai mươi năm nữa anh em ta mới lại gặp nhau"²⁸.

Khoảng 12 giờ đêm, khi tàu chuẩn bị nhổ neo, các đồng chí Cao Đăng Chiếm và Văn Viên dùng tàu dò bí mật đón đồng chí Lê Duẩn trở lại đất liền. Xuống tàu trở về Thới Bình, rồi đến nhà cơ sở ở rạch Bà Đặng thì đã gần sáng. Ăn sáng xong, con gái bà chủ nhà khoảng 14 tuổi nhận ra và nói với ba của cháu: "Bác này là bác Lê Duẩn, con đã thấy hình ở Đập Đá, Huyện Sứ". Thế là tối hôm đó, đồng chí Lê Duẩn xuống xuống đi theo hướng huyện Cái Nước về cơ sở nhà ông Mười Đỏ ở Tân Quang, xã Tân Hưng Tây vào lúc nửa đêm. Chủ nhà bước ra chào: "Anh Ba"! Đồng chí Lê Duẩn đổi tên là ông Chín và bắt đầu đề râu.

Sau Hiệp định Giơnevơ, một lần nữa Nam Bộ lại đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Tháng 6-1954, bị Mỹ thúc ép, Quốc trưởng bù nhìn Bảo Đại phải đồng ý đưa Ngô Đình Diệm về miền Nam làm Thủ tướng nguy quyền. Sau mấy chục năm, khi thu mình dưới bóng tử bi của Đức Chúa Trời, khi nương nhờ thế lực đồng đôla, Ngô Đình Diệm đã trở lại sân khấu chính trị miền Nam. Là một nhà độc tài với những tham vọng lớn, Ngô Đình Diệm đã đề ra một kế hoạch thâm tóm quyền hành và củng cố thế lực.

Ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, các thế lực phản động theo chân Pháp và Mỹ tràn vào Đồng Tháp Mười thả sức trả thù những người kháng chiến. Chúng đã liên tiếp gây ra cảnh đầu rơi máu chảy đối với đồng bào ta với âm mưu mục đích là tiêu diệt nhanh Việt Minh và cộng sản để hoàn toàn chiếm giữ và kiểm soát chặt chẽ vùng Đồng Tháp Mười, xoá ảnh hưởng của cách mạng, của kháng chiến ở nơi đây. Tại huyện Mộc Hoá, trong vòng một tuần đầu sau đình chiến, kẻ thù đã bắt 200 đồng bào, trong đó 72 người bị chúng tra khảo rồi thủ tiêu bằng cách xâu dây kẽm gai ném xác trôi trên kênh Dương Văn Dương và sông Vàm Cỏ Tây. Ở Thoại Sơn, quân của Hoà Hảo Cụt (tức Ba Cụt) tràn vào chiếm các xã Lương Phi, An Tức, Châu Lăng vùng Bảy Núi và tuyên bố xây dựng căn cứ chống cộng tại đây. Tháng 8-1954, Tỉnh trưởng Gò Công ra lệnh cho tay sai bắn vào đoàn biểu tình của quần chúng tay không kéo vào thị xã hoan hô hoà bình, hưởng ứng Hiệp định Giơnevơ, làm chết 20 người. Ngày 19-8-1954, bọn ác ôn ở huyện Bình Đạt tỉnh Bến Tre đã xả súng bắn vào đoàn biểu tình của 15.000 người, làm chết hàng chục đồng

bào ta ở xã Thạch Tân, huyện Mộ Cày, địch đã nổ súng vào đoàn người kéo lên quận làm 45 người chết, bắt giam 2.000 người. Ở các xã Bình Thạnh, Phong Thạnh, Long Xuyên, ngày nào chúng cũng kéo quân vây bắt cán bộ, khủng bố đồng bào, bắt 600 người, thủ tiêu 24 người ở quận lỵ Cao Lãnh, khi lực lượng tập kết vừa rút khỏi, địch đưa quân tới phá mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng còn tháo dỡ nhà hộ sinh, tượng đài liệt sĩ, các lớp học binh dân...

Cũng như nhiều địa phương khác trên khắp miền Nam, từ Quảng Trị, Thừa Thiên- Huế tới Nam Bộ, đồng bào, cán bộ ta bị Mỹ - Diêm tàn sát, khủng bố, gây nên nhiều cánh thương tâm. Điều đó càng bộc lộ rõ âm mưu phá hoại Hiệp định đình chiến của chúng. Tình hình trên đã buộc Đảng bộ và nhân dân Nam Bộ phải khẩn trương chuyển hướng hoạt động đấu tranh cho phù hợp với tình hình mới để bảo tồn lực lượng.

Dựa vào quan thầy Mỹ, được một số đơn vị quân đội và những giáo dân bị lừa gạt ủng hộ, Ngô Đình Diệm đã mở hàng loạt chiến dịch loại trừ những thế lực thân Pháp có ý định chống đối như: Cao Đài, Hoà Hảo, lực lượng Bình Xuyên. Vốn thâm thù với chủ nghĩa cộng sản, gia đình họ Ngô coi lực lượng kháng chiến của nhân dân ta như những kẻ tử thù. Hiệp định Giơnevơ vừa ký chưa ráo mực, chúng đã gây ra những vụ thảm sát đẫm máu đối với đồng bào ta ở Hướng Điền, Vĩnh Trinh, Chợ Đước... Nhiều người dân yêu nước bị giết hại dã man. Khi những chuyến tàu chuyên quân tập kết cuối cùng kéo còi rời bến, những cuộc lùng sục, bắt bớ, giam cầm diễn ra suốt ngày đêm trên khắp miền Nam. Nhiều đồng chí ta chưa kịp chuyển vùng để rút vào bí mật đã sa vào tay giặc. Không ít đồng bào, đồng chí đã hy sinh. Binh lính địch tràn cả vào bưng biển Đồng Tháp và các cánh rừng U Minh. Chúng chiếm đóng lại các đồn bốt cũ của Pháp. Chúng lùng sục bắt thanh niên đi lính chống lại đồng bào. Chúng hù dọa, mua chuộc người tham gia các tổ chức gián điệp, các tổ chức chính trị phân động ở nông thôn như "Lực lượng bảo vệ hương thôn", "Phong trào cách mạng quốc gia", "Thanh niên cộng hoà", "phụ nữ đồng phục"... Đêm đêm, khắp các thôn cùng xóm vắng, tiếng mõ giục mọi người đi họp "tổ cộng" nghe nói suốt trong tim. Xã hội miền Nam khắp thành thị, nông thôn, từ các vùng chài lưới ven biển đến cao nguyên đất đỏ xa xôi như trong cơn hoảng loạn. Người Pháp buộc phải tính đến chuyện tìm người thay thế Ngô Đình Diệm. Nhưng rồi ma lực của đồng đôla và của cơ quan tình báo CIA của Mỹ đã giúp đỡ Ngô Đình Diệm tồn tại. Ngày 23-10-1955, chúng dựng màn kịch "trưng cầu dân ý" rồi "bầu cử Quốc hội" chính thức phế truất Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống. Chưa đầy một năm, Mỹ đã căn bản đạt được mục đích biến miền Nam thành vùng đất thuộc địa kiểu mới với công thức đồng đôla cộng với bộ máy nguy quyền tay sai.

Nhận nhiệm vụ mới và sau khi chia tay với đồng chí, đồng bào cùng với người thân trong gia đình đồng chí Lê Duẩn lại lặn lội khắp các tỉnh miền Tây đã sắp xếp lại bộ máy tổ chức đảng tiếp tục phát động quần chúng đấu tranh chống âm mưu của địch. Không quản ngại khó khăn, gian khổ và sẵn sàng chấp nhận sự hy sinh, đồng chí lại đến với đồng bào cùng chia sẻ nỗi đau mất mát và xây dựng lại lực lượng cách mạng. Đồng chí thường ở trần, để râu dài với chiếc khăn rằn quấn khác trên đầu như một ông già Nam Bộ làm nghề buông câu trên sông nước. Thực hiện nghị quyết của Hội nghị Xứ uỷ, đồng chí Lê Duẩn trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng lại hệ thống các cơ quan của Đảng. Theo đề nghị của đồng chí, các nơi thực hiện kế hoạch "điều lắng": những cán bộ công tác ở địa phương đã lộ mặt cần chuyển ngay đến nơi khác. Những đồng chí ít bị lộ mặt hơn phải nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật.

Thời gian này, đồng chí Cao Đăng Chiếm phụ trách an ninh liên tỉnh miền Tây cùng với một số đồng chí ở căn cứ Bạc Liêu chịu trách nhiệm bảo vệ vòng ngoài cho đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí lãnh đạo khác của Xứ uỷ. Để giữ bí mật, đồng chí Lê Duẩn thường xuyên phải thay đổi chỗ ở từ Tân Hưng Tây đến Rạch Vộp, kênh Đòn Đông, kênh 5 Khai Long, Rạch Góc rồi về U Minh Hạ, Thới Bình, Kênh Ngang, Rạch Ruộng, Rạch Cui... Nơi ở lâu là Rạch Vộp, nhà ông Năm Diêm vì căn cứ này thuận tiện và kín đáo hơn cả. Các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Hữu Lầu, Hoàng Dư Khương, Võ Văn Kiệt thường đến làm việc với đồng chí Lê Duẩn tại đây.

Khoảng tháng 5-1955, đồng chí Lê Duẩn đến kênh 5 Khai Long gần sát biển để chữa bệnh. Vì vậy, đồng chí Phạm Văn Xô cũng đưa từ Sông Đốc xuống Khai Long một ghe lưới làm điểm gặp gỡ đồng chí Lê Duẩn, đồng thời tham gia vào việc cảnh giới. Cứ vài ba ngày đồng chí Phạm Văn Xô lại đưa đồng chí Lê Duẩn ra nghỉ tại đảo Hòn Khoai. Anh em nhỏ một số cây thuốc tại đây đem về chữa bệnh thông thường cho dân. Đồng chí Lê Duẩn đóng vai thầy lang để giao thiệp công khai với một số gia đình tốt ở vùng này. Khoảng cuối năm 1955, "ông Chín" nhận được mật báo: Địch đã biết đồng chí Lê Duẩn ở lại miền Nam, chúng đang truy tìm, bằng cách lần dò theo bước chân của những người đi theo.

Thực hiện chủ trương của Đảng về công tác củng cố và xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam, đồng chí Lê Duẩn và Xứ uỷ đã khẩn trương chỉ đạo công tác xây dựng, sắp xếp lại các cơ quan tỉnh uỷ ở Nam Bộ. Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, tại các tỉnh Nam Bộ, hàng chục nghìn cán bộ, đảng viên và chiến sĩ quân đội được bố trí ở lại, chiếm hơn phân nửa số lượng chung. Đó là những hạt nhân quy tụ quần chúng cách mạng. Tại Bến Tre, 2.000 đồng chí ở lại bám dân. Tại Tây Ninh, hầu hết cán bộ chiến sĩ ngành an ninh đều ở lại. Tại Bạc Liêu, Cà Mau, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ uỷ, từ giữa năm 1955 đã xây dựng được những đơn vị vũ trang dưới danh nghĩa

những *Đội bảo vệ hoà bình*. Quần chúng cách mạng ở nông thôn được tập hợp lại trong các hội biến tướng như *Hội đá banh, Hội múa lân, Hội đờn ca, Hội đình, Hội chùa, Hội hiếu, Hội hy, Hội vận cày, Hội vận cấy*... Tổ chức đảng ở cơ sở được chia thành chi bộ A ở vùng địa hình và chi bộ B ở trong quần chúng. Cán bộ, đảng viên được phân công bám sát địa bàn công tác, dựa chắc vào dân, phân loại quần chúng để tuyên truyền, vận động cách mạng theo phương thức “xâu chuỗi”. Nhiều cán bộ, đảng viên được phân công thâm nhập vào các cơ quan thuộc hệ thống bộ máy nguy quyền. Nhờ mưu trí và lòng can đảm, nhiều đồng chí của ta đã nắm giữ những cương vị quan trọng trong hàng ngũ địch như trong các tổ chức dân vệ, bảo an, cảnh sát, từ hội đồng hương xã ở nông thôn đến cấp huyện, tỉnh. Tại Bến Tre, chúng ta đã xây dựng được 2.000 cơ sở binh vận trong quân đội Sài Gòn.

Trong bối cảnh lịch sử mới, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta ở Nam Bộ từng bước được gây dựng lại. Những cuộc mít tinh, biểu tình, gửi thư từ kiến nghị đòi hoà bình, đòi phải thực hiện những điều khoản của Hiệp định Giơnevơ liên tiếp diễn ra. Hiệp định ký ngày 20-7-1954 thì ngày 1-8 năm đó, hơn 5.000 trí thức và đồng bào lao động Sài Gòn - Chợ Lớn rầm rộ xuống đường đấu tranh nêu cao ý chí và nguyện vọng hoà bình, đòi thi hành những điều khoản của Hiệp định và vạch trần bộ mặt phát xít của bè lũ Ngô Đình Diệm. Phong trào hoà bình ở Sài Gòn - Chợ Lớn đã diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú như biểu tình, mít tinh, kiến nghị, hội thảo, ra báo, bầu ban chấp hành ở bên trên và hàng trăm uỷ ban hoà bình ở cơ sở. Phong trào đã lôi kéo đông đảo quần chúng tham gia, kéo dài đến hết năm 1954 và gây được tiếng vang lớn. Đồng chí Lê Duẩn viết: “Nguyện vọng thiết tha của nhân dân miền Nam là giữ gìn hoà bình, thực hiện thống nhất đất nước. Chúng ta phải thấy rõ nguyện vọng hoà bình ấy của nhân dân. Chính phong trào cách mạng miền Nam có thể phát động lên và đi đến thành công được căn bản là do ta nắm chặt ngọn cờ hoà bình hợp với lòng dân”²⁹.

Sau khi đã cùng cố được thế lực, chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm công khai xé bỏ Hiệp định Giơnevơ. Tại Nam Bộ, chúng ta ép quần chúng vào những khu dinh điền, mở hàng loạt chiến dịch “diệt cộng” như: Thoại Ngọc Hầu, Bình Minh, Nguyễn Huệ, Đình Tiên Hoàng, Trương Tấn Bửu... Chúng không từ một thủ đoạn nào để đàn áp phong trào cách mạng của quần chúng. Ở miền Tây Nam Bộ, Nguyễn Lạc Hoá cầm đầu đám tàn quân của Tướng Giới Thạch nổi lên như một bầy ác quỷ với những tội ác rùng rợn: hút máu, cắt tai, móc mắt, mổ bụng, moi tim gan đồng loại.

Thời gian này, đồng chí Lê Duẩn vẫn thường đi lại giữa hai tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau. Do yêu cầu công việc, công tác bí mật không giữ được kín mãi, nhiều người đã nhận ra sự xuất hiện của đồng chí Bí thư Xứ uỷ. Nhưng rồi chính sự có mặt của đồng chí giữa lúc phong trào đang trong cơn giông bão đã giữ vững và củng cố niềm tin vào thắng lợi và là nguồn động viên, khích lệ lớn lao cho tất cả mọi người. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng sôi động của mình, đồng chí đã trải qua biết bao ngày trăn trở, bao nỗi lo toan, nhưng chắc chưa bao giờ thấy trĩu nặng như lúc đó. Sau này đồng chí thường nhắc lại: nước Việt Nam lúc ấy như hình ảnh của một thế giới thu hẹp lại. Nơi đây sẽ diễn ra một cuộc đụng đầu lịch sử giữa những lực lượng cách mạng tiên tiến nhất với một tên đế quốc khổng lồ. Đồng chí Lê Duẩn vừa lặn lội khắp nơi để chỉ đạo phong trào, vừa trăn trở suy nghĩ đến những bước đi lâu dài của cách mạng miền Nam.

Dưới sự chỉ đạo của Xứ uỷ, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta phát triển thêm những nội dung mới. Từ chủ trương đấu tranh bảo vệ hoà bình đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, quần chúng đã tham gia đấu tranh chống những hành động của chính quyền Ngô Đình Diệm trả thù, đàn áp bằng các chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”. Những cuộc mít tinh, biểu tình có tổ chức tự vệ đã mang tính bạo lực cách mạng. Tại nhiều nơi, đồng bào đã dùng gạch, gậy, gạch đá chống lại sự đàn áp của binh lính cảnh sát. Những tổ chức tự vệ công khai được thành lập dưới nhiều hình thức như đội phòng cháy chữa cháy, các đội “dân canh chống cướp”. Đây là những lực lượng nòng cốt ban đầu của những tổ chức vũ trang ở địa phương. Ở nhiều nơi nhân dân công khai đập phá các bản phiêu của địch phân phối các trò hề bầu cử, đập phá trụ sở tề xã, xé bỏ cờ nguy. Để tránh sự khùng bố của địch, nhiều cán bộ, đảng viên, bộ đội cũ và những quần chúng trung kiên đã bỏ vào bưng biển, vào các miền rừng núi lập ra những “làng rừng”, những “căn cứ lùm”, vừa sản xuất tự túc, vừa đánh địch để tự vệ. Những “làng rừng”, “căn cứ lùm” như vậy cứ tồn tại và lớn dần cho đến ngày đồng khởi. Tại các vùng có đạo, thanh niên bí mật thu gom súng đạn của bọn lính các lực lượng Cao Đài, Hoà Hảo vứt bỏ. Nhiều đồng chí lén khai lại những kho vũ khí, máy móc đã chôn trước đây với lòng căm thù nung nấu, sục sôi. Đến năm 1955, về cơ bản, bộ máy chỉ đạo của Đảng từ Xứ uỷ đến liên tỉnh uỷ, huyện uỷ, chi bộ được sắp xếp lại. Các chi bộ được phân thành loại A và B. Để duy trì hoạt động trong tình hình mới, những đồng chí bị lộ thì thực hiện “điều lắng”, chuyển sang địa phương khác, hoặc tạm ngừng hoạt động. Việc đưa người của ta vào hoạt động trong các tổ chức địch cũng được chú ý. Xứ uỷ còn chủ trương lợi dụng danh nghĩa các giáo phái để duy trì lực lượng vũ trang chống Mỹ - Diệm, tránh để địch viện cớ phá hoại Hiệp định Giơnevơ.

Đúng vào thời điểm đó, đồng chí Lê Duẩn quyết định chuyển địa bàn công tác vào giữa lòng thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn. Theo quyết định của Trung ương Sài Gòn - Chợ Lớn đã sáp nhập với Gia Định. Số cán bộ, đảng viên của đặc khu lúc đó đã lên tới con số 3.000 người. Phong trào đấu tranh công khai đang phát triển sâu trong thành phố. Sài Gòn - Chợ Lớn đã là quê hương của phong trào học sinh, sinh viên, phong trào toàn quốc chống Mỹ trong những

ngày kháng chiến chống Pháp, nay lại đi đầu trong những cuộc đấu tranh vì hoà bình và cứu trợ nạn nhân chiến tranh. Hàng chục vạn người rầm rộ xuống đường biểu dương lực lượng trong những ngày Quốc tế Lao động 1-5, ngày kỷ niệm ký kết Hiệp định Giơnevơ... Nhưng cũng do thiếu sự chỉ đạo chặt chẽ và kịp thời nên phong trào cũng bộc lộ những nhược điểm của tư tưởng chủ quan, sớm phô trương lực lượng, thiếu cảnh giác đối với những âm mưu, thủ đoạn của địch.

Tháng 11-1955, cải trang thành một ngư dân Nam Bộ trong bộ bà ba đen, tấm khăn rằn và bộ râu dài chấm ngực, đồng chí Lê Duẩn rời vùng căn cứ địa rừng U Minh lên ghe lưới về Bến Tre bằng con đường công khai. Vì nguyên tắc bảo vệ cán bộ, đồng chí ít có dịp thực hiện những chuyến đi như vậy. Vững tin ở sự dày dặn của bản thân mình và sự chí cốt của đồng bào, đồng chí như thấy mình đang đi giữa lòng dân. Mỗi lần xuống ghé bến nghỉ để mua đồ ăn thức uống, đồng chí lại lên bờ hoà nhập vào dòng người xa lạ mà gần gũi đang vất vả lo toan cuộc sống.

Đồng chí Lê Duẩn đã chọn Bến Tre - một tỉnh có vị trí khá thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở cách mạng, để dùng chân khảo sát thực tiễn phong trào cách mạng. Bến Tre nằm thu mình giữa hai dòng sông lớn là Tiền Giang và Hàm Luông, đất đai màu mỡ thích hợp với các loại cây ăn quả nhiệt đới. Rừng cây trái bốn mùa tươi xanh trải dài ngút tầm mắt theo những kênh rạch đỏ phù sa. Quần dân Bến Tre có truyền thống kiên cường trong kháng chiến chống Pháp. Sau Hiệp định Giơnevơ, phong trào cách mạng ở đây đã được khôi phục và phát triển. Những ngày ở Bến Tre, đồng chí Lê Duẩn thường làm việc và ăn ở tại xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày. Đồng chí dành nhiều thời gian trao đổi với các đồng chí Nguyễn Văn Khước, Bí thư Tỉnh uỷ và Lê Văn Chót, Phó Bí thư Tỉnh uỷ về phương hướng xây dựng và phát triển phong trào cách mạng. Đồng chí nhấn mạnh vai trò quan trọng mang tính chất quyết định của tư tưởng bạo lực cách mạng trong phương pháp đấu tranh giành chính quyền. "Đồng chí đã giúp Tỉnh uỷ nhận rõ định hướng phát triển của phong trào, vấn đề xây dựng và gom tích thực lực, quan điểm giải quyết những vấn đề cơ bản của cách mạng trong điều kiện ta không có chính quyền để nắm quần chúng, duy trì phong trào đấu tranh, tạo điều kiện chuyển lên khi xuất hiện thời cơ cách mạng. Những vấn đề trên đồng chí đã suy nghĩ và thể hiện trong bản *Đề cương cách mạng miền Nam* mà đồng chí bắt đầu khởi thảo trong thời gian ở Bến Tre"³⁰.

Thực hiện chủ trương của Xứ uỷ và chỉ thị của đồng chí Lê Duẩn, Đảng bộ Bến Tre đã xây dựng được một lực lượng chính trị đông đảo, trong đó chị em phụ nữ chiếm tới 80%. Cùng với lực lượng đấu tranh chính trị, những đội vũ trang bí mật cũng được xây dựng đã hỗ trợ tích cực trong các cuộc đấu tranh chống khủng bố, bảo vệ các cơ sở cách mạng. Từ thực tiễn phong trào đấu tranh của nhân dân Bến Tre, tháng 12-1956, đồng chí Lê Duẩn đã cùng tập thể Xứ uỷ Nam Bộ phác thảo phương hướng đi lên của cách mạng miền Nam: "...Do nhu cầu của cách mạng miền Nam, trong một chừng mực nào đó cần phải có lực lượng vũ trang tự vệ tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và tiến tới sau này dùng lực lượng vũ trang đó làm cách mạng lật đổ Mỹ - Diêm, con đường tiến lên cách mạng miền Nam là phải dùng bạo lực khởi nghĩa giành chính quyền"³¹.

Cũng từ thế đứng của phong trào đấu tranh cách mạng ở Bến Tre, đồng chí Lê Duẩn đã phác thảo ra những nét chấm phá đầu tiên cho bước đi cơ bản của sự nghiệp đấu tranh giải phóng toàn miền Nam. Sứ mệnh lớn lao đó là sự nghiệp của đồng bào cả nước. Phải xây dựng miền Bắc vững mạnh thành hậu phương lớn và chi viện có hiệu quả cho cách mạng miền Nam. Ngày ngày len lỏi giữa những rặng dừa, những bãi sù, bãi bần bạt ngàn và kín đáo ven sông, trong nếp nghĩ của đồng chí Bí thư Xứ uỷ đã hiện lên những tính toán táo bạo về việc xây dựng một con đường xuyên biên từ Bắc vào Nam và từ Nam ra Bắc, bất chấp gió bão và bom đạn của kẻ thù. Sang đầu tháng 5-1956, địch bắt đầu đánh phá mạnh cơ sở của ta ở Bến Tre. Để bảo đảm an toàn, ngày 14-7-1956, đồng chí Lê Duẩn rời Bến Tre lên Sài Gòn.

Sau 10 năm, đồng chí một trở lại thành phố vừa thân thiết vừa xa lạ. Sài Gòn - Chợ Lớn vừa ồn ào, náo nhiệt, vừa căng thẳng đến nhức nhối. Ngô Đình Diệm đã kịp loại trừ các lực lượng chống đối, thiết lập một bộ máy cai trị độc tài. Nhưng gia đình họ Ngô cũng kịp nhận thấy phong trào cách mạng của quần chúng không những không bị tiêu diệt mà đã khôi phục và ngày càng phát triển. Diệm lựa chọn những tay chân thân tín để đưa vào bộ máy công an mật vụ. Những con mắt cú vọ của bọn phản bội soi mói khắp các bến xe, chợ búa, đường phố, công viên. Các đồng chí trong Thành uỷ bí mật đã bố trí cho đồng chí Lê Duẩn ở tại số nhà 29, Huỳnh Khương Ninh, phường Đa Kao, quận 1. Đồng chí Lê Duẩn đã cắt bỏ bộ râu dài và trở thành người dân thành phố chính hiệu, nhàn tản như một bậc cha chú đứng tuổi từ miền Trung vào thăm con cháu. Nhưng trong nội tâm con người đồng chí lúc nào cũng nung nấu những ý nghĩ sục sôi. Những nét đại cương của đường lối cách mạng miền Nam đã hình thành. Đồng chí Nguyễn Văn Linh đang hoạt động trong nội thành thường xuyên đến làm việc với đồng chí Lê Duẩn. Niềm vui bởi sự khởi sắc của phong trào với nỗi đau của những hy sinh, mất mát cứ chông chéo vào nhau. Đồng chí chưa kịp đến điểm hẹn gặp đồng chí Nguyễn Đức Thuận để bàn về việc triệu tập hội nghị Xứ uỷ thì đã nhận được tin đau buồn: người cộng sự gần gũi của mình đã sa vào tay giặc.

Số nhà 29 Huỳnh Khương Ninh, phường Đa Kao, quận 1 là địa điểm mới của Văn phòng Xứ uỷ do đồng chí Lê Toàn Thư lãnh đạo. Căn hộ này thuê của một người Ấn Độ, ngang 4m dài 20m, có cửa hậu, phía sau là con hẻm chạy song song với đường Huỳnh Khương Ninh. Nghi trang bên ngoài là gia đình một viên chức bậc trung, có già,

có trẻ con, có nam, có nữ, có người đi dạy học. Về mặt bảo vệ người, có giường hai ngăn, có cửa hậu trên trần nhà ăn thông với con hẻm chạy song song với đường Huỳnh Khương Ninh. Về bảo vệ tài liệu, có một hầm nhỏ phía dưới bếp nơi để than, tủ ăn có ngăn bí mật cất giấu tài liệu hàng ngày, lúc cấp bách có hầm cầu nhà vệ sinh, cống thoát nước để thủ tiêu tài liệu. Nơi đây không đào hầm bí mật để giấu người được. Tại căn nhà này tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn đã hoàn thành cơ bản văn kiện *Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam* (gọi tắt là *Đề cương cách mạng miền Nam*).

Mở đầu bản *Đề cương* nhắc lại những nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải thực hiện là xây dựng hậu phương lớn miền Bắc vững mạnh, đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam và tranh thủ sự giúp đỡ của cách mạng thế giới. Cách mạng miền Nam sẽ trực tiếp đánh đổ chế độ độc tài, phát xít Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ. Cách mạng miền Nam gắn chặt với công cuộc xây dựng miền Bắc vững mạnh và là một bộ phận không thể tách rời của phong trào cách mạng thế giới đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hoà bình và chủ nghĩa xã hội. Tình hình trong nước và trên thế giới lúc đó rất phức tạp, không ít người còn trông chờ vào xu hướng hoà hoãn và nuôi ảo tưởng hoà bình, việc xác định con đường phát triển cách mạng miền Nam có nhiều khó khăn. Từ sự phân tích sâu sắc về bản chất của kẻ thù và qua những năm tháng trực tiếp chỉ đạo phong trào quần chúng, đồng chí Lê Duẩn khẳng định: "Để chống lại Mỹ - Diệm, nhân dân miền Nam chỉ có một con đường cứu nước và tự cứu mình, là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường khác"³².

Bản *Đề cương* vạch rõ, chính quyền miền Nam lúc đó chính là chủ nghĩa thực dân kiểu mới do đế quốc Mỹ nặn ra và nuôi dưỡng. Chế độ Mỹ - Diệm đã chà đạp thô bạo lên mọi quyền lợi của quần chúng lao động từ quyền sống, tự do, dân chủ, quyền được bảo vệ tính mạng và tài sản đến những quyền lợi thiêng liêng như hoà bình, thống nhất Tổ quốc. *Đề cương* chỉ rõ: "Mục đích cách mạng của miền Nam còn phải đánh đổ chính quyền độc tài, phát xít Mỹ - Diệm, thực hiện một chính quyền liên hiệp dân chủ có tính chất dân tộc độc lập, để giải phóng nhân dân miền Nam ra khỏi ách đế quốc phong kiến độc tài phát xít Mỹ - Diệm để cùng với toàn quốc thực hiện hoà bình, thống nhất, độc lập dân tộc"³³. *Đề cương* trình bày những bài học kinh nghiệm quý giá được rút ra từ quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng:

1. Phải có một thực lực cách mạng bên trong thì mới kịp thời sử dụng được có hiệu quả thời cơ bên ngoài.
2. Phải có một đảng cách mạng đứng trên lập trường giai cấp của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, theo chủ nghĩa Mác-Lênin, lãnh đạo phong trào cách mạng dân tộc giải phóng thì cách mạng mới thành công.
3. Phải xây dựng khối công - nông liên minh sâu rộng vững chắc.
4. Xây dựng, củng cố, phát triển mặt trận dân tộc thật rộng rãi.
5. Phải biết khai thác những mâu thuẫn nội bộ địch, để làm yếu địch, để gây lực lượng của ta ngay trong lòng địch, để cô lập địch.

Đề cương Đường lối cách mạng miền Nam đã được Hội nghị Xứ uỷ Nam Bộ thảo luận và được phổ biến cho các cấp uỷ đảng.

Cách mạng miền Nam đang trải qua những thử thách gay go. Quân thù còn chưa phơi bày hết bộ mặt đao phủ tàn bạo. Hướng đi lên của phong trào vẫn đang cần được định hướng. Bản *Đề cương* đã giúp cho cán bộ, đảng viên ở miền Nam khắc phục được những tư tưởng mơ hồ, thấy rõ được trách nhiệm nặng nề của người chiến sĩ cách mạng, nhìn nhận rõ bản chất của kẻ thù và nhất là thấy được hướng đi lên của phong trào cách mạng, vững tin ở Đảng, ở thắng lợi cuối cùng. Bản *Đề cương* là một văn kiện quan trọng góp phần chuẩn bị cơ sở lý luận và tư tưởng chính trị để hình thành Nghị quyết Trung ương 15 theo tinh thần của *Đề cương*, các đảng bộ miền Nam đã có ý thức chuẩn bị lực lượng và khả năng vũ trang cách mạng trong khi chờ đợi khả năng chính thức của Trung ương.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 6-1956, tư tưởng của bản *Đề cương* cách mạng miền Nam, cuối tháng 12-1956 đến tháng 1-1957, Xứ uỷ Nam Bộ đã họp Hội nghị lần thứ hai để nhận định tình hình và đề ra phương hướng nhiệm vụ trước mắt cho toàn Đảng bộ. Trước sự lung lay gắt gao của Mỹ - Diệm, nhiều đảng viên bị sa vào tay giặc, vì vậy Hội nghị không có điều kiện họp ở trong nước mà phải họp ở Phnôm Pênh, (Campuchia). Dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Duẩn, Hội nghị đã thảo luận, phân tích, đánh giá tình hình miền Nam và bàn một số chủ trương đấu tranh trước mắt. Hội nghị nhận định: "Cách mạng miền Nam đang bị chìm trong bể máu cho nên đã đến lúc miền Nam phải tổ chức lực lượng vũ trang, trước hết là vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền để chống lại bạo lực của kẻ thù". Hội nghị đã đề ra ba nhiệm vụ cần kíp trước mắt của Đảng bộ:

1. Chống chính sách phát xít của Mỹ-Diệm về chính trị và kinh tế, đòi tự do cơm áo.
2. Chống chính sách gây chiến, đòi hoà bình thống nhất, trước hết đòi lập lại quan hệ hai miền Nam - Bắc.
3. Xây dựng thực lực của ta, chủ yếu là củng cố Đảng, tăng cường uy thế và vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố khối công - nông liên minh, mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất; đi sâu vào cơ sở quần đội và chính quyền Ngô Đình Diệm.

Căn cứ vào tương quan lực lượng giữa cách mạng miền Nam và Mỹ - Diệm, Xứ uỷ Nam Bộ nêu phương hướng tranh đấu hiện tại là chặn bàn tay phát xít, chặn âm mưu gây chiến của Mỹ - Diệm để đòi một số quyền lợi thiết thực, cấp bách của quần chúng. Trả lời câu hỏi đặt ra về phương thức đấu tranh, đồng chí Lê Duẩn và một số đồng chí trong Thường vụ Xứ uỷ nêu phương thức đấu tranh “tương đối hoà bình” để giữ vững và phát triển phong trào, chống địch khủng bố. Xứ uỷ nêu ra các công tác và nhiệm vụ của năm 1957:

- Các tỉnh uỷ phải tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhận thức rõ đây là một công tác cách mạng căn bản nhất, là một vũ khí căn bản nhất để đấu tranh đánh quân thù, trong giai đoạn hiện tại: tổ chức đảng các cấp, cho đến các đảng viên đều phải không ngừng tuyên truyền cách mạng.

Công tác tuyên truyền chủ yếu là hình thức tuyên truyền miệng. Xứ uỷ ngừng ra báo *Hoà bình thống nhất*, bản *Tin tức miền Nam* mà ra những tập sách tuyên truyền nhỏ. Tỉnh bỏ tờ báo tỉnh, ra tờ thông tin ngắn gọn để phản tuyên truyền của địch.

- Đảng viên phải nắm vững quần chúng, phải mở rộng công tác Mặt trận Dân tộc thống nhất, củng cố liên minh công - nông, chú ý vận động phụ nữ tham gia cách mạng.

- Về phương thức đấu tranh: Xứ uỷ yêu cầu các địa phương trong từng lúc, từng địa phương mà đưa ra khẩu hiệu và mức độ đấu tranh cho thích hợp.

- Công tác đảng năm 1957 nhằm thực hiện ba yêu cầu lớn: *một là* xây dựng tư tưởng cho đảng viên; *hai là* giáo dục đường lối chính sách và chủ nghĩa Mác-Lênin cho cán bộ, đảng viên; *ba là*, xây dựng tác phong và phương pháp công tác cách mạng, chỉnh đốn tổ chức và lề lối làm việc, tăng cường đoàn kết, đề cao kỷ luật.

Công tác đảng tập trung nhằm xây dựng lòng tin vào tiền đề cách mạng, tinh thần chiến đấu, khí tiết, kiến thức về đường lối, chính sách của Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

Hội nghị Xứ uỷ Nam Bộ kết luận: Với đế quốc Mỹ, phát xít Diệm không thể trông mong cầu xin mà phải đấu tranh, muốn đấu tranh phải có thực lực.

Tại Hội nghị này, đồng chí Lê Duẩn đã trình bày dự thảo *Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam* để lấy ý kiến đóng góp, chuẩn bị báo cáo với Trung ương.

Tranh thủ trao đổi với các đồng chí dự Hội nghị về nhiều vấn đề quan trọng, trong đó điều đồng chí tâm đắc nhất là phải dựa chắc vào nhân dân để xây dựng thực lực cách mạng. Chỉ có trận địa lòng dân mới đảm bảo thắng lợi cuối cùng. Đồng chí nhận định âm mưu và thủ đoạn của địch sẽ còn thâm độc và tàn ác hơn nhiều. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam chống Mỹ - Diệm sẽ còn khó khăn, gian khổ nhiều hơn nữa. Sau khi phân tích tương quan lực lượng giữa ta và địch, căn cứ vào phương hướng và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam, đồng chí chỉ rõ: phải đẩy mạnh phong trào đấu tranh công khai chống âm mưu và những thủ đoạn phản dân hại nước của chính quyền Ngô Đình Diệm trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, đòi tự do, cơm áo, bảo vệ quyền lợi về dân sinh, dân chủ cho nhân dân; đẩy mạnh phong trào đấu tranh đòi hoà bình thống nhất Tổ quốc, lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc; đẩy mạnh mọi hoạt động để xây dựng thực lực cho phong trào cách mạng, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng khối liên minh công - nông, mở rộng mặt trận đoàn kết toàn dân, thức tỉnh lòng yêu nước và tinh thần dân tộc của những người trong bộ máy nguy quân, nguy quyền.

Sau Hội nghị, khoảng tháng 2-1957, tại cơ quan Xứ uỷ gần biên giới Campuchia, đồng chí Lê Duẩn và một số đồng chí trong Xứ uỷ Nam Bộ đã có hai đợt làm việc với các đồng chí lãnh đạo Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí đã nghe báo cáo và góp nhiều ý kiến về hoạt động của Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và gợi ý một số nhiệm vụ cho Khu uỷ là phải phát triển thực lực, xây dựng lực lượng nòng cốt cho cách mạng; phải khéo giữ bí mật, tránh bộc lộ lực lượng, đề phòng địch phá hoại.

Cuối tháng 4-1957, đồng chí Lê Duẩn ra Bắc nhận nhiệm vụ mới, đồng chí Phạm Hữu Lầu được cử thay làm Quyền Bí thư Xứ uỷ.

Cuộc đời hoạt động cách mạng đầy gian truân và sóng gió của đồng chí Lê Duẩn gắn liền với những chuyến ra đi, những cuộc chia tay với bạn bè, đồng chí, người thân.

Năm xưa, trên đường qua Campuchia để ra Việt Bắc công tác, Tướng Nguyễn Bình đã hy sinh vì vô tình lọt vào ổ phục kích của địch. Lần này, chuyến đi của đồng chí Lê Duẩn bằng đường bộ cũng không thành vì thời gian đã xoá nhoà đi những dấu vết của đường cũ. Tổ chức chưa nối lại được những cơ sở bí mật giữa một dải núi rừng dân cư thưa thớt.

Khoảng đầu tháng 5-1957, nữ đồng chí Hồ Anh, một đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc đã hoạt động tại Việt Nam, qua đường Băng Cốc vào Phnôm Pênh, chuyển cho đồng chí Lê Duẩn mật thư có chữ ký của đồng chí Phạm Hùng viết từ Hà Nội. Đồng chí Lê Duẩn sẽ đi bí mật bằng tàu thủy từ Phnôm Pênh tới Hồng Công để về Hà Nội. Đồng chí Q.M, một cán bộ của Hoa kiều vụ đóng vai người cháu, đưa ông cậu về quê ở Trung Hoa đại lục. Từ lúc xuống tàu đến khi vượt qua địa giới Hồng Công, đồng chí Lê Duẩn phải giả làm người cầm đũa khỏi lộ tung tích.

Đồng chí Lê Duẩn phải ở dưới hầm kho của tàu rất chật chội, nóng nực. Mỗi khi có nhà đoàn xuống khám hàng lậu lại phải chui xuống tận đáy tàu. Ở đây chỉ có một lỗ thông hơi nên mồ hôi vã như tắm. Sau 5 ngày xuôi sông vượt biển, tàu đến bên cảng Hồng Công vào ban đêm. Đón đồng chí Lê Duẩn tại Hồng Công là nữ đồng chí Hồ Anh. Đến quá trưa, cán bộ lễ tân của các bạn Trung Quốc đưa đồng chí Lê Duẩn về Quảng Châu.

Các đồng chí lãnh đạo Trung Quốc mời đồng chí Lê Duẩn đến khách sạn cao cấp để nghỉ dưỡng sức trước khi về Việt Nam. Khi tới Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây gặp thời tiết xấu chuyến bay phải lùi lại mấy hôm nhưng lại là dịp may. Các đồng chí bạn đã đưa con gái Tuyết Hồng đang học ở Quế Lâm đến thăm cha. Ngày 4-6-1957, máy bay hạ cánh xuống sân bay Gia Lâm. Đồng chí Lê Duẩn bước xuống cầu thang máy bay trong vòng tay xiết chặt của các đồng chí: Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm...

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr.27.

2. Xem: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh, tập 1 (1930-1945)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, tr.221-222.

3. Lê Duẩn: *Phong trào cách mạng và Mặt trận dân tộc Nam Bộ*, năm 1952. Tư liệu lưu tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu 2B.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr.88.

5. Trong điều kiện đất nước đang gặp nhiều khó khăn và phức tạp: Thực dân Pháp gây chiến ở miền Nam, quân đội Tưởng Giới Thạch và tay sai phá hoại ở miền Bắc, Quốc hội khoá I đã khẩn trương họp phiên đầu tiên từ 9 giờ sáng đến 1 giờ chiều ngày 2-3-1946. Các đại biểu Nam Bộ không kịp dự họp.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.8, tr.67.

7. Đồng chí Lê Hãn, con trưởng của đồng chí Lê Duẩn sau này là Đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam.

8. Trần Bạch Đằng: "Vĩnh biệt anh Ba", báo *Nhân Dân* ngày 17-7-1986.

9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.8, tr.156.

10. Nguyễn Thị Thập: *Một chặng đường*, Nxb. Hà Nội, 1982, tr. 306.

11. Trần Bạch Đằng: "Vĩnh biệt anh Ba", báo *Nhân Dân* ngày 17-7-1986.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.8, tr.386.

13. *Mật điện của Trung tướng Nguyễn Bình gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh*, ngày 8-5-1948. Lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, kí hiệu A. HIO, 0004.

14. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr.71.

15. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr.422.

16. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr.38.

17. Báo *Văn nghệ*, ngày 2-4-1988.

18. Lê Duẩn: *Phong trào cách mạng và Mặt trận dân tộc Nam Bộ*, năm 1952. Tư liệu lưu tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu 2B.

19. *Lê Duẩn – một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.56.

20. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, t.1, tr.423.

21. Đồng chí Nguyễn Chánh, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng khóa II, Bí thư Khu uỷ Khu V trong kháng chiến chống Pháp.

22. *Lịch sử biên niên Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 35.

23. Đồng chí Nguyễn Chánh, nguyên là Trung tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam.

24, 25. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.15, tr.273-308.

26. Tuy Xứ uỷ Nam Bộ đã được thành lập, song trong thời gian tập kết quân đội, cán bộ từ miền Nam ra miền Bắc, Trung ương Cục miền Nam vẫn chỉ đạo hoạt động của các cấp bộ đảng tại Nam Bộ.

27. Theo quy định của Hiệp định Giơnevê, sau hai năm, hai miền Việt Nam sẽ tổ chức tổng tuyển cử chung để thống nhất đất nước.

28. *Lịch sử biên niên Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 35.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.17, tr.799.
30. *Lê Duẩn – một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.944.
31. *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980, tr.33.
- 32, 33. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.17, tr.785-787.